

Charles Wagner
La Vie Simple

SỐNG ĐỜI GIẢN DỊ

Vũ Bằng dịch

LỜI NHẮN CỦA NGƯỜI ĐÁNH MÁY

Trong quá trình gõ lại quyển sách thông qua bản scan (của một người anh em thiện lành nào đó) được in nhiều chục năm trước, đôi chỗ đã bị mờ và bị nhòe, tôi không thể biết chính xác hay đoán được nó là từ gì vì đó là chữ của người xưa. Hy vọng quý anh chị có thể lượng thứ được những hạt sạn không mong muốn này. Bên cạnh đó tôi cũng mạn phép tô đậm, in nghiêng vài câu chữ đắt giá và sửa lại chính tả của một số từ mà ngày nay chúng ta đã dùng khác đi.

Tôi gõ lại quyển sách này cũng vì cho rằng không còn quyển nào về Lối Sống Tối Giản có thể vượt qua được nó nữa. Thậm chí ta còn có thể chọn nó làm sách gối đầu giường bởi nội dung quá hàm súc. Nên nếu chúng ta đọc xong và vẫn tiếp tục săn tìm thêm sách dạy tối giản, ta thật đường ray.

Chút thời gian rảnh rồi, gõ lại quyển sách quý để nó không bị phai tàn. Hy vọng mọi người vui vẻ thưởng thức nó cũng như chia sẻ giá trị này càng rộng khắp càng tốt. Xin cảm ơn!

Lục Phong

Giáng sinh,

25/12/2019

MỤC LỤC

Lời nói đầu		1
CHƯƠNG I	CUỘC ĐỜI PHIÊN TOÁI	4
CHƯƠNG II	TINH THẦN GIẢN DỊ	15
CHƯƠNG III	TƯ TƯỞNG GIẢN DỊ	20
CHƯƠNG IV	LỜI NÓI GIẢN DỊ	32
CHƯƠNG V	BỒN PHẬN GIẢN DỊ	40
CHƯƠNG VI	NHU CẦU GIẢN DỊ	51
CHƯƠNG VII	THÚ VUI GIẢN DỊ	58
CHƯƠNG VIII	TÍNH GIẢN DỊ VÀ ÓC CON BUÔN	68
CHƯƠNG IX	ÓC HIẾU DANH, THÍCH QUÁNG	
	CÁO ÀM Ỡ	77
CHƯƠNG X	XÃ GIAO VÀ ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH	88
CHƯƠNG XI	CÁI ĐẸP GIẢN DỊ	95
CHƯƠNG XII	ÓC TỰ PHỤ VÀ TÍNH GIẢN DỊ	
	TRONG NHỮNG GIAO TIẾP XÃ HỘI	102
CHƯƠNG XIII	GIÁO DỤC TINH THẦN GIẢN DỊ	113
CHƯƠNG XIV	KẾT LUẬN	125

LỜI NÓI ĐẦU

Người bệnh bị sốt nóng giẫy vò, cổ khô, họng cháy, mơ thấy trong giấc ngủ một dòng suối mát rượi và y ngụp xuống để tắm rửa thỏa thuê, hay một làn nước trong veo mà y cúi xuống để uống cho thỏa thích.

Trong cuộc đời hoạt động nhiều khê của thời đại văn minh này, tâm hồn mệt mỏi của chúng ta cũng ao ước một cái gì giản dị.

Có nhiều người nghĩ rằng: “sống cuộc đời giản dị, vậy là lại quay về thời trước, sống như các cụ ta, ăn lông ở lỗ chẳng?”

Người ta không thể kéo những nền văn minh quay trở về nguyên thủy, cũng như người ta không thể bắt những dòng sông trở về nguồn.

Sự giản dị của cuộc đời không phải chỉ bằng cứ vào yếu tố kinh tế này hay điều kiện xã hội kia. Sự giản dị của cuộc đời chính là một ý chí làm hoạt động và thay đổi những cuộc sống khác nhau để tìm ra một lẽ sống cao cả hơn bây giờ.

Đi tìm một cuộc sống giản dị, tức là tìm cách làm tròn cái sứ mệnh cao cả nhất của đời người.

Loài người vẫn tiếp tục cố vươn lên một cuộc sống nhân đạo hơn, bác ái hơn và tươi sáng hơn, há chẳng là họ đồng thời vươn lên tìm một đời sống giản dị hơn? Sự giản dị cổ xưa, trong phạm vi nghệ thuật, tư tưởng và phong tục, sở dĩ còn giữ được một giá trị tuyệt đối đến bây giờ, chính là vì nó đã làm nổi bật được nhiều tình cảm thiết yếu, nhiều chân lý bất di bất dịch.

Chúng ta phải thiết tha trù mến sự giản dị đó và hình hương, gìn giữ.

Song le, cuộc sống đời giản dị không phải chỉ là sống giản dị bề ngoài. Những người chỉ sống giản dị bề ngoài mà không trau dồi lấy một

tinh thần giản dị bên trong, là những người mới đi được một trong một trăm phần con đường giản dị.

Thực vậy, chúng ta không sống giản dị về hình thức như ông cha ta được nhưng chúng ta rất có thể sống giản dị về tinh thần như các cụ.

Bây giờ, chúng ta đi trên những con đường mới, nhưng mục đích của nhân loại xưa và nay há vẫn chẳng có một đó ư? Đi bộ hay đi máy bay rút lại cũng chỉ đi tìm chân lý. Ngày xưa, chưa có xe thì đi bộ; bây giờ phương tiện chuyên chở có nhiều, chúng ta muốn đi xe lửa, tàu thủy hay máy bay tùy ý. Đi tìm chân lý với những phương tiện mà chúng ta sẵn có, đó là điều quan hệ nhất, xưa cũng như nay.

Chính bởi vì chúng ta không biết như thế và hành động không đúng như thế mà thành ra chúng ta làm cho cuộc sống rối tung và nhiều khê vô cùng.

Chúng tôi trình bày cuốn sách này ra quốc âm để các bạn cùng với chúng tôi đi tìm một lẽ sống mới: Sống Giản dị.

Quan niệm sống giản dị này, một ngày kia, cần phải được xâm nhập vào giáo dục và phong tục của ta.

Năm 1901, một tiểu thư Mỹ quốc đã đem trình chính cái triết lý sống giản dị này với công chúng thành New York. Cựu tổng thống Roosevelt tìm đọc và thích thú vô cùng. Trong hai buổi nói chuyện lịch sử, ông thiết tha khuyên người Mỹ nên sống giản dị.

Hơn thế, ông lại còn mời tác giả nền triết lý Sống đời giản dị là Charles Wagner sang Mỹ để trình bày về quan điểm “sống giản dị”. Bước lên diễn đàn, cựu tổng thống Roosevelt đã giới thiệu tác giả pho triết lý “sống giản dị” như sau:

“Đây là lần thứ nhất, mà cũng là lần độc nhất trong đời làm tổng thống của tôi, tôi giới thiệu một diễn giả với công chúng. Tôi lại càng vui sướng hơn vì đã được làm việc giới thiệu hôm nay, bởi vì, nếu có một cuốn sách mà tôi mong được thấy toàn thể quốc dân ta đọc như một truyền đơn, một truyền đơn bỏ ích, thì chính là cuốn sách “sống đời giản dị” này của ông Charles Wagner. Theo ý riêng tôi, trong khoảng những năm gần đây, chưa có một cuốn sách nào ở nước ta cũng như ở ngoại quốc, lại chứa đựng nhiều điều ích lợi mà chúng ta, con dân nước Mỹ, đều phải học lấy làm lòng, như cuốn sách “Sống đời giản dị” này.

Trình bày cuốn sách này với bạn đọc thân yêu, chúng tôi thiết tha mong sẽ có nhiều người đọc và cái thuyết “giản dị hóa đời sống” sẽ được áp dụng trong cái thời đại nhiều khô, náo động này.

Do đó, chúng ta sẽ lưu tâm đến một vấn đề quan trọng nhất trong tất cả các vấn đề: Sống và tổ chức cuộc sống của chúng ta.

Chúng tôi mong bạn đọc trong khi suy nghĩ về vấn đề tối quan trọng đó sẽ cùng nhận thấy và hiểu biết rằng hạnh phúc, sức mạnh và vui tươi của kiếp sống con người, một phần lớn, bắt nguồn từ tinh thần giản dị.

Hiện nay, nhiều sự phiền toái vô ích đã ngăn cách chúng ta với lý tưởng bác ái, công lý và chân lý – mà chính cái lý tưởng đó lại sưởi ấm lòng chúng ta, đem lại cho ta ý chí muốn sống ở đời. Những sự phiền toái, vô ích đó, tiếng là để che chở cho ta và hạnh phúc của ta, nhưng thực tình thì đã ngăn cản mất cả ánh sáng của ta.

“Sống đời giản dị” tức là phá bỏ những sự phiền toái, vô ích đó để tìm ánh sáng, để tìm chân lý, để tìm lẽ sống chân chính vậy.

NHÀ XUẤT BẢN

CHƯƠNG I

CUỘC ĐỜI PHIÊN TOÁI

Đã bốn hôm nay, nhà họ Bạch cứ nhao lên.

Nào có gì đâu: cô con gái út là Liên, đến thứ tư này thì cưới, mà hôm nay là thứ bảy!

Suốt ngày, khách khứa ra vào tấp nập. Người thì đến chúc mừng, người thì đến bàn bạc về đồ dẫn cưới. Đi bảy xe ô tô. Cô dâu mặc áo màu huyết dụ hay cần rượu? Lúc tế tơ hồng, ai đọc văn tế? Lại cô nào phù dâu? Mà có phải báo trước cho hiệu chụp hình đến để chụp lúc cô dâu bước lên xe hoa về nhà chồng không? Tội tởm mất cả ăn cả ngủ. Hai bên cha mẹ cứ phóng xe đi suốt ngày. Không còn phải là sống nữa: họ mê cả người đi. Người thì mua lụa may áo; người thì bảo dọn cửa dọn nhà; người thì mắc điện; người thì sai bảo đánh bàn đánh ghế; người thì may màn; người thì đi mua giấy; người thì chọn khăn; người thì đi đánh đồ vàng. Không còn phải là người nữa: họ là người giấy chạy trong cái đèn cù. Mệt quá.

Vậy mà đến chiều về, họ có được nghỉ ngơi đâu.

Một cậu em, nhân cưới chị gái, nằng nặc đòi cho kỳ được một cái xe máy đắt tiền. Con ở đau vì làm việc nhiều, dờ quẻ, xin thôi việc. Rồi thì ở trên bàn, lại có một chồng thư chờ đợi: người làm bánh, lúc cuối cùng, đòi thêm một ngàn đồng nữa mới làm; người thợ may bán cạnh nhất định đến thứ tư mới được áo, chứ không thể làm vội được; một gã nặc danh dọa nếu cô Liên bỏ hấn thì hấn viết bài tố cáo cô trên mặt áo; một cô phù dâu, nhức đầu, xin chối từ; chú rể mới xem lịch lại bảo ngày thứ tư xấu lắm... Nghĩ mà cứ nhức cả đầu lên. Tội nghiệp nhà họ Bạch! Sát ngày cưới rồi mà chưa xong được việc gì. Họ cứ tưởng việc gì cũng

tiên liệu, việc gì cũng xếp đặt chu đáo; vậy mà đến bây giờ chẳng ra đâu vào đâu. Đời sống khổ như địa ngục.

Mà không phải họ mới sống như thế một vài ngày... Một tháng nay, tức là từ ngày họ nhà trai xin cưới, họ đã sống như thế rồi. Không còn lúc nào thở được không còn một giây phút nào trầm mặc để nói với nhau một câu chuyện yên vui. Không, sống như thế không phải là sống, đời như thế nào phải đâu là đời...

May sao, trong nhà, lại có một căn buồng riêng trên gác của người bà nội! Bà nội năm nay đã ngót tám mươi. Cả một cuộc đời của cụ truân chuyên, vất vả. Cụ đã sống nhiều, cụ đã trải lắm, nên cụ bình thản nhìn sự vật với một niềm tin chắc chắn, chỉ riêng những người thông minh và biết thương yêu mới có mà thôi..

Quanh quẩn trong gian buồng, uống nước, ăn trầu, hút thuốc và suy nghĩ, cụ ưa thích sự êm ả, dịu dàng. Bao nhiêu sự ồn ào, náo động, bao nhiêu cử chỉ, ngôn ngữ cuồng loạn đều ngừng lại ở trước cửa buồng của cụ. Vào đến trong buồng, mọi cử chỉ đều dịu hiền đi, những tiếng nói hạ thấp xuống và tiếng chân bước cũng êm ả, chứ không dồn dập. Nhà họ Bạch sống theo nếp mới: Cô dâu chú rể, trước khi cưới, vẫn được phép gặp nhau, trò chuyện. Nhưng, ở trong một cái nhà sáo lộn lên như thế, âm ỹ suốt từ sáng tới chiều, làm sao mà yên ổn nói chuyện được với nhau? Vì thế, mỗi khi muốn bình thản tâm hồn, nói chuyện với nhau, êm ả, đôi người trẻ tuổi đó lại lên gác, vào trong buồng của người bà. Cụ bảo:

- Tội nghiệp các con, mệt mỏi quá phải không? Các con nghỉ ngơi đi một chút, không có thì ốm đấy. Các con phải sống cho các con trước hết rồi hãy sống cho người ngoài. Ta chẳng nên mê mẩn về ngoại vật quá như thế.

Cô dâu chú rể đều cảm giác lời bà cụ nói là đúng. Quả thế, đã một tháng nay, họ gần như quên mất cái then chốt là mối tình của họ. Đã một

tháng nay, ái tình của họ há chẳng đã bị lấn át vì bao nhiêu sự bó buộc, bao nhiêu thành kiến, bao nhiêu điều phiền phức mà vô ích đó ru? Đầu óc của họ chỉ bận rộn về những điều phụ, còn điều chính thì không còn có thời giờ nghĩ đến.

Bà cụ lại bảo:

- Thực vậy, các cợn ạ! Cuộc đời bây giờ phiền toái vô cùng. Mà người ta cũng chẳng sung sướng gì hơn... Có khi trái lại...

Đôi trẻ, nghe lời bà cụ và thấy lời bà nói đúng...

Lời nói của bà cụ đúng thật. Những người suy nghĩ nhiều đều đồng ý.

Từ lúc mới lọt lòng nằm ở trong nôi, đến lúc 2 tay buông xuôi được người thân thích đưa ra nắm một, người của cái thời đại mới này quay cuồng múa lộn trong những sự phiền toái vô ngần. Phiền toái từ những sự cản dưng thiết yếu đến những trò giải trí, vui đùa; phiền toái từ quan niệm về cuộc đời đến quan niệm về bản thân mình nữa. Thôi, chẳng còn cái gì là giản dị nữa: nghĩ không giản dị, hành động không, chơi bời không, mà chết cũng không giản dị nốt. Chính tự tay chúng ta, chúng ta đã tạo cho cuộc đời muôn ngàn sự phiền toái, nhiều khê và do đấy, chúng ta đã giết chết mất nhiều sinh thú.

Ta có thể chắc chắn rằng, vào giờ phút này đây, có hàng trăm vạn người đồng loại với ta đương đau khổ vì hậu quả của một kiếp sống giả tạo quá. Chắc họ sẽ tán thành ý kiến chúng tôi và lúc này đây họ đang mơ trở về cuộc sống thanh bình, giản dị.

Đời sống phiền toái lộ ra rõ nhất trong trăm ngàn sự cản dưng vật chất hàng ngày. Chúng ta càng lăm tiền thì càng thấy lăm sự cản dưng. Chính điều đó cũng không phải là cái xấu. Càng thấy nhiều sự cản dưng thì càng tỏ ra tiến bộ. Cần phải rửa mặt mũi sạch sẽ, cần phải ăn vận

tươi tắn, cần phải ở nhà cao ráo, thoáng khí, cần phải ăn uống tinh khiết, bổ béo, cần phải trau dồi trí óc luôn: những sự cần dùng đó tỏ ra ta tiến bộ, văn minh hơn người. Nhưng trong những sự cần dùng đang có, cần phải bảo tồn, lại có những sự cần dùng có ảnh hưởng không tốt và làm hại đến ta là khác.

Nếu trước kia, chúng ta có thể tiên đoán cho các cụ tổ ta biết rằng nhân loại rồi ra sẽ có những vật dụng mà hiện nay chúng ta đang có để làm cho đời sống dễ dàng, tất nhiên là các cụ tổ ta phải cho rằng sống như thế thì thích lắm, hạnh phúc lắm, độc lập lắm. Mà rồi các cụ lại còn cho rằng, với những vật dụng tối tân đó, loài người sẽ đạt tới một điểm rất cao về đạo đức và danh giáo.

Sự thực, tất cả những cái đó không đưa ta tới đâu hết: ta không thấy hạnh phúc, không thấy hòa bình xã hội, không thấy lòng kiêu ái tăng lên được phần nào. Trước hết, chúng ta có hề thấy đồng bào ta, những người đồng loại ta với ta hiện nay – nói về đa số - sung sướng, mãn nguyện hơn các cụ tổ ta không?

Mà họ có chắc chắn vào ngày mai hơn các cụ tổ ta không?

Cứ để ý nhận xét họ sống thì tôi thấy đa số họ bất mãn cho số phận, trước hết là vì đời sống vật chất đòi hỏi nhiều sự cần dùng quá, mà sau là vì họ lo âu vì cái ngày mai bất trắc ám ảnh luôn luôn họ. Từ khi người ta ăn uống sướng hơn, may mặc sướng hơn, ăn ở sướng hơn ngày trước thì cái vấn đề ở, ăn và mặc đối với người ta lại càng ray rứt, cấp bách hơn.

Đừng tưởng rằng chỉ có những người nghèo khó, túng thiếu, ăn bữa hôm, lo bữa mai mới tự hỏi: “Ta sẽ ăn gì? Ta sẽ uống gì? Ta sẽ mặc gì?” Những người túng thiếu mà tự hỏi như thế thì là thường. Mà họ tự hỏi như thế là đúng, là giản dị lắm. Nhưng còn những người có những cuộc sống dễ chịu mà lúc nào cũng băn khoăn thêm khát những cái mà họ thiếu, mà họ chưa thể có. Muốn thấy rõ mối băn khoăn về vật chất này,

ta cứ nhận xét cái hạng người dễ chịu và nhất là cái bọn người có của thì đủ biết. Những người đàn bà có mỗi một bộ quần áo đẹp không phải là những người đàn bà luôn luôn tự hỏi ta phải ăn mặc thế nào. Càng những người thừa ăn lại càng thắc mắc – chẳng biết ăn gì cho ngon.

Những người được mãn nguyện thấy có nhiều sự cần dùng hơn người thường: đó là một cái luật mà chúng ta đều nhận thấy. ***Đã có tiền, thì lại muốn có nhiều tiền hơn mãi.***

Một người càng có của ăn, của để thì lại càng băn khoăn, lo nghĩ về hậu nhật. Rồi thì mình sống ra sao? Gây dựng cho con cái thế nào? Đứa này cho làm gì? Đứa kia cho làm gì? Rồi các cháu nữa... chẳng biết rồi có nên người hay không? Không ai có thể tưởng tượng được hết cả những nỗi lo âu, sợ sệt, những điều thắc mắc tỉ mỉ, phiền phức của một người “Mát mặt”...

Do đó, trong các tầng lớp xã hội và, tùy theo điều kiện, mới phát sinh ra một mối thắc mắc chung, một tâm trạng rất phiền toái, giống như tính tình các trẻ em hư hỏng vừa được nuông chiều mà lại vừa bất mãn, không vừa ý.

Chúng ta đã không sung sướng gì hơn mà lại còn không yên vui và khiêm ái hơn: đó mới thật đáng buồn. Những trẻ em hư hỏng thường tranh giành nhau, đánh đập nhau.

Người đời càng có nhiều dục vọng, càng nhiều sự cần dùng bao nhiêu thì lại càng tìm có gây gổ với người đồng bào, đồng loại bấy nhiêu. Mà những cuộc gây gổ ác liệt nhất lại là những cuộc gây gổ bắt nguồn từ những lý do vô lý nhất.

Đánh nhau lấy miếng ăn, lấy những đồ thiết dụng, đó là luật thiên nhiên. Thực ra thì luật thiên nhiên đó có phần tàn nhẫn; nhưng trong cái tàn nhẫn đó, còn có điểm tha thứ được, mà thường thường nó chỉ quy vào những hành động tàn nhẫn thô sơ.

Cuộc tranh đấu cho xa xỉ, cho danh vọng, cho phù hoa, cho thú vui vật chất, cho quyền lợi thì khác hẳn. Cái đói chưa từng bao giờ làm cho người ta can phạm những tội lỗi xấu xa, đê tiện như dục vọng, như tính biển lận, như lòng khao khát những thú vui nhơ bẩn. Lòng ích kỷ mà càng tinh vi bao nhiêu thì lại càng tai hại bấy nhiêu. Vào thời đại này đây, lòng ghen ghét, thù hằn đồng bào, đồng loại mỗi ngày thêm trầm trọng. Lòng chúng ta không dịu được phần nào, trái lại, lại càng thêm khổ não.

Đến như thế, thì còn cần gì phải hỏi xem chúng ta bây giờ có tiến hơn các cụ về mặt đạo đức không? Then chốt của lòng nhân ái há chẳng là chỗ người ta biết yêu thương người khác, biết quên mình sống vì tha? Mà một cuộc đời chỉ hi sinh cho những bận rộn vật chất, những nhu cầu hầu hết là giả tạo, cho sự thỏa mãn những dục vọng, những tư thù, những ước muốn kiêu sa của mình thì hỏi còn đâu là chỗ để dành cho người khác? Người mà chỉ chú tâm phụng sự dục vọng thì thấy dục vọng lớn mãi lên và sẽ làm nô lệ cho dục vọng, không thể nào chế ngự được nữa. Một khi mà đã làm nô lệ cho dục vọng, người ta mất hết cả quan niệm đạo đức, mất hết cả lòng cương quyết và không thể nhận thấy điều hay lẽ phải nữa. Đã không nhận thấy thì còn làm điều hay, nói lẽ phải thế nào được? Người ta sẽ lẫn lộn, quay cuồng trong sự rối loạn bên trong của dục vọng do sự rối loạn bên ngoài gây ra. ***Đời sống đạo đức quy vào sự tự kiểm chế, tự chế ngự mình. Đời vô đạo đức thì nhu cầu dục vọng nó chế ngự mình.*** Do đó, những căn bản của cuộc đời sẽ chuyển di, mà quan niệm cùng lẽ lối sống ở đời cũng vì thế mà sai lạc.

Đối với một người làm nô lệ nhiều nhu cầu, nô lệ cho những nhu cầu tha thiết, thì “chiếm để mà có” là một niềm vui, một niềm vui nguồn gốc của tất cả những niềm vui khác. Trong cuộc chiến đấu để có, người ta đã sinh ra thù hằn những người đương có, người ta trối kệ cả quyền tư hữu khi cái quyền đó ở trong tay người (khác chứ không ở trong tay ta).

Sự hăng hái chiếm đoạt của người khác làm của mình chứng tỏ thêm rằng chúng ta quá ư tha thiết để mà có. Người đời cũng như sự vật, rút lại, được đánh giá theo giá trị tiền bạc và theo mỗi lợi có thể bòn rút được. Phàm cái gì không có lợi thì không có giá trị, người nào không có tiền thì không đáng kể. Sự nghèo nàn lương thiện rất dễ bị coi khinh, mà tiền bạc, dù là kiếm một cách bất nhân bạc ác, cũng được người ta coi trọng.

Có người sẽ hỏi:

- Vậy ra ông kết tội sự tiến bộ của thời đại mới và ông muốn kéo chúng tôi quay về thời cổ sơ chăng?
- Không bao giờ.

Không còn sự không tưởng nào nguy hiểm bằng chủ trương làm sống lại dĩ vãng, chủ trương người ta quay trở về sống với cổ sơ. Nghệ thuật biết sống cho ra sống không phải là đi ẩn dật, không phải là lẩn trốn cuộc đời. Song le, chúng tôi muốn rọi một chút ánh sáng vào một trong nhiều lầm lẫn đề trữu lên sự tiến bộ xã hội, ngõ hầu tìm phương cứu chữa. Sự lầm lẫn đó như sau: “Người đời càng thêm những phương tiện bề ngoài để sống dễ chịu bao nhiêu thì lại càng sung sướng và tốt hơn bấy nhiêu”. Thật không có gì sai lạc hơn. Trái lại, người ta càng đầy đủ về vật chất mà không có gì bồi bổ tâm hồn thì người ta càng thấy khổ và tâm tính càng bạc nhược xấu xa. Một nền văn minh tự nó không có giá trị gì; nó sở dĩ có giá trị là vì con người ở trong lòng nó.

Khi con người đó mất phương hướng về đạo đức thì mọi sự tiến bộ chỉ tổ làm cho xã hội tồi bại thêm và gây cho những vấn đề xã hội rối ren thêm.

Bây giờ, ta thử suy ngẫm về lĩnh vực giáo dục và tự do.

Chắc các bạn còn nhớ, có một thời, các giáo sĩ có phán rằng: “Muốn cho trái đất bỏ ỏi này biến thành một thiên đường, người ta chỉ cần diệt ba kẻ thù nghèo khó, ngu dốt và tàn bạo”.

Bây giờ, lại cũng có nhiều vị cứu thế nhắc lại những lời tiên đoán ấy.

Chúng ta vừa thấy rằng sự nghèo khó được diệt trừ, loài người cũng chẳng tốt hơn mà cũng chẳng sung sướng hơn gì.

Đền học vẫn, học vẫn liệu có đã đem đến một phần nào kết quả đó chưa?

Hiện giờ, người ta chưa thấy kết quả ấy đâu cả. Đó chính là một điểm băn khoăn, lo ngại cho những ai chuyên chú về giáo dục.

- Vậy thế thì người ta phải làm ngu dân, bài trừ học vấn, đóng cửa các trường học lại sao?

Không bao giờ. Song le, học vấn cũng như bao nhiêu khí cụ của nền văn minh bây giờ, chẳng qua chỉ là một khí cụ mà thôi. Khí cụ không cần lắm. Điều cần là người thợ sử dụng khí cụ ấy.

Về tự do, cũng thế. Tự do có lợi hay có hại, cũng là tùy theo cách thức người ta sử dụng. Tự do ở trong tay một quân đao tặc, một người vô giáo dục, tâm tình bất định, một kẻ gian ác, có còn là tự do không? Tự do là một thứ không khí cao cả mà người ta chỉ có thể hít thở sau khi đã lao tâm khổ trí tự giáo hóa mình rồi.

Sống ở đời nào, cũng phải có luật lệ.

Người ta lại càng phải có luật hơn các loài thấp kém khác, bởi vì đời người và đời các xã hội còn quý báu và mong manh hơn đời cây cối và súc vật. Luật lệ đối với người, trước hết, vụ ở bề ngoài, nhưng có thể xuất hiện ở bên trong. Một người tự mình theo đúng luật với mình, tự công nhận cái luật lệ bên trong mình, tôn trọng nó và tự mình kính cẩn nó thì người đó đáng được hưởng tự do, có quyền hưởng tự do.

Tự mình mà không kiềm chế được mình, tự mình mà không bắt mình theo một luật lệ nghiêm ngặt, dũng mãnh và cao thượng thì không thể hít thở không khí tự do được. Cứ hít thở thì không khí tự do làm cho

ta say, ta ngất đi, ta cuồng loạn rồi ta chết dần về tinh thần. Một người tiến bước theo đúng luật lệ của nội tâm không thể sống dưới luật lệ của quyền uy bên ngoài, cũng như con chim ở trong trứng, đủ ngày đủ tháng phải đập vỏ trứng chui ra; nhưng một người chưa tiến tới cái điểm then chốt mình tự chế ngự được mình, thì không thể sống được dưới chế độ tự do, cũng như con chim non không thể sống được nếu không có cái vỏ trứng bao bọc nó.

Những điều đó thật giản dị. Xưa và nay, bằng chứng đầy dẫy ra. Vậy mà đến tận bây giờ, chúng ta vẫn còn như chưa thấu đáo những yếu tố của cái luật lệ quan trọng vô cùng đó. Thử hỏi trong xã hội ta đã có được bao nhiêu người, lớn cũng như bé, thấp cũng như cao, đã hiểu chân lý đó? Đã bao người áp dụng chân lý đó? Sống cái chân lý đó? Không có cái chân lý đó không một nước nào có thể tự mình trị lấy mình được.

Tự do là tôn kính; tự do là vâng theo luật lệ của nội tâm. Cái luật lệ nội tâm đó không phải là sở thích riêng của những kẻ có uy quyền đâu, mà cũng chẳng phải là cái tính bông bột, sôi nổi của quần chúng đâu; nhưng đó là khuôn vàng thước ngọc tối cao, vô cá tính, nó làm cho hết thảy mọi người phải cúi đầu, mà những kẻ lãnh đạo cúi đầu theo trước nhất. Nói thế chẳng hóa ra ta phải diệt trừ tự do đó sao?

Không, không diệt trừ tự do, nhưng ta phải tự luyện cách nào cho đáng hưởng tự do, có tư cách hưởng tự do. Nếu không thế, đồng bào không thể chung sống với nhau được mà quốc gia thì chìm đắm vào trong trụy lạc và vô trật tự để rồi tiến đến chỗ diệt vong.

Ngồi mà kiểm điểm lại những nguyên nhân làm rối loạn đời sống xã hội của ta, những nguyên nhân làm cho đời sống xã hội của ta mỗi ngày thêm phức tạp, thiết tưởng rất dài. Thôi, muốn gọi là gì đi nữa thì những nguyên nhân đó cũng chỉ rút lại có một nguyên nhân chính, như

thế này: Cái chính lẫn lộn vào cái phụ (người ta để ý đến cái phụ nhiều quá, mà quên mất cái chính yếu).

Tiền bạc, nhà cửa, học vấn, tự do, tóm lại, tất cả nền văn minh chỉ là cái khung của một bức tranh. Nhưng cái khung có phải là bức tranh đâu, cũng như cái áo trùng có làm thành thầy tu đâu, mà bộ quân phục có làm thành một chiến binh đâu.

Bức tranh ở đây là con người, con người với tất cả cái gì thân thiết nhất: lương tâm của hắn, ý chí của hắn, tinh thần của hắn. Trong khi người ta chú tâm mài gọt cái khung, lau chùi, đánh bóng cái khung, người ta quên khuấy mất cái tranh, người ta không giữ gìn săn sóc, và đã để cho cái tranh hư hỏng. Cũng vậy, chúng ta được thừa thãi về vật chất bên ngoài, nhưng lại nghèo khó vô cùng về đời sống tinh thần ở bên trong. Chúng ta tràn trề của cải – mà nếu cần ra ta cũng có thể bỏ qua – nhưng chúng ta nghèo rớt cái điều chính yếu. Thế rồi đến khi bản ngã của chúng ta thức dậy, với sự đòi hỏi yêu thương, hy vọng, làm nhiệm vụ thì bản ngã của ta thấy đau khổ, u sầu như một người sống mà người ta mới đem chôn. Người bị chôn sống đó ngột ngạt ở dưới những cái phụ chồng chất lên như trái núi ở trên mình hắn, làm cho hắn ta bị bẹp dí mà lại thiếu ánh sáng và không khí nữa.

Cần phải lôi kéo, cần phải giải thoát cái sống thực sự ra bên ngoài, đặt nó vào chỗ của nó, đặt mọi sự vật theo thứ tự, theo hàng lối, và luôn luôn nhớ lấy làm lòng rằng: “Trọng tâm tiến bộ của người đời là sự trau dồi đạo lý”.

Thế nào là một cây đèn tốt? Cây đèn tốt không phải là một cây đèn đẹp, mài giũa cầu kỳ hay là làm bằng một thứ kim khí quý. Một cây đèn tốt là một cây đèn thấp sáng. Cũng vậy, ta là một người, một công dân không phải vì số lượng của cải của ta, không phải vì những thú vui mà ta được hưởng, không phải vì nền giáo dục tinh thần hay nghệ thuật của ta,

mà cũng không phải vì quyền tước hay vì ta tự lập, không bị lệ thuộc ai. Ta là một người, một công dân chính vì ta giữ chặt được tinh thần đạo lý.

Điều đó không phải là một chân lý bây giờ mới phát minh. Đó là một chân lý của ngàn xưa và cả ngàn sau vậy.

Thực, chưa từng có bao giờ mà những điều kiện ngoại quan, do kỹ nghệ hay học thức của người đời tạo ra, lại có thể làm cho người đời khỏi phải lo nghĩ về tình trạng của nội tâm. Thế giới thay đổi bộ mặt ở quanh ta, những nguyên động lực tinh thần và vật chất của cuộc sống cũng tự thay đổi nữa. Không có ai, mà cũng không ai có cách ngăn cản sự thay đổi đó. Nhưng công việc chính yếu, ở giữa những trường hợp luôn luôn biến chuyển đó, chỉ có một. Công việc chính yếu đó là: người ta phải sống cho ra người, người ta phải sống cuộc đời của người ta, người ta phải đi tới đích. Mặc dầu con đường tiến thủ ra sao, muốn đi cho tới đích, người bộ hành không bao giờ nên đâm quàng đâm xiên vào đường ngang, ngõ hẻm và đừng nên bận rộn vì những hành lý nặng nề vô ích. Phải nhắm đúng hướng mà tiến, phải giữ gìn sức khỏe, phải trau dồi danh dự. Và để cho mình có thể chú tâm vào điểm chính yếu là tiến tới, người bộ hành phải rút bớt hành lý đi, dù có phải chịu hy sinh đi nữa.

CHƯƠNG II

TINH THẦN GIẢN DỊ

Trước khi đem trình bày cuộc đời giản dị, trên thực tế, là thế nào, ta cũng nên tìm hiểu thế nào là sự giản dị ngay chính trong nguyên tắc của nó. Bởi vì nói ngay về sự giản dị, người đời cũng vẫn thường mắc phải cái lầm mà chúng tôi đã tố cáo trên kia: lầm cái phụ với cái chính, lầm hình thức với nội dung. Người ta cứ ngỡ rằng sự giản dị đặt nền tảng trên mấy đặc điểm cứ nom thấy thì người ta nhận ra liền. Thường người ta vẫn cho rằng giản dị và tư cách tâm thường, quần áo xuềnh xoàng, nhà cửa vừa phải, túng thiếu, nghèo khổ, tất cả những cái đó chẳng khác gì nhau, nghĩa là giản dị gần như là xuềnh xoàng, túng thiếu. Thực ra, không phải thế.

Tôi vừa gặp ở trên đường cái ba người: một người đi xe, một người đi giày đi bộ, và một người giẫm đất. Người giẫm đất không – tất nhiên phải là người giản dị nhất trong ba người ấy. Mặc dầu là người đi xe có tư cách về tiền tài nhiều hơn, y có thể là một người giản dị và không làm nô lệ cho của cải của y. Rất có thể người đi giày không thèm muốn số phận của người đi xe và không khinh bỉ người giẫm đất. Lại cũng rất có thể người giẫm đất, quần áo tả tơi, tay chân bẩn thỉu lại chính là người thù ghét giản dị, cần lao, đặm bạc và chỉ ước mơ một cuộc đời dễ dãi, rộng rãi, biếng nhác. Trong số những người ít giản dị nhất, ta phải kể những người chuyên nghiệp ăn xin, những tay gian hùng, những quân ăn bám, tất cả những người khúm núm, bợ đỡ, những người ghen ghét, đố kỵ mà hoài bão của họ có thể thu gọn vào một câu: làm bất cứ cách nào để giành lấy một phần về cho mình, phần càng to càng hay, giành lấy một miếng mồi mà những người sung sướng ở trên đời này vẫn “chén”.

Cũng trong hạng này, ta cũng nên liệt cả bọn người tham lam, bọn người liêu lĩnh, bọn biển lận, bọn tự phụ, bọn diễm đáng yếu đuối, bọn lỗi đời sành sỏi.

Quần áo bề ngoài không làm gì, ta phải xem xét nội tâm mới được. Không có một giai cấp nào được đặc quyền sống đời giản dị; quần áo, dù là xuềnh xoàng đến mấy đi nữa, cũng không phải là bằng chứng của sự giản dị. Không phải cứ ở cái nhà tranh vách đất hay giam mình vào trong một buồng tối âm u của một vị tu hành là sống đời giản dị đâu. Trong tất cả các giai cấp, trong tất cả các bậc thang xã hội, từ cao đến thấp, đều có những người giản dị và những người không giản dị.

Chúng tôi không muốn nói rằng sự giản dị không bao giờ biểu lộ ra bên ngoài đâu; chúng tôi cũng không muốn nói rằng sự giản dị không có những cốt cách, tính tình, tập tục riêng đâu; nhưng ta chớ nên làm những cái bề ngoài mà người ta có thể bắt chước với cái tinh túy của sự giản dị, cái nguồn gốc của sự giản dị. Nguồn gốc đó tiềm tàng ở mãi tận bên trong. ***Sự giản dị là một trạng thái của tâm hơn. Một con người lúc nào cũng cố gắng ăn ở cho ra người, đó tức là giản dị.*** Điều đó không dễ dàng như người ta vẫn tưởng, mà cũng không phải là khó đến nỗi không thể đạt được đâu. Bông hoa phải là bông hoa, con nọ phải là con nọ, tảng đá phải là tảng đá, mà con người phải ra con người, chứ đừng là con cú, con cáo, con thỏ hay con lợn: tất cả cái khó là ở đây.

Đến đây, ta thử cùng nhau tìm cái lý tưởng thực tế của người đời là thế nào. Trong tất cả các kiếp sống, chúng ta nhận thấy rằng có một số động lực và thực chất cấu kết với nhau để tiến tới một mục đích. Trong công cuộc đó, những vật dụng, hoặc thô sơ hoặc tinh luyện, được chế biến và được đem ra dùng trong một trình độ tổ chức cao hơn.

Đời sống của con người cũng thế.

Lý tưởng của người đời là chế biến cuộc đời thành ra những báu vật lớn lao hơn cả cuộc đời nữa. Ta có thể đem ví đời sống với một nguyên liệu. Đời sống cũng như nguyên liệu, không là gì hết. Quan trọng là làm được nó thành ra một cái gì. Cũng như trong một tác phẩm nghệ thuật, cái gì ta phải chú ý? Chính là cái gì mà nghệ sĩ đã tạo được ra.

Mỗi người chúng ta, lúc sinh ra đời, đều có mang theo những thiên bẩm khác nhau. Người thì có vàng, người thì có cẩm thạch, người thì mang đá cát, phần nhiều có gỗ hay đất sét. Nhiệm vụ của chúng ta là nhào nặn những chất đó. Ai cũng biết rằng: ta có thể làm hư hỏng cái chất quý báu nhất, nhưng ta cũng có thể rút ở trong một chất tầm thường ra một tác phẩm bất diệt. Nghệ thuật là tạo thành một quan niệm vĩnh viễn trong một hình dáng không lâu bền. Đời sống thực là đời sống tạo thành những báu vật thượng đẳng như: công lý, khiêm ái, chân lý, tự do, tâm hồn cương quyết trong hoạt động hàng ngày, bất luận đến địa điểm và hình dáng bề ngoài. Và sự sống đó đáng để cho ta sống, bất cứ với tình trạng xã hội nào cũng được, với những thiên bẩm thiên lệch thế nào cũng được. Giá trị của cuộc sống không vụ vào của cải nhiều, lợi lộc lắm, mà do ở cái phần ta đem cống hiến cho đời. Sống lâu, sống huy hoàng có làm gì! Điều cần là có ích, có lợi hay vô ích, có hại.

Muốn đạt tới cái đích cao cả đó, khỏi nói ta cũng dư biết là phải cố gắng và chiến đấu. Tinh thần giản dị không phải là một món gia tài mà bố mẹ có thể để lại cho mình; mà chính là một kết quả mà ta thu lượm được sau nhiều ngày tháng lao tâm khổ trí. Sống cho tử tế, cũng như tư tưởng cho phải đạo, thế tức là giản dị cuộc đời đấy.

Học vấn có mục đích là rút ở trong những vấn đề phức tạp để lấy ra mấy cái luật lệ chung. Nhưng bởi được mấy cái luật lệ chung ở trong số vấn đề tương phản, nhiều khê đó, khổ công tìm tòi, cứ xét biết ngàn nào! Có khi đi tìm hàng thế kỷ mới thấy một nguyên tắc vền vện một dòng chữ! Về điểm đó, đời sống đạo lý gần giống với đời sống khoa học.

Cũng thế, đời sống đạo lý bắt nguồn từ một điểm rối ren lộn xộn. Mò mẫm mãi, nhầm lẫn mãi, sửa đi chữa lại khổ công mãi, người ta mới bắt đầu hiểu rõ hơn một chút về cuộc đời. Định luật hiện ra, và cái định luật đó chỉ thu vện vào mấy chữ “Làm tròn nhiệm vụ”. Kẻ nào chú tâm vào cái khác mà không tìm cách đạt tới mục đích thì kẻ đó tuy là vẫn sống, mà thực ra thì chết vì đã mất ý nghĩa sống ở đời. Những quân ích kỷ, những kẻ kiêu sa phóng đảng, những người tham lam đều hành động như thế cả. Họ tận hưởng vội cuộc đời, cũng như người nhà quê ăn ngay cây lúa từ lúc lúa còn con gái. Họ không đợi cho cây lúa mang hạt thóc. Đời họ là đời bỏ đi. Trái lại, người nào hiến thân mình cho một sự tốt đẹp cao cả, người đó đã cứu vớt chính thân mình. Những châm ngôn đạo đức, đối với những người nông nổi, có vẻ như chuyên chế và có người lại cho rằng các cụ đặt ra các châm ngôn đó để ngăn trở sức sống mãnh liệt của ta. Nghĩ như thế là lầm. Tất cả châm ngôn đạo đức chỉ có một mục tiêu: cứu vớt ta để cho ta đừng sống cuộc đời vô ích. Vì thế, bất cứ nền đạo đức nào cũng chỉ nhằm đưa ta vào cùng một hướng, nền đạo đức nào cũng chỉ có một ý nghĩa giống nhau: đừng phí phạm cuộc đời, phải tạo cho đời một cái gì! Ta phải hiến cho cuộc đời ta để cho khỏi phí uổng, mất mát cuộc đời. Kinh nghiệm của nhân loại rút lại chỉ có thế. Bất cứ ai đã là người đều phải đem ra áp dụng cho bản thân, càng vất vả bao nhiêu thì lại càng quý hóa bấy nhiêu. Có kinh nghiệm đó, đời sống đạo lý càng vững chắc: người ta biết phương hướng mà đi, có một tiêu chuẩn nội tâm để làm mức mà suy xét và hành động, rồi do đấy sẽ giản dị, chứ không bất định, phiến toái, mập mờ như trước. Ảnh hưởng của định luật bất di bất dịch đó sẽ lớn mãi lên ở trong lòng người ta và sẽ được đem áp dụng và thí nghiệm trong mọi công việc hàng ngày. Do đó, sẽ có thay đổi trong sự xét đoán và trong tính tình.

Một khi đã bị cái đẹp đẽ và cao cả của cuộc đời thực hấp dẫn, một khi đã say sưa vì cái ý nghĩa thiêng liêng và cảm động của cuộc đấu tranh nhân loại đi tìm chân lý, công lý và lòng khiêm ái, người ta sẽ say

mê mãi, rồi thì tự nhiên, bất luận việc gì cũng quy vào mỗi bản khoán dững mãi và bền bỉ đó. Quyền hành và động lực thế tất phải được xếp đặt có hệ thống trong lòng người ta. Cái chính chỉ huy, cái phụ tuân theo, và trật tự sẽ do từ sự giản dị mà phát sinh. Ta có thể ví cơ cấu của nội tâm với cơ cấu của một quân đội. Một quân đội sở dĩ mạnh là vì có trật tự, mà có trật tự tức là kẻ dưới biết tuân lệnh cấp trên, trên dưới một lòng một dạ để quy tất cả sức chiến đấu vào một mục đích chung. Quân đội hồ mất trật tự thì quân đội suy kém ngay. Viên đội không thể ban lệnh cho ông tướng. Ta cứ thử xem xét cẩn thận đời ta, đời những người chung quanh ta, đời của xã hội thì đủ biết. Mỗi khi có một cái gì trục trặc, suy suyển, mỗi khi có cái gì rắc rối, mất trật tự, ấy tức là viên đội đã ban lệnh cho ông tướng đó. Chỗ nào mà cái định luật giản dị thâm nhập được vào lòng người ta thì chỗ ấy không thể mất trật tự được.

Tả tính giản dị một cách xứng đáng với tính đó, thực là một sự khó khăn. Tất cả sức mạnh của cuộc đời, tất cả tốt đẹp của cuộc đời, tất cả những niềm vui chính đáng, tất cả cái gì an ủi ta và làm tăng gia niềm hy vọng của ta, tất cả cái gì soi rọi một chút ánh sáng xuống những con đường mờ mịt ta đi, tất cả cái gì cho ta tiên đoán thấy một mục đích cao cả, trong tương lai vĩ đại ở trong những cuộc đời khổ não mà chúng ta đương sống, tất cả những cái đó đều do những người giản dị tạo ra. Họ đã say sưa ham thích một cái gì cao cả và đã biết ruồng bỏ những thích thú phù du của lòng ích kỷ và tự cao tự đại.

Họ thấu hiểu rằng ý nghĩa của đời người là biết hy sinh, biết hiến thân cho đời.

CHƯƠNG III

TƯ TƯỞNG GIẢ DỊ

Ở đời, không phải ta chỉ phải lo tu sửa những biểu hiện bên ngoài, mà phải lo tu sửa cả tư tưởng nữa.

Tư tưởng của người ta rất lộn xộn. Chúng ta tiến bước trong một đám rừng rậm, không phương hướng, không mục đích, mà lòng thì hoang mang vì những tiểu tiết không đâu.

Một khi mà người ta đã nhận thấy mình có mục đích để sống - mà mục đích ấy là sống cho ra người - thì người ta sẽ quy định được tư tưởng của mình để thực hiện mục đích ấy. Phàm phương pháp suy nghĩ, tìm hiểu và xét đoán nào mà không làm cho mình tốt đẹp hơn, làm cho mình dũng mãnh hơn, thì đều bị gạt bỏ và bị coi là “không lành mạnh”.

Trước hết, người ta phải trừ bỏ cái tính xấu thông thường là đùa cợt với tư tưởng. Tư tưởng là một khí cụ quan trọng trong nhiệm vụ điều khiển toàn thể; tư tưởng không phải là cái trò chơi. Ta kể một ví dụ: đây là một xưởng vẽ. Đồ dùng để vẽ thứ nào đặt vào chỗ của thứ đó. Nhác trông cũng đủ biết tất cả mọi thứ đều được xếp đặt để đạt tới mục đích gì. Bây giờ ta mở cửa cho một bầy khỉ nhảy vào. Chúng leo trèo lên các tủ, chúng đánh đu lên những dây thừng, cuộn tròn vào trong các tấm vải, lấy giấy đội lên đầu, lấy bút vẽ múa may, quay cuồng, thè lưỡi liếm thuốc vẽ và chọc thủng các bức tranh ra để xem người trong tranh có gì trong bụng. Đã đành nghịch ngợm như thế thì thích thú. Lũ khỉ làm trò như thế tất phải cho là tuyệt. Nhưng một cái phòng vẽ, nào có phải đâu để cho lũ khỉ vào đùa. Cũng vậy, tư tưởng người ta không phải là bãi đất để cho người ta làm trò xiếc. Một người, xứng đáng với danh nghĩa con người, tư tưởng ra con người và cũng yêu thương ra con người. Y để hết

tâm hồn vào đó, chứ không phải là tò mò một cách đuỳnh đoảng, vô vị, lấy cớ cái gì cũng muốn xem, cái gì cũng muốn biết, để rồi không cảm giác thấy một cảm giác nào lành mạnh, sâu xa và không tạo tác được một cái gì thực sự.

Còn một tính nữa mà ta cũng cần phải sửa đổi ngay. Tính này cũng thường thấy trong cuộc đời giả tạo: đó là cái thói bất luận lúc nào cũng tự kiểm ta, tự phê bình.

Tôi không có ý bảo rằng người ta không nên lưu ý đến công việc kiểm điểm lòng mình và tự vấn lương tâm. Cố tìm hiểu nội tâm và xét nét hành vi của mình là một yếu tố quan trọng của một cuộc đời tốt đẹp. Nhưng lúc nào cũng băn khoăn, ray rứt, lúc nào cũng chỉ thiết tha cúi xuống lòng mình để xem mình sống ra sao, tư tưởng ra sao, để phân tách lòng mình như cái máy, thì đó lại là chuyện khác. Lo âu, bứt rứt như thế tức là phí thì giờ vô ích. Một người, muốn đi xa, mà cứ băn khoăn tỉ mỉ về bộ giò của mình, có khi chưa bước được một bước mà đã thấy lòng phân tán. “Anh có đủ tư cách để đi, cứ đi đi! Coi chừng khỏi ngã và phải biết lượng sức mình”. Những người tần mẫn, những người e dè, ngại ngùng, rút lại chẳng làm được trò gì hết. Chỉ cần một chút lý trí thì thấy ngay rằng người ta không phải sinh ra đời là để nhòm vào cái rốn của mình.

Các bạn có thấy rằng lý trí mỗi ngày mỗi hiếm cũng như những thuần phong mỹ tục cổ xưa không? Lý trí là đồ cổ xưa rồi. Người ta cần cái khác, và người ta mò kim dưới đáy bể. Bởi vì công việc đó có phải bạ ai cũng có thể làm được đâu, mà mình khác người đi một chút thì sướng lắm!

Đáng lẽ cũng làm như những người tự nhiên, bình thường, có phương tiện thích hợp gì thì dùng phương tiện đó, chúng ta thường dùng thiên phương bách kế để tìm ra những quái đản lạ lùng. Thà là đi chệch hướng còn hơn là theo con đường giản dị. Nhờ y khoa sửa sang sắc đẹp để sửa chữa những dị hình, chẳng qua cũng chỉ sửa chữa sơ sơ được mấy cái bướu, dáng đi chứ cái hình thức kỳ dị thì sửa chữa hết làm sao cho

được. Chúng ta khổ thân để cho thợ uốn nắn, chữa chạy bất quá chỉ là muốn thoát ra khỏi con đường ngay, con đường của lý trí. Rút lại, cái mới lạ chỉ là thoáng qua như kiếp phù du. Chỉ có những cái gì rất nhàm, bất di bất dịch mới trường cửu mà thôi. Mình không biết như thế, tức là mình dần bước vào trong những cuộc phiêu lưu nguy hiểm. Sung sướng thay là những người phiền phức lại biết quay về với sự giản dị, bình thường! Trái hẳn với điều người ta tưởng tượng, không phải tự nhiên mà người ta có cái lý trí giản dị đâu. Lý trí cũng không phải là một cái quà thông thường, xoàng xĩnh mà người ta không phải đồ mồ hôi để kiếm ra. Lý trí cũng như những câu đồng giao, những bản dân ca cũ kỹ, lưu truyền đến ngàn đời, không ai biết tác giả là ai, hình như là xuất phát từ lòng dân chúng ra thì phải. Lý trí là một cái vốn súc tích một cách vất vả, chậm chạp từ đời nọ sang đời kia. Đó là một kho tàng quý báu, chỉ ai đã đánh mất nó hay đã từng trông thấy những người sống mà không còn nó, mới thấu hiểu được chân giá trị của nó mà thôi. Phần riêng tôi, tôi cho rằng: để tranh thủ được lý trí, để bảo vệ được lý trí, để giữ cho con mắt nhìn được thấu đáo, tinh tường, để cho sự suy xét của mình thẳng thắn, người ta dù vất vả đến chừng nào cũng chẳng nên quản ngại. Ta phải xem luôn đến cây gươm, đừng đem giết ruồi hay là để cho han rỉ. Coi thế, ta phải chăm lo đến tư tưởng của ta biết chừng nào.

Song le, ta phải thâm hiểu điều này. Kêu gọi lý trí không phải là kêu gọi cái tư tưởng thấp kém, kêu gọi cái thực nghiệm chật hẹp không công nhận bất cứ cái gì, không nhìn thấy, không sờ thấy. Bởi vì cứ muốn cho người ta bị thu hút vào những cái ngoại quán vật chất mà quên mất những điểm cao cả của thế giới nội tâm, cũng tức là tỏ ra rằng không có lý trí. Đến đây, ta va chạm đến một điểm đau thương, mà điểm đó lại là trung tâm của những vấn đề lớn lao nhất của loài người. Thực vậy, chúng ta tranh đấu, để tiến tới một quan niệm về cuộc sống, chúng ta mò mẫm trong mịt mù, từng trải muôn nguy nghìn hiểm, không ngại gian khó đau thương để tìm kiếm quan niệm đó: thế rồi thì đến khi tìm được

những liên hệ của chân lý tinh thần thì ta thấy nó mỗi lúc mỗi làm ta phiền não. Ở giữa những rối ren to lớn, ở giữa sự hỗn độn nhất thời do những cơn khủng hoảng vĩ đại của tư tưởng gây ra, ta lại càng thấy khó giải quyết với một ít nguyên tắc đơn sơ. Tuy vậy, cũng như đối với mọi người ở khắp mọi thời đại, lúc cần thì khó khăn vẫn vượt được qua. Rút lại, chương trình của cuộc đời giản dị không tưởng tượng và cũng do thế mà sự sống thành ra cấp bách và cần thiết. ***Chúng ta chưa có một quan niệm về sự sống thì đã phải sống rồi và không ai có thể đợi hiểu rõ đời rồi mới sống.*** Bất cứ đâu, ta cũng đương đầu với “sự đã rồi” của các môn triết lý, của các lý luận, của các tôn giáo. Và chính “sự đã rồi” vĩ đại, bất khả cải chính đó đã nhắc ta quay về trật tự mỗi khi ta muốn quy cuộc đời vào trong khuôn lý luận của ta, hay mỗi khi ta muốn rằng ta chỉ hành động sau khi đã triết lý xong xuôi rồi. Đó chính là sự cần yếu may mắn đã làm cho cuộc đời không ngừng lại mỗi khi người ta nghi ngờ bước đường tiến của mình. Chúng ta là những khách bộ hành một ngày bị lôi cuốn vào trong một phong trào vĩ đại mà ta phải góp sức, nhưng đáng tiếc là chúng ta không được biết trước, không đo lường được toàn thể phong trào, không thể tiên đoán được cứu cánh ra sao. Trách nhiệm của ta là hoàn thành chu đáo cái sứ mệnh làm tên lính giản dị, mà tư tưởng của ta phải thích hợp với trường hợp ấy. Đừng bao giờ nên bảo rằng thời đại chúng ta bây giờ khó khăn hơn thời đại cổ xưa của tổ tiên ta, bởi vì phàm cái gì trông xa thì trông không được minh xác. Vả chăng, cứ ngồi mà tiếc rằng mình không được sinh vào thời cụ kỵ của mình, thật không có gì lỗi lĩnh bằng. Duy có điều này xét ra còn hơi có lý một chút: từ khi có cuộc đời, người ta khó mà nhận xét cho thấu đáo. Ở đâu cũng thế, mà bao giờ cũng thế, tư tưởng cho chân xác cũng là việc khó khăn. Cổ nhân ta, về điểm đó, cũng chẳng có đặc ân gì hơn ta. Và cũng đứng về điểm đó mà suy ngẫm, người đời cũng chẳng khác nhau chút gì. Dù là tuân lệnh hay chỉ huy, dù là giảng dạy hay học tập, dù là cầm bút hay cầm bút, người ta ai cũng cần phải biết phân tách chân lý. Một đôi chút tia sáng, mà nhân loại vừa tiến bước vừa thâu lượm được, nhất định là hữu

ích vô cùng; nhưng cũng những tia sáng đó đã làm cho số lượng và phạm vi của các vấn đề to rộng mãi ra. Sự khó khăn không thể hủy diệt được, trí óc luôn gặp những điều cản trở. Ở khắp chung quanh, sự lạ lùng ngỡ ngỡ chi phối ta, bóp nghẹt ta.

Song le, người ta không cần uống hết cả nước suối mới đã khát thì cũng chẳng phải biết hết mọi điều mới sống được ở đời. Nhân loại vẫn sống và đã từng vẫn sống với một ít điều hiểu biết sơ đẳng.

Ta thử tìm xem những điều hiểu biết sơ đẳng đó là gì: trước hết, nhân loại sống vì lòng tin. Lòng tin này phản chiếu, trong phạm vi tư tưởng có ý thức, cái căn đề tối đen của mọi vật trên đời. Phàm mọi sinh vật đều chứa đựng một lòng tin tưởng vô biên vào sự trường tồn của vũ trụ, vào sự mở đóng tinh xảo khôn lường của máy huyền vi. Hoa cỏ, cây cối, điều thú sống với một sự bình thản dửng dưng mãi, một sự êm ả hoàn toàn. Trong trận mưa rơi có lòng tin tưởng, bình minh hé sáng hay là nước suối chảy ra biển khơi cũng chan chứa lòng tin. ***Phàm vật gì đương có cũng hình như nhắn bảo ta: “Tôi đã sinh ra, vậy tôi phải tồn tại; tình trạng đó có nhiều lý do chính đáng, người ơi! Xin chớ băn khoăn...”***

Cũng vậy, người đời cũng sống vì lòng tin.

Cứ nguyên cái việc có người ở đời, thì người cũng đã có lý do để sống ở đời rồi, cũng đã có bảo đảm chắc chắn rồi. Tư tưởng của ta, trước hết, phải cố gắng làm sao giữ gìn đức tin đó, đừng để cho nó bị cái gì lung lạc; hơn thế, phải vun xới nó, làm cho nó minh xác hơn và đặc biệt là của ta. Phàm cái gì làm tăng đức tin của ta lên đều tốt cả. Bởi vì chính do đó mà phát sinh lòng cương quyết bình thản, những hành động vui tươi, lòng tha thiết yêu đời và cái thú làm việc có kết quả.

Đức tin căn bản là một cái lò xo bí mật đã làm cho các động lực trong lòng ta trỗi dậy mà hoạt động. Đức tin đó nuôi sống ta. Do nó,

người ta mới sống được, người ta sống vì nó có khi hơn là vì cơm gạo. Cho nên phàm cái gì làm thương tổn đức tin đều có hại cả, đều là thuốc độc, đều không nuôi người.

Hệ thống tư tưởng nào đã phá ngay vào phần thực tế của cuộc đời, cho cuộc đời là xấu, hệ thống đó có hại, không tốt. Ở vào cái thế kỷ này, người ta đã nói xấu và đã nghĩ xấu về cuộc đời nhiều quá. Cứ tưới mãi vào gốc cây những chất ăn mòn vỏ cây đi thì cây phải chết, có gì là lạ? Để chống lại với tất cả nền triết lý hư không đó, có một tư tưởng giản dị như sau: À, ông bảo rằng cuộc đời này xấu xa phải không? Được lắm. Nó xấu xa, thế thì ông có phương kế gì để làm cho đời tốt đẹp không? Ông có cách gì chiến thắng nó và hủy bỏ nó không? Thưa ông, tôi không bảo rằng ông hủy bỏ đời ông đi, ông tự tử chết đi đâu, vì ông chết đi cũng chẳng ích lợi gì hơn cho ai; nhưng làm sao hủy bỏ cuộc đời đi, không phải chỉ hủy bỏ cuộc đời của nhân loại, mà hủy bỏ tất cả các căn bản tối tăm và thấp kém, hủy bỏ tất cả sức mạnh của sự sống vươn lên ánh sáng – mà theo ý ông thì ông cho là vươn lên bề khổ, bến mê. Ông làm thế nào hủy bỏ được cái ý chí ham sống bàng bạc trong vũ trụ, rút lại, hủy bỏ được nguồn gốc của cuộc đời? Ông có thể làm được vậy không? Không. Nếu thế thì để cho chúng tôi yên. Vì không ai có thể làm cho cuộc đời ngừng lại, tốt nhất ta nên tìm cách yêu lấy nó, sử dụng nó, có tốt hơn là thù hằn, ghét bỏ đời không? Biết rằng món ăn kia có hại cho sức khỏe thì đừng ăn. Và một khi có một lối tư tưởng nào làm giảm mất lòng tin tưởng, mất vui tươi và sức mạnh, ta phải bỏ ngay đi. Đó không những là một món ăn độc cho tinh thần, mà lại còn sai lạc là khác nữa. Đối với người đời, chỉ có những tư tưởng nhân loại là xác thực; yếm thế (ghét đời) là phản nhân loại. Và chẳng, yếm thế không những đã không nhũn nhặn, lại còn tỏ ra không hợp lý là khác. Muốn tự cho phép được coi khinh cuộc đời vĩ đại, thì ít ra mình cũng phải được trông thấy căn đề của nó rồi, sống hết cuộc đời rồi. Thái độ cũng là kỳ quặc! Thực vậy, họ làm như thế là họ đã chính tay tạo ra được cuộc đời trong lúc

thiếu thời, đã tạo ra từ ngày xưa ngày xưa; nhưng họ đã quay lại và đó chính là một điều làm.

Ta phải tâm bỏ bằng các món ăn khác, phải bỏ dưỡng tinh thần bằng những tư tưởng lành mạnh. Đối với người đời, cái gì bổ dưỡng nhất tức là cái gì xác thực nhất.

Nhơn loại sống vì đức tin, nhưng cũng sống vì hy vọng. Hy vọng là một biến thể của đức tin, đức tin hướng về tương lai. Cuộc đời nào cũng là một kết quả và một hoài bão. Phàm cái gì đương có cũng phải có một điểm khởi đầu và nhắm vào một cái đích để tiến tới. Sống tức là tiến tới, mà tiến tới là hy vọng. Tiến mãi tức là hy vọng không ngừng. Ở căn đề của vạn vật, đều có hy vọng, và hy vọng cần phải phản chiếu vào trong lòng người ta. Không hy vọng, tức là không sống. Chính cái động lực làm cho ta sống ở đời đã thúc đẩy ta tiến mãi lên. Cái thiên tính bèn bĩ thúc đẩy ta tiến tới, có ý nghĩa gì? Ý nghĩa chính là sống ở đời thì phải để lại cái gì, phải tạo ra một cái gì tốt đẹp, vĩ đại hơn cả cuộc đời, mà cái tốt đẹp đó tiến từ từ tới cuộc đời. Người ta là một kẻ tung hạt giống ra trước gió; tung hạt giống ra thì cũng phải chờ ngày một ngày hai mới có lúa mạ mọc lên được, chứ không thể có lúa mạ ngay trong phút chốc. Lịch sử nhân loại là lịch sử lòng hy vọng không hề suy suyển. Không thể thì cõi đời này đã tàn từ lâu rồi. Muốn vác nặng mà đi, muốn lần bước được trong đêm tối, ngã mà muốn đứng dậy được, bị tàn phá mà muốn kiến thiết, muốn cho khỏi bị lôi cuốn vào cái chết, nhân loại cần phải luôn luôn hy vọng, và có khi cần hy vọng hảo huyền. Đó là, cái lý tưởng nâng đỡ người ta vậy. Nếu chúng ta chỉ sống về lý luận thì từ lâu chúng ta đã kết luận thế này: “Ở khắp mọi nơi chỉ có chết mới biết phải, trái” và chúng ta sẽ chết vì tư tưởng đó. Dầu sao, chúng ta cũng hy vọng, và cũng do hy vọng mà ta sống, mà ta tin tưởng cuộc đời.

Suy-Sô (?), một vị đại chân tu, một người giản dị nhất trong những người giản dị, một người cao thượng nhất đời này, Suy-Sô có một tính tình đặc biệt làm ta cảm động: Mỗi khi ngài gặp một người đàn bà nào già nhất, nghèo nhất, thì ngài kính cẩn đứng nép sang một bên đường, dù là giẫm phải gai hay là giẫm vào bùn. Ngài bảo: “Tôi làm như thế để tỏ lòng kính cẩn Nữ Thánh Đồng Trinh”. Đối với hy vọng, ta cũng tỏ lòng kính cẩn như vậy: khi nào ta gặp hy vọng, dù là dưới hình thức một hạt lúa nảy mầm, một con chim ấp trứng nuôi con, một con vật bị thương bò dậy và rạch đi, một người nhà quê cày ruộng và gieo mạ trên một cánh đồng bị tàn phá vì nước lụt hay một quốc gia đang kiến thiết và hàn gắn những vết thương, dưới bất cứ một ngoại quan khiêm nhường và đau khổ thế nào, ta cũng cứ kính cẩn chào đi!

Khi nào ta thấy hy vọng ở trong các truyền kỳ, cổ tích, trong các câu hát ngâm thơ, trong các tín ngưỡng giản dị, ta lại chào nữa đi! Bởi vì đó vẫn là hy vọng – cô con gái bất tử, cô con gái bất diệt của Hỏa Công!

Chúng ta dám hy vọng ít ỏi quá. Người thời bây giờ mắc phải những tính nhút nhát lạ kỳ. Người ta sợ trời đổ. Cái sợ đổ trời, cái sợ ngu si đến cùng cực đó, do cha ông ta truyền lại, đã xâm nhập vào trong tim óc chúng ta. Hạt nước kia lại nghi sợ đại dương à? Làn ánh sáng kia lại nghi sợ mặt trời à? Ta sở dĩ hy vọng được là vì óc khôn ngoan thơ đại của ta. Đã đến lúc ta phải quay trở lại làm trẻ con, để lại tập khoanh hai tay lại, mở to mắt ra nhìn cái bí mật bao trùm quanh ta, để nhớ lấy rằng mặc dầu ta thông thái bậc nào ta cũng chỉ mới biết có chút đỉnh thôi, để nhận chân rằng cuộc đời vĩ đại hơn khối óc ta nhiều lắm và như thế, thật là hạnh phúc, bởi vì nếu cuộc đời vĩ đại như thế, tất nhiên là nó phải chứa đựng nhiều kho tàng lạ lùng và người ta rất có thể tin nó mà không lo rằng tin như thế là hớ hênh, đại dốt. Ta phải luyện lòng can đảm và nhen ngọn lửa thần của hy vọng luôn luôn. *Mặt trời còn mọc, hoa còn nở, đất còn xanh tươi cây cối, chim còn làm tổ nuôi con, người mẹ còn cười với con thơ thì ta là người, ta hãy can đảm sống ra người, còn*

ngoại giả thì mặc cho Hoàng Thiên định đoạt. Phần tôi, tôi muốn gào thét cho những ai nản chí trong thời đại chán chường này: Hãy can đảm hơn lên, hãy hy vọng nữa đi, kẻ nào dám hy vọng nhiều nhất tức là kẻ ít sợ bị làm lẫn nhất. Lòng hy vọng ngây thơ nhất cũng còn gần sát với chân lý hơn là lòng thất vọng suy luận kỹ càng nhất.

Một nguồn ánh sáng khác trên đường tiến của nhân loại là lòng nhân. Tôi không tin rằng “nhân chi sơ, tính bản thiện” rồi thì xã hội làm hư hỏng người ta đi. Tôi nghĩ khác. Nội tất cả hình thức của sự xấu xa, tôi ghê tởm nhất hình thức di truyền. Song le, tôi vẫn thường tự hỏi không biết làm sao, cho đến bây giờ, con trùng độc của những thiên tính đê hèn, của những tật xấu trong huyết quản ta, tất cả cái đồng rác rưởi nô lệ mà quá khứ để lại cho ta lại không thể thắng nổi ta. Ý hẳn là có một cái gì khác đây. Cái khác đó, chính là lòng nhân vậy.

Sự mịt mùng, khó hiểu che mắt ta, bàng bạc trên đầu ta; trí óc ta chật hẹp; số phận mâu thuẫn và bí mật; rồi thì sự gian dối, thù hằn, thói nát, đau khổ, chết chóc, đầy dẫy cả ra... thế thì phải nghĩ sao? Hành động thế nào cho phải? Để trả lời tất cả những câu hỏi đó, một tiếng nói to lớn và bí mật đáp ta. Hãy ăn ở cho nhân từ. Lòng nhân cần phải thiêng liêng như đức tin, như hy vọng, bởi vì lòng nhân không chết được, trong khi bao nhiêu động lực khác, trái lại, lại bị hủy đi. Lòng nhân phải đương đầu với lòng nham hiểm, độc ác thiên nhiên của con vật ngự trong lòng người ta; lòng nhân phải đương đầu với mưu mô xảo trá, với võ lực, và nhất là với lòng bạc ác thất nhân. Tại sao giữa những quân thù góm ghiec đó, lòng nhân lại đi qua một cách cao cả, không nhor bọn, như một vị chân tu trong truyện thần kỳ giữa đàn thú dữ kêu hô gào thét?

Đó là vì kẻ thù của lòng nhân từ là những thứ ở hạ tầng mà lòng nhân là một thứ ở thượng tầng. Những cái sùng, những nanh vuốt, những con mắt sáng ngời ngọn lửa căm thù giết chóc, làm gì được đôi cánh bay

vút lên cao để tránh giống sài lang? Lòng nhân từ cũng tránh những ác mưu của kẻ thù như vậy. Hơn thế, lòng nhân có khi còn toàn thắng chúng một cách vẻ vang: đã cải thiện được sài lang, làm cho chúng phải khuất phục, cúi xuống nằm ở dưới chân và nhất nhất tuân theo mệnh lệnh.

Ở ngay trung tâm Cơ Đốc giáo, giáo lý cao siêu nhất và nhân đạo nhất, đối với những người chịu tìm hiểu sâu xa, chính là giáo lý này: Muốn cứu vớt nhân loại ra khỏi chỗ lầm than, Thượng Đế vô hình đã hiện thành người xuống ở với chúng ta và cho người ta được biết Người do tấm lòng nhân đức.

Lòng nhân hàn gắn những vết thương tinh thần của ta, an ủi ta và tiết ánh sáng ra ở chung quanh. Lòng nhân làm cho tất cả đều sáng sủa và giản dị. Nhiệm vụ của nó thực là giản dị: hàn gắn những vết thương, lau sạch những giọt lệ, an ủi những tâm hồn tê tái, tha thứ và điều giải, đoàn kết lại. Chúng ta cần đến lòng nhân rất nhiều. Chúng ta đi tìm phương pháp làm cho tư tưởng bao quát, giản dị, phù hợp với sứ mệnh loài người; chúng ta có thể tóm tắt phương pháp đó vào mấy câu này: “Hãy tin tưởng, hy vọng mà ăn ở nhân đức”.

Tôi không có ý muốn làm nản lòng những người nuôi những lý thuyết cao siêu, mà cũng chẳng muốn ép uổng ai phải cúi xuống những vấn đề thuộc về vô hình hay những vực thẳm mê mông của triết học hay khoa học. Dù sao, lặn lội trong bể học, người ta cũng cần phải quay về cái địa điểm chúng ta đương sống, cái chỗ chúng ta đương tiến mà không có kết quả gì cụ thể. Đời thường có những trường hợp và những phức tạp mà nhà bác học, nhà tư tưởng hay người ngu si dốt nát không xét thấu đáo, không hiểu gì hơn nhau. Thời đại hiện nay thường đặt chúng ta trước những trường hợp như thế và tôi có thể cam đoan với những ai ứng theo phương pháp của chúng tôi, cứ theo như thế, chẳng mấy lúc sẽ nhận thấy đó là phương pháp tốt.

Nói dài dòng mãi, chúng ta đã đi sát vào lãnh vực tôn giáo tổng quát. Có người sẽ hỏi tôi, với những câu giản dị, tôn giáo nào là tôn giáo hay nhất, và tôi xin giải thích về vấn đề đó ở đây.

Song le, có lẽ ta chẳng nên đặt câu hỏi như người ta vẫn thường hỏi “Tôn giáo nào là tôn giáo hay nhất” làm gì.

Chắc chắn là tôn giáo nào cũng có ít nhiều tính cách giản minh và những ưu điểm hoặc khuyết điểm cố hữu của từng tôn giáo. Ta có thể đem so sánh các tôn giáo với nhau; nhưng so sánh như thế, thế nào cũng có sự thiên vị vô tình. Ta phải hỏi một cách hác hỏi thế này: Tôn giáo của tôi có hay không, mà hay vì lẽ gì? Hỏi thế, xin đáp thế này: Tôn giáo của ông hay lắm, nếu nó tôn giáo của ông hoạt động và tiến bộ, nếu nuôi ở trong lòng ông ý niệm của cuộc sống giá trị vô biên; nếu nó nuôi ở trong lòng ông đức tin, hy vọng và lòng nhân; nếu nó hòa nhịp với phần cao quý nhất ở trong ông để tranh đấu với phần bỉ ổi và tỏ cho ông luôn luôn thấy rõ phải cố gắng trở nên một người mới; nếu nó cho ông thấy rằng sự đau khổ giải thoát và nâng cao người ta lên; nếu nó làm cho ông giàu lòng tha thứ, sung sướng mà không kiêu ngạo, yêu bốn phận như yêu mình; nếu nó làm cho ông nhận thấy thế giới bên kia đỡ tối đen thăm thẳm.

Nếu tôn giáo của ông đem lại được cho ông những điều đó, ấy tức là tôn giáo của ông hay, bất luận nó là cơ đốc, tin lành, phật giáo hay khổng giáo. Tôn giáo đó, dù thô sơ đến mực nào, mà vẹn toàn được những tính cách nói trên kia thì cũng là tôn giáo chánh, có một nguồn gốc thật (chứ không phải tà) và tôn giáo đó sẽ buộc ông vào với Người, với Trời.

Trái lại, nếu bất thần tôn giáo của ông lại làm cho ông tưởng mình cao quý hơn kẻ khác, làm cho ông cái bướng trên căn bản, làm cho ông nhăn mặt cau mày, làm cho ông uy hiếp linh hồn kẻ khác hay làm cho linh hồn ông nô lệ, làm cho ông mê tín dị đoan, làm cho ông phải thờ cúng theo thời hay trục lợi, làm cho ông ăn ở nhân đức để mà hồng gở

gạc về sau, thưa ông, tôn giáo đó dù bất cứ ông Thần, ông Thánh nào nghĩ ra, cũng là đồ bỏ vì nó không giá trị gì, vì nó đã ngăn cách ta với Người, với Trời.

CHƯƠNG IV

LỜI NÓI GIẢN DỊ

Lời nói để biểu hiện ý nghĩ, ta tưởng làm sao thì lời nói làm vậy. Muốn cải tạo lại cuộc đời theo nếp giản dị thì phải cẩn thận trong lời nói và ngòi bút. Lời nói phải giản dị như tư tưởng, phải chân thật và chắc chắn: Tư tưởng cho đúng đắn, nói ra cho thực thà.

Căn bản của những giao tiếp xã hội là sự tin nhau, mà trong sự tin lẫn nhau đó, mỗi người phải thực thà với nhau. Thiếu sự thực thà, lòng tin sẽ giảm đi, sự giao tiếp bị thương tổn, không có sự an toàn nữa. Điều đó không những đúng trong địa hạt những quyền lợi vật chất mà cả về mặt tinh thần nữa. Đối với những người luôn luôn phải giữ gìn, dè dặt, ta buôn bán làm ăn cũng khó khăn như thể đi tìm chân lý khoa học, theo đuổi một sự hiểu biết về tôn giáo hay thực hiện công lý vậy.

Cuộc đời sẽ phiền toái vô cùng nếu, gặp ai, ta cũng phải kiểm soát ngay lời nói và ý định của người ta và khởi đầu bằng nguyên tắc coi cái gì viết ra, hay nói ra là có mục đích phụng sự huyền mộng chứ không phụng sự thực tế. Đó là trường hợp của chúng ta. Đời đầy dẫy những kẻ lực lưỡng (?), những vị ngoại giao chỉ tìm cách “ăn người” và chỉ chú tâm lừa lọc lẫn nhau. Vì thế, ta thấy khó khăn vô cùng mỗi khi ta muốn tìm biết những điều giản dị nhất mà lại quan trọng nhất đối với ta.

Ngày xưa, người ta muốn giao tiếp với nhau, thường dùng những phương tiện eo hẹp. Ai chẳng nghĩ rằng một khi những phương tiện thông tin được cải thiện và gia tăng thì đời sẽ sáng sủa hơn lên. Các dân tộc sẽ tìm cách yêu thương nhau vì hiểu biết lẫn nhau hơn, đồn bào trong một nước sẽ cố kết với nhau vì một mối tình thân ái chặt chẽ. Đến khi người ta chế ra được máy in, thiên hạ hò reo sung sướng, và càng sung

sương hơn nữa là lúc người ta quảng bá được khắp nơi cái thú đọc sách và đọc báo. Người ta suy luận thế này: Hai lần ánh sáng bao giờ cũng chiếu sáng hơn là một lần, nhiều lần ánh sáng bao giờ cũng tốt hơn hai lần; vậy thì càng có nhiều sách báo, người ta càng hiểu biết rõ ràng hơn những việc xảy ra ở chung quanh và những nhà chép sử sau này sẽ sung sướng vì có nhiều tài liệu trong tay. Thực tình, trông bề ngoài, không còn gì đúng hơn. Than ôi, người ta đã đặt sự suy luận đó trên căn bản tính cách và hiệu nghiệm của khí cụ mà người ta quên hẳn yếu tố “người” – mà yếu tố này bao giờ cũng quan trọng nhất. Thực ra, có bao nhiêu người bịa đặt, vu oan giá họa, bao nhiêu người bẻm mép, nói khéo và viết giỏi, đã lợi dụng triệt để tất cả các phương tiện đó để lấy lợi riêng cho họ? Trong khi có vài ba tờ báo chủ tâm cải thiện những mối giao thiệp quốc tế, mưu sự hiểu biết giữa các nước láng giềng và thực tâm tìm một giải pháp tương thân tương ái, thì bao nhiêu tờ báo khác đã gieo sự hàm nghi, chia rẽ và vu cáo? Biết bao nhiêu luồng dư luận nhóp nhúa và xuyên tạc đã gây hoang mang trong dân chúng? Ta không hiểu công việc nội bộ hơn gì việc nước ngoài. Vì khó kiếm ra được một tin tức vô tư, ta không được biết về thực trạng của kinh tế, kỹ nghệ, canh nông, đảng phái chính trị, chính sách quốc gia, các nhân vật trong chính quyền. Càng đọc báo, lại càng mù mịt. Có hôm đọc báo xong, người đọc giả - ta cứ cho rằng họ in các báo đi – người đọc giả đã phát kết luận như sau: Nhất định là ở đâu cũng chỉ có toàn những người thối nát, duy có mấy ông ký giả là công minh liêm chính. Nhưng chẳng mấy lúc, người đọc cũng lại nghi ngờ nốt cả các ông ký giả. Thực thế, các ông ký giả, rồi sau cũng lại tố cáo nhau, đào bới nhau, ăn thịt lẫn nhau. Lúc đó, người đọc báo sẽ thấy diễn ra ở trước mắt một cảnh tượng tương tự như bức hoạt họa vẽ một đàn rắn đánh nhau. Sau khi đã giết hết đồng loại rồi, hai con rắn cuối cùng quay sang cắn giết lẫn nhau. Rút cục trên chiến địa chỉ còn 2 cái đuôi rắn mà thôi.

Không phải chỉ có dân chúng mới bị lạc lõng, bỡ ngỡ như thế; ngay những người có học thức cũng vậy. Nghĩa là toàn dân hầu hết như thế cả. Phàm bất cứ địa hạt nào: chánh trị, kinh tế, thương mại, cả khoa học, mỹ thuật, văn nghệ và tôn giáo nữa, cũng đầy đầy những mặt trái, những ngón bịp bợm, những cạm bẫy chờ ta... Rút lại, ai cũng bị lừa cả; chính những người đi bịp rất tài lại bị người ta bịp lại, mỗi khi người ta cần đến một chút lòng thành thực của những người chung quanh.

Nói và viết bịp bợm, lừa lọc, giả dối như thế tức là làm cho ngôn luận xấu xí, bị ối đi. Trước nhất, nó bị khinh, coi thường ngay chính với những người sử dụng nó như một khí cụ thấp hèn. Đối với những người cãi vã, sinh sự, đối với những người lý sự cùn, những người nguy biện, không bao giờ lời nói được tôn trọng cả; họ chỉ cuồng lên để lấy lẽ phải về phần họ hoặc tự cao tự đại cho rằng chỉ có quyền lợi của họ là đáng tôn trọng mà thôi. Họ xét nét người khác theo cái định lệ mà chính họ vẫn theo: Chỉ nói những điều gì có lợi; chứ không nói điều gì thành thực. Họ chẳng còn coi trọng ai hết. Ấu cũng là cái tình trạng tinh thần rất đáng buồn cho những kẻ làm nghề nói, viết và giảng dạy. Bụng dạ như thế mà viết văn và diễn thuyết, thực là khinh miệt đọc giả và thính giả. Đối với những người còn một chút thành thật trong lòng, không còn gì tởm hơn là lời nói dụng tâm lừa bịp những người lương thiện đầy một đức tin. Một bên là sự cởi mở ruột gan, lòng thành thực, và tính ham hiểu ham biết, mà một bên là tính đê hèn, bần tiện, coi quần chúng chẳng ra gì. Nhưng tên bịp bợm có biết đâu rằng chính hắn lại bị bịp nặng. Cái vốn của người làm nghề bút thiết là sự tín nhiệm; được dân tín nhiệm, không có gì quý báu bằng; nếu quần chúng thấy bị lừa, không tin nữa thì không có cách gì cứu vãn được. Rồi thì lòng yêu thương sẽ đổi ra lòng thù ghét; những cái cửa trước mở rộng ra để tiếp đón niềm nở bây giờ khép lại, mà những cái tai trước kia vẫn lắng nghe, bây giờ bịt lại không buồn lưu ý. Chao ôi, người ta không nghe những điều xấu đã đành; bây giờ, vì có nói điều phải, cũng chẳng ai buồn nghe nữa. Đó chính là tội ác

của những kẻ đã bóp chết ngôn luận, đã làm cho ngôn luận xấu xa, đê hèn. Họ đã làm thương tổn sự tin cậy lẫn nhau. Mà người đời đã đến khi mà không tin nhau nữa thì thật là đại họa. Thiếu sự tin cậy, ngôn luận chỉ còn là một thứ bạc giả, ai tiêu! Người ta trị tội những kẻ làm bạc giả thế nào thì cũng cần trị tội những kẻ “làm bạc giả bằng ngôn luận” như thế vì họ đã làm cho thiên hạ không ai tin ai nữa, không ai tin gì nữa.

Xem vậy, ta thấy mỗi người chúng ta phải tự kiểm điểm lòng mình, giữ gìn hết sức lời nói, nghiêm khắc với ngòi bút của mình và luôn luôn vươn mình lên tìm sự giản dị. Đừng có luẩn quẩn, đừng có úp mở, đừng có dùng những lời lẽ nhiều khê, cầu kỳ. Hãy sống cho ra người, nói cho ra nói. Một tiếng đồng hồ thành thực có khi còn ích lợi cho đời hơn là sống hàng năm bịp bợm, điêu ngoa, giả dối.

Bây giờ ta nói đến một tật nữa: cái tật nói nhiều nhưng mà rỗng, văn hoa bay bướm mà chính ra lại không có ý nghĩa gì. Đã đành là chúng ta chẳng nên trách những người ưa thích một lời nói trang nhã hay thích đọc một cuốn sách viết trịnh trọng. Người ta khó mà nói ra được toàn mỹ những lời người ta nói. Nhưng không phải vì thế mà những điều nói ra hay nhất, viết ra hay nhất cứ phải là những điều cầu kỳ đâu. Lời nói phải phù hợp với việc làm, chứ không thể lấy lời nói để thay thế cho việc làm hay lấy lời nói để mà không tỏ bày một cái gì cả. Những việc lớn lao ở đời vẫn là những việc nói ra một cách giản dị thì có lợi hơn, bởi vì nói ra một cách giản dị thì những việc đó không bị méo mó, suy suyển: ta chẳng cần phải bao phủ một tấm màn mỏng, mà cũng không cần phải dùng lời lẽ hoa mỹ hảo huyền, hay những danh từ kêu vang vang mà người ta gọi là “đao to búa lớn”. Không có gì mạnh mẽ và hấp dẫn người ta như tính giản dị. Có những cảm giác thiêng liêng, những đau thương ghê gớm, những tấm lòng hi xả cao thượng, những tình thương yêu mặn nồng mà chỉ một cái nhìn, một cử chỉ, một tiếng kêu còn diễn tả hoàn

toàn hơn những câu văn cảm tú hay câu kỳ nhất. Phàm cái gì cao quý nhất trong lòng người ta thường biểu hiện một cách vô cùng giản dị. Muốn cho người ta tin, phải thực, và có nhiều sự thực do những cái miệng giản dị, dù là tàn tật đi nữa, nói ra vẫn dễ hiểu hơn là do những cái miệng điêu luyện nói khéo hay là thét vang lên. Những định luật đó, ai đem áp dụng vào cuộc sống hàng ngày đều thấy tốt đẹp. Nói năng thành thực; ít lời ít điều, diễn tả tình cảm một cách giản dị; giản dị cả trong những tin tưởng của mình, ở nơi công cộng cũng như mình đối với riêng mình; không bao giờ quá trớn, diễn tả thật đúng những ý tưởng và cảm giác ở trong lòng mình và nhất là lúc nào cũng nhớ ta là ta: cái nguyên tắc đó, nếu được đem áp dụng triệt để, thì có lợi cho đời sống của ta vô cùng.

Những lời nói đẹp cũng giống như những đầy tớ nhà sang. Đó là những người hầu danh giá, tiếng là còn giữ chức này chức nọ, nhưng không còn làm nhiệm vụ nữa rồi. Anh nói rõ ràng, mạch lạc; anh viết hay: thế là đủ rồi, quý rồi.

Có biết bao nhiêu người ở đời này chỉ nói và tưởng rằng nói thế thì khỏi phải làm? Mà cũng có biết bao nhiêu người cho là cứ nghe như thế cũng đủ rồi? Nếu như thế thì có khi cuộc đời chỉ rút lại vền vẹn có mấy bài diễn văn nói giỏi, mấy cuốn sách hay hoặc mấy vở kịch hát viết khéo. Người ta không buồn nghĩ đến cách đem thực hiện những điều tốt đẹp giải bày trong những bài diễn văn, sách báo hay kịch hát đó. Bây giờ ta thử rời bỏ địa hạt của những bậc tài cao để cúi xuống địa hạt của những người kém cỏi xem sao. Trong địa hạt sau này, chúng ta thấy lộn xộn, chen chúc trong bóng tối, những người nghĩ rằng họ là những người ở trên mặt đất để nói và để nghe người ta nói. Chúng ta thấy sôi nổi, âm ỉ một bọn người béo nói, nói nhai nhai, nói sốt ruột, nói suốt ngày đêm, mà vẫn cho là mình nói hãy còn ít quá. Những người này quên mất rằng kẻ nào ít làm âm ỉ thường là những người hành động nhiều. Một cái máy đem hết cả sức hơi nước ra để kéo còi còn sức đâu mà chạy được mau. Hãy tập nói ít, hãy tập im lặng. Ít nói thì sức mạnh sẽ tăng gia.

Tất cả những ý nghĩ trên kia dẫn ta đến một vấn đề khác cũng đáng lưu ý. Tôi muốn nói tới cái tật nói lớn. Xét về dân chúng trong một vùng, người ta nhận thấy rằng tính tình dân hạt này khác tính tình dân hạt kia, mà sự khác nhau đó biểu thị ngay từ trong ngôn ngữ. Ở hạt này, dân bình tĩnh và trầm lặng, họ dùng những chữ nhũn nhặn, những danh từ nhỏ bé. Ở chỗ kia, tính tình điều hòa: dân dùng những câu, những chữ đúng đắn, vừa vặn, không to lớn quá mà cũng không nhũn quá. Nhưng quá ra hạt kia một chút, vì ảnh hưởng của đất cát, của khí hậu, mà có lẽ của rượu nữa, người ta có một thứ máu nóng hơn trong huyết quản, thành thử ngôn ngữ có vẻ quá độ: những danh từ thích dùng cho to, nói những điều rất thường mà cũng phải cho kêu vang mới được.

Ngôn ngữ thay đổi theo khí hậu mà lại còn thay đổi theo thời đại nữa. Ta cứ so sánh văn tự hay là lời nói của thời này với một thời đại nào đó trong lịch sử thì thấy rõ ngay. Chúng ta bây giờ không nói năng như những người năm 1830 hay 1840. Thực vậy, ngôn ngữ hiện bây giờ có một hình thái giản dị hơn trước; chúng ta không mặc áo giáp; lúc viết, ta không phải trèo lên núi mới viết văn được; nhưng có một điểm làm cho ta khác hẳn với các cụ ngày xưa: đó là tính sôi nổi, nguồn gốc của những sự quá độ trong lời nói. Đối với những người bản tính, lời nói không gây được ấn tượng như đối với người thường. Và trái lại, người sôi nổi, lời nói thường không đủ tả cảm giác của người sôi nổi. Trong cuộc sống bình thường, trong cuộc sống công cộng, trong văn nghệ và kịch giới, những câu “đao to búa lớn” đã thay thế cho thứ ngôn ngữ bình thản và giản đơn. Những phương tiện mà các ký giả, văn gia, kịch sĩ của chúng ta thường dùng để nhồi sọ dân chúng, để cho dân chúng phải lưu ý, người ta lại còn thấy cả ở trong những câu chuyện tầm thường, trong văn thư và nhất là trong bút chiến. Với người trầm lặng và bình tĩnh, cách thức ăn nói của ta bây giờ cũng giống như chữ viết của ta đem so với chữ viết của người xưa. Người ta kết tội ngòi bút sất.

- Ngày xưa, người ta viết bằng lông ngỗng, thành thử chữ viết rõ ràng.

Nhưng sự kém sút có phải tự ngòi bút đâu. Sự kém sút ở trong lòng ta, nó có một nguyên nhân sâu xa hơn nhiều. *Chữ chúng ta viết bây giờ là chữ viết của những người bối rối, bấn khoăn, như thể bị ma đuổi vậy.* Chữ của các cụ ta viết ngày trước minh bạch, đồng dạc. Đó là vì chúng ta đã là nạn nhân của cuộc đời mới vô cùng phiền toái, nó làm cho ta phí phạm nhiều năng lực quá, nó làm cho chúng ta thắc mắc mệt mỏi, lúc nào cũng hồi hộp, cuống cuồng. Thành thử ra ngôn ngữ, cũng như văn tự của ta, cũng bị ảnh hưởng và phản ta. Do đó, ta trở lên tìm nguồn gốc và nên tìm hiểu lời báo hiệu đó biểu dương cái gì. Ăn to nói lớn, ngôn ngữ quá ư mực bình thường, thử hỏi có lợi gì không? Ngôn ngữ mà quá độc lạ không thể diễn tả chân thành cảm giác của chúng ta, chúng ta sẽ vì những chữ lớn đó mà làm sai lạc cả tinh thần của ta và những người xung quanh ta. Đối với những người ăn nói trắng khoát, một tác đến trời, người ta còn hiểu lẫn nhau sao được? Kết cục thế này: không những đã không hiểu nhau, người ta lại còn thấy nảy nở ra trong xã hội những thói xấu đáng buồn: như tâm tính cáu bẳn, những cuộc cãi vã rầm rộ, vô ích, những lời xét đoán nông nổi, không có mực thước và những quá độ đáng tiếc trong nền giáo dục và các mối giao thiệp xã hội.

Để kết luận về mục “Lời nói giản dị” này, tôi ước mong mấy điều. Mấy điều này thực hiện được thì ảnh hưởng không phải là không tốt.

Tôi mong rằng văn nghệ sẽ giản dị. Văn nghệ giản dị không những để làm một phương thuốc thần hiệu nhất cho những linh hồn chán chường, mệt nhọc và đau ốm và những điều quá độ, mà còn để làm một bảo đảm và một nguồn liên hiệp quốc gia.

Tôi lại mong có một nền mỹ thuật giản dị. Hiện nay, văn nghệ và mỹ thuật của ta chỉ dành riêng cho một số người được ưu đãi về học vấn và tiền nong. Song le, tôi xin mọi người chú ý: tôi không có ý yêu cầu các thi sĩ, tiểu thuyết gia, họa sĩ phải rơi từ trên cao xuống tận dưới thấp

để hòa mình vào với ti tiêu: mà trái lại, tôi lại muốn họ vượt lên cao nữa. Phàm cái gì bình dân thì không phải chỉ phù hợp với một giai cấp nào đó trong xã hội mà ta vẫn quen gọi là giai cấp bình dân; phàm cái gì bình dân phải là của chung mọi giai cấp và liên hiệp mọi người lại với nhau.

Những nguồn phát sinh ra cái hứng để tạo ra một nghệ thuật giản dị bắt nguồn từ đáy tim của con người, từ những chân lý bất diệt của cuộc đời; mà trước những chân lý đó, mọi người đều bình đẳng. Những nguồn gốc ngôn ngữ bình dân phải tìm ở đâu? Ở một số những hình thức giản dị nhưng mà mạnh, diễn tả tình cảm thông thường và những nét chính của kiếp người. Đó là chân lý, sức mạnh, sự cao cả và trường cửu vậy. Thiết tưởng, một cái lý như vậy cũng đủ làm cho anh em trẻ tuổi yêu chuộng cái đẹp phải say sưa và cúi xuống những người nghèo khó về vật chất và tinh thần hơn một chút.

Phần tôi, từ cái đám quần chúng mà tôi vẫn sống chung tôi thấy cần phải kêu gào lên với những người có tài năng và bảo họ: **Các ông, hãy làm việc cho những người bị bỏ quên. Hãy làm cho những người bình dân khiêm nhượng kia hiểu các ông!** Được như thế, ấy tức là các ông làm một công cuộc giải phóng và phục vụ hòa bình; các ông lại mở cửa các nguồn xưa mà các bậc nghệ sĩ thầy đã từng khai thác và mang lại cho ta những sáng tác ngàn năm bất hủ.

Những sáng tác đó, bất hủ bởi vì các bậc nghệ sĩ thầy đó đã cố làm cho thiên tài của họ giản đơn.

CHƯƠNG V

SỐ PHẬN GIẢN DỊ

Bảo trẻ nhỏ một điều gì mà không làm cho chúng vừa lòng, ta thường thấy chúng giơ tay lên mái nhà chỉ một con chim bồ câu nào đó đương mớm cho con, hay chỉ cho ta thấy ở dưới đường một người đánh xe nào đó đương đánh đập con bò, con ngựa. Có khi chúng lại còn ranh mãnh hỏi ta những điều dở làm cho bực bội. Chúng làm thế có mục đích gì? Chỉ là để cho người lớn quên mất cái vấn đề muốn đem ra bảo chúng. Tôi nghĩ rằng chúng ta, đứng trước bốn phận, chẳng qua cũng như lũ trẻ con nọ mà thôi; phạm có việc gì thuộc về bốn phận làm người, ta thường tìm mưu này, chúc nọ để cho ta quên lãng bốn phận đi.

Mưu chúc thứ nhất, ta tự hỏi có quả thực là có một bốn phận nói chung không, hay đó chỉ là để che đậy một hay nhiều huyền mộng của các cụ nhà ta. Bởi vì nói đến bốn phận tức là mặc nhiên nói đến tự do, mà vấn đề tự do thì vô hình chung đã đưa ta đến lãnh vực vô hình học. Làm thế nào mà nói tới bốn phận nếu vấn đề trọng yếu tự do chưa được giải quyết? Về lý luận, không có gì đáng phản đối cả. Mà nói cuộc đời là một lý thuyết, nếu chúng ta sinh ra là để xây dựng một hệ thống hoàn toàn của vũ trụ, thì để ý tới bốn phận trước khi giải thích về tự do, quy định giới hạn và điều kiện của tự do, tức làm một việc ngu muội vậy.

Nhưng cuộc đời có phải đâu là một lý thuyết? Trên cái điểm lý luận thực tế đó, cũng như các điểm khác, cuộc đời đã bỏ xa lý thuyết và không bao giờ cuộc đời lại là một lý thuyết. Tự do tương đối – mà ở đời này cái gì không tương đối? – Bốn phận mà người ta vẫn thường tự hỏi có hay không, chẳng vì thế mà không là căn bản của những sự suy ngẫm

của ta về chính ta và những người quanh ta. Chúng ta đổ trách nhiệm lẫn cho nhau về những hành động và cử chỉ của ta.

Nhà lý thuyết hăng hái nhất, một khi rời bỏ địa hạt lý thuyết của mình, không ngần ngại khen lao hay chê trách hành động của người khác, tìm các cách để mưu hại kẻ thù, cầu cạnh lòng quảng đại và chút công lý của những người mà y muốn dụ dỗ làm điều bất chính. Ta không thể phủ nhận mối quan hệ của luân lý đối với ta, cũng như ta không thể phủ nhận được mối quan hệ về không gian và thời gian. Cũng như ta bắt buộc phải đi, trước khi ta quan niệm được cái không gian mà chúng ta phải vượt qua và cái thời gian chỉ định những cử chỉ của ta, chúng ta tự phải bó buộc vào khuôn khổ luân lý, dù mình chưa biết gốc rễ luân lý đó thế nào. Định luật luân lý chế ngự người đời, dù là người đời tôn trọng nó hay ngăn cản nó. Cứ nhìn cuộc đời hàng ngày thì rõ: bất cứ ai cũng muốn mạ lỵ, khinh bỉ kẻ nào không làm một bổn phận rõ ràng, dù là người bị mạ lỵ viện cớ rằng y chưa tìm được chân lý trong triết lý. Thì người ta bảo thế này, và xét ra phải lắm: “Thưa ông, người ta phải sống ra người đã; trước hết, ông là người thì ông phải trả nợ hình hài, ông hãy làm tròn bổn phận một người công dân, một người cha, một người chồng, một người con đi đã, rồi xin ông hãy triết lý và tư tưởng...”

Xin các bạn đọc hiểu tôi. Tôi không hề có ý muốn xui người ta đừng khảo cứu, triết lý hay đừng tần mẩn tìm tòi những căn bản của luân lý. Không bao giờ những công cuộc hệ trọng đó lại có thể vô ích được. Tôi chỉ trách nhà tư tưởng cứ chờ đợi tìm ra được căn bản luân lý và triết lý mới hành động ra người, mới ăn ở lương thiện hay không lương thiện, mới can đảm hay mới hèn nhát.

Ta là người, thì trước mọi lý thuyết tiêu cực hay tích cực về bổn phận, ta có bổn phận sắt đá phải sống ra con người. Không thể nào làm khác thế.

Song le, chúng ta tìm được trăm ngàn cách để trốn tránh bốn phận. Vì thế, chúng ta thu hình ở đằng sau bốn phận mù mịt, bốn phận khó khăn, bốn phận tương phản. Đó là những tương phản. Đó là những danh từ khêu gợi ta những kỷ niệm buồn thương. Là một người của bốn phận mà nghi ngờ con đường mình đi, sờ soạng trong đêm tối, băn khoăn giữa những đòi hỏi tương phản của những bốn phận khác nhau, hay là đứng trước bốn phận cao cả quá, nặng nề quá, trên hần sức của chúng ta, hỏi còn có gì vất vả hơn?

Ấy thế mà những việc đó vẫn thường xảy ra. Chúng ta không muốn giấu giếm, mà cũng chẳng phủ nhận, rằng việc đòi thường có lắm chuyện đau thương và kiếp sống làm cho lòng người tan nát. Dầu sao, trong những trường hợp gay go như thế, ít khi bốn phận đã biểu lộ được ra và cũng ít khi bốn phận cứ phải hiện ra như tia chớp trong đêm đông tối. Những sự chấn động kinh khủng đó ít khi xảy ra. Nếu có xảy ra, mà ta chống đỡ được, chịu đựng được thì là điều rất hay; nhưng nếu có thua cuộc mà thất bại thì cũng không hề gì. Nếu ở đời không ai lấy làm lạ sao những cây đa, cây đề lại bị bật gốc trong cơn bão táp, hay một khách bộ hành lại té ngã trong đêm tối trên một con đường lạ, hay một quân nhân bị bại vì đã lâm vào vòng vây của một số địch nhiều hơn và lắm vũ khí hơn, thì cũng không ai lại nổi kết tội những người đã bị bại trận, trong những cuộc chiến đấu tinh thần gần như siêu phàm. Bị thua trận như thế, không bao giờ nhục cả.

Nhưng ở đây, ta không nói về thứ bốn phận đó, ta chỉ nói về bốn phận giản dị, bốn phận dễ dàng.

Một năm có nhiều ngày bình thường, duy chỉ có dăm bảy ngày lễ lớn. Cũng vậy, ở đời cũng chỉ có một ít cuộc chiến đấu thật lớn lao và thật phải chiến đấu trong bóng tối mà thôi. Ngoài ra, ở bên cạnh những cái đó, có biết bao nhiêu là bốn phận bình thường, minh bạch. Thực ra,

trong nhiều trường hợp lớn lao, ta vẫn thường cầm cự tạm tạm được; chính ta lại bị sút kém trong những trường hợp tầm thường. Có thể nói rằng: điều chính yếu của người ta là làm tròn bốn phận tầm thường, giản dị, là tự hòa mình vào với cái công lý tầm thường giản dị.

Thường, những người mất nhân phẩm, bán linh hồn, có phải vì không tiến được tới bốn phận khó khăn đâu, mà là vì họ đã lơ là, không làm tròn bốn phận tầm thường, giản dị.

Thử tìm vài thí dụ. Người kia thử dần mình vào đáy từng xã hội chung sống với người nghèo và thấy rằng, trong tầng lớp xã hội đó, đầy dẫy những đau thương tinh thần và vật chất. Càng nhận xét kỹ, càng thấy nhiều ung nhọt như bản. Sau, y nhận ra rằng xã hội của người nghèo khó là cả một cái vực sâu thẳm, tối đen, mà một người, với những phương tiện sẵn có trong tay, không thể làm gì được. Đã đành là y muốn cứu giúp những người bất hạnh kia, nhưng đồng thời y tự hỏi: **“Sự khổ nào thì nhiều, mà sức mình chỉ có một ly, hỏi cứu giúp làm sao cho xuể? Mà không xuể thì cứu giúp làm gì?”** Trường hợp như thế, quả thực là khó khăn mà đau khổ. Có người giải quyết trường hợp đó bằng cách không làm gì cả: họ thất vọng. Họ không hành động gì hết – mà phải nói rằng lòng thương người của họ, thiện chí của họ không thiếu, có khi thừa là khác. Những người xử sự như thế rất lắm. Thường, một người không có phương tiện để làm phúc cho nhiều người khác, nhưng không phải vì thế mà không cứu giúp lấy một vài người. Có nhiều người không làm thế, bởi vì họ cho rằng cứu giúp như thế không ích gì. Những người đó cần phải cảnh giác để trở về với bốn phận giản dị. Bốn phận đó thế này: mỗi người, tùy theo của cải, thời giờ, và khả năng của mình phải sẵn sóc, yêu thương và an ủi lấy một ít người trong đám dân nghèo.

Có những người chỉ chịu khó một chút mà kết bạn được với ông tỉnh trưởng này, quận trưởng khác hay là luồn lọt vào được với các vị thủ tướng, tổng trưởng, bộ trưởng. Thế thì tại sao họ lại không gây cảm tình

thân thiện được với đám dân nghèo hay những công nhân thiếu thốn? Một khi hiểu biết được một vài gia đình rồi, biết chuyện nhà chuyện cửa của họ, biết quá khứ và những nỗi khó khăn của họ, ta rất có thể giúp đỡ họ bằng cách rất thường là: giúp được tí nào hay tí đó, giúp họ bằng cách yêu thương, thăm hỏi, giúp họ về tinh thần, vật chất. Đã đành giúp đỡ như thế chỉ được phần nào thôi; nhưng cứ làm hết khả năng của ta và biết đâu có người khác lại cũng bắt chước ta làm thế? Làm thế, ấy là ta đem lại cho lớp người nghèo một chút an ủi, một chút vui tươi, chứ không phải ta chỉ biết giờ mắt ra trông thấy đau khổ, căm thù, chia rẽ, nhơ nhớp, tội lỗi của cái xã hội bất hạnh đó. Số người có thiện chí như ta tăng lên, thì việc thiện, đồng thời cũng nhiều hơn mà sự đau khổ sẽ giảm đi. Mà cho rằng chỉ có một mình ta làm thế, không ai theo cả thì ít ra người ta cũng phải nhận rằng ta đã làm một việc nghĩa lý, một bổn phận tâm thường mà ta phải làm. Làm được như thế, riêng ta thấy rằng ta đã tìm thấy bí quyết của một cuộc đời tốt đẹp.

Người ta, nuôi nhiều tham vọng, vẫn thường mơ tưởng làm những đại thể to tát, nhưng trên thực tế, ta ít khi làm được chuyện to, mà dù có thể chẳng nữa thì cũng phải sửa soạn khổ công mới có kết quả chắc chắn và nhanh chóng. Có trung thành với việc nhỏ mới làm được việc to. Chúng ta vẫn thường quên như thế luôn luôn. Sự thật thiết yếu đó, ta cần phải ghi nhớ, nhất là trong những thời buổi khó khăn và trong những giai đoạn lao đao vất vả trong cuộc sống. Trong một nạn đắm tàu, người ta có khi nắm được một cái rui, một bánh lái hay một tấm ván mà thoát chết thì, trên đầu song ngọn gió của cuộc đời, trong khi ta tưởng là cuộc đời tan nát ra từng mảnh nhỏ, có khi chỉ nắm được một mảnh nhỏ đó mà ta sống sót Khinh thường những mảnh nhỏ đó, tức là ngã lòng, nản chí, không phải là điều đáng trọng.

Ông bị phá sản, hay ông mất một người thân hoặc nữa, ông vừa thấy tiền của ông, do bao nhiêu năm dành dụm, tự nhiên đội nón ra đi. Ông không thể gây lại sản nghiệp cũ, cải tử hoàn sinh người thân thích

của ông hay là ngăn giữ cho tiền khỏi mất. Trước những tình trạng không thể vãn hồi đó, ông thất vọng thờ dài. Thế là ông không cảnh giác rèn luyện bản thân, không giữ gìn nhà cửa, không chăm nom con cái. Đó cũng là một điều có thể tha thứ được, ai không biết thế! Nhưng mà nó nguy hiểm biết bao! Cứ mặc cho đời trôi đi, muốn ra sao thì ra, thì cái hại nhỏ hóa ra cái hại lớn. *Ông tưởng rằng ông không còn gì để mất nữa, nhưng chính ông sẽ mất nốt những cái gì ông hãy còn.* Hãy thu nhặt những tài sản còn lại, và cố giữ gìn cẩn thận những vật còn lại đó. Chẳng bao lâu, chỗ còn lại đó sẽ an ủi lòng ông. Rồi thì cố gắng mãi lên, ta sẽ thành công. Nếu ông chỉ còn có một cái cành để bám víu, hãy bám vào cái cành đó; nếu ông chỉ còn một mình để bênh vực quyền lợi có vẻ như thất vọng, ông đừng nên vút khí giới mà chạy trốn như kẻ khác. Sau nạn hồng thủy vĩ đại ngàn xưa, chỉ có mấy người mà rồi sinh sôi nảy nở mãi cũng làm cho trái đất ngày nay đông đảo. Có nhiều khi tương lai chỉ trông vào có một khối óc, thế thì cuộc đời chỉ treo vào một sợi chỉ là thường. Cứ nhận xét lịch sử và tạo vật thì rõ: lịch sử và tạo vật cho ta thấy rằng những thiên tai cũng như sự hưng vượng, có thể do những nguyên nhân rất nhỏ nhoi súc tích từ bao nhiêu lâu rồi; khinh thường những tiểu tiết là khờ; lúc nào ta cũng phải biết chờ đợi và tái tạo.

Nói về bốn phạm giản dị, tôi không thể không nói tới đời sống trong quân ngũ, và những tấm gương sáng mà nó đã trao cho bọn chiến sĩ của cuộc chiến đấu vĩ đại là Đời. Kẻ nào thấy quân đội mình thất bại mà vội nản chí không chải quân trang, không lau chùi khí giới, không tuân theo kỷ luật, kẻ đó không hiểu bốn phạm của quân nhân. Các bạn sẽ bảo: “Ồ, còn làm gì nữa?” – Làm làm gì? Ở đời, há chẳng có nhiều cách thất trận ư? Đã thất trận mà lại còn nản chí, làm mất trật tự, phá hoại, bảo là không làm sao ư? Không bao giờ chúng ta nên quên rằng: Mỗi một hành động dũng mãnh trong những trường hợp nguy hiểm là một tia sáng trong đêm tối. Đó là một dấu hiệu chứng tỏ sự sống và hy vọng. Thấy thế, ai cũng biết là chưa tuyệt vọng, vẫn còn cứu vãn được phần nào.

Trong cuộc rút lui đau thương của Napoleon, giữa mùa đông tháng giá, quân đội Pháp quần áo rách bươm, lê bước đi không được. Một sáng kia, có một viên tướng, ăn vận chỉnh tề, mày râu nhẵn nhụi, tiến lại chào Napoleon. Thấy viên tướng nọ, giữa lúc hàng ngũ bối rối mà vẫn có vẻ chỉnh tề như dự một cuộc duyệt binh, Napoleon bèn rằng: “Chào đại tướng, ông là một người can đảm!”.

Bốn phận giản dị lại còn là bốn phận trực tiếp đối với những người ở chung quanh. Có một điều rất lạ, thường thấy luôn ở quanh ta, chứng tỏ sự yếu đuối của linh hồn: nhiều người không thiết tha đến những người ở bên cạnh họ. Họ chỉ nhìn thấy những điểm ti tiểu của những người bên cạnh họ thôi. Trái lại, họ lại say sưa và thích thú những cái gì ở xa. Thành thử ra có nhiều thiện chí phí phạm vô ích quá. Người ta say sưa vì nhân loại, vì lợi ích chung, vì những đau khổ ở tận đâu đâu, chân bước trong đời mà mắt thì nhìn những vật báu ở tít mãi tận chân trời, thành thử chẳng thấy ai, bước cả vào chân người khác hay là va cả vào đầu, vào trán người ta.

Lạ thay là cái tật không nhìn thấy những người ở cạnh ta! Có nhiều kẻ học thức rộng, du lịch nhiều, nhưng họ không hiểu biết đồng bào của họ; họ sống nhờ sự giúp đỡ của biết bao nhiêu người mà chính họ không hiểu số phận của những người đó ra sao! Họ không buồn để ý tới những người bảo ban họ, dạy dỗ họ cai trị họ. Nhiều người lại còn đi xa hơn nữa. Một số đàn bà không biết chồng là ai; trái lại, lại biết người ngoài hơn chồng mình. Có những bậc làm cha làm mẹ không hiểu hết con cái, không hiểu chúng khôn lớn ra sao, học tập ra sao, tư tưởng ra sao, lo sợ thế nào. Lại cũng có những kẻ làm con không hiểu biết cha mẹ, không hiểu biết những lo âu, thắc mắc, chiến đấu của cha mẹ mà cũng chẳng biết cha mẹ muốn gì. Mà không phải tôi chỉ nói tới những gia đình hư hỏng, những gia đình đau khổ mất cả tôn ti trật tự, mà tôi nói tới những

gia đình khá giả, cha mẹ cũng như con cái, đều là những người lành mạnh. Tiếc rằng cái thế giới đó bận bịu quá. Người nào người nấy đều có những quyền lợi ở bên ngoài cướp mất thì giờ. Họ chú tâm vào bốn phận xa xôi nhiều quá – vì bốn phận xa xôi cũng hấp dẫn người ta thực, tôi xin nhận thế - và quên khuấy mất bốn phận thiết thực đối ngay với những người ở chung quanh. Tôi e rằng họ sẽ phí công. Căn bản hành động của mỗi người là lãnh vực bốn phận thiết cận. Mình lo là bốn phận thiết cận thì công cuộc mình làm theo bốn phận xa xôi sẽ bị thương tổn. Ta cần phải là người của nước ta đã, rồi từ đó ta mới đi quá ra xa: đó là sự tiến triển bình dị và tự nhiên. Phải có những lý do điên rồ hay xấu xa lắm mới đi ngược lại sự tiến triển đó. Rút lại thì xáo trộn các bốn phận lại với nhau như thế, ta đến một kết quả là người ta xô (?) nhau và làm nhiều việc quá, duy quên mất một việc chính mà xã hội có quyền đòi hỏi ta. Đáng lẽ phải làm việc này thì lại đi làm việc khác, đáng lẽ phải đứng ở đồn này thì lại chạy sang đồn khác, đáng lẽ làm nghề này thì lại làm nghề kia. Cuộc đời thành thử phiền toái quá. **Nếu ai cứ biết việc của người ấy, chỉ làm điều gì trực thuộc tới mình thì đời giản dị xiết bao.**

Lại thêm một hình thức nữa của bốn phận giản dị. Gây ra sự thiệt hại, ai là người phải đền bù?

- Kẻ gây ra thiệt hại thì phải đền bù chứ còn gì!

Đúng lắm. Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Mà hậu quả của lý thuyết đó là ta phải đề nguyên sự thiệt hại đó cho tới khi tìm ra được kẻ gây ra thiệt hại, bắt chúng đền bù tội lỗi. Nhưng ngộ người ta không tìm ra những kẻ gây ra thiệt hại thì sao? Hoặc là chúng không thể, hay không muốn đền bù thì sao?

Có một hôm ngói vỡ trên mái nhà, làm mưa rỏ xuống ướt đầu ông hay vì một cái kính vỡ làm cho gió lọt vào, thành thử ông khó ở. Thế thì

ông cứ đợi bắt được người làm vỡ ngói hay làm vỡ kính mới gọi thợ nề đến sửa hay sao? Làm như thế thì hơi lố lỉnh, chính ông cũng phải nhận như thế. Ấy vậy mà ở đời thường thấy người ta hành động như thế. Trẻ con tức bực kêu lên “có phải tôi ném cái đồ vật ấy đâu, thế thì việc gì tôi phải nhặt!” Nhiều người cũng suy luận như thế. Nghe có lý lắm. Nhưng cái lý luận đó không bao giờ giúp cho cuộc đời tiến bộ.

Trái lại, ta phải nhận rằng sự thiệt hại do người này gây ra vẫn do người khác đền bù. Chính cuộc đời, hàng ngày, vẫn nhắc đi nhắc lại cho ta như thế. Kẻ này phá hoại, người kia kiến thiết; kẻ này làm bẩn, người kia lau chùi; kẻ này gây ra cuộc xô xát đấu khẩu, người kia điều hòa; kẻ này làm nhỏ lệ, người kia an ủi; kẻ này sống vì bất công, kẻ kia lại chết vì công lý. Làm tròn cái định luật đau đớn ấy, tức là tìm thấy hạnh phúc. Đó cũng là luân lý, nhưng là luân lý thực tế làm mờ át hẳn lý thuyết đi. Kết luận rõ ràng, không còn ngờ vực được. Một người bình dị kết luận như sau: **Có hư hại thì phải tu sửa ngay; mặc cho bọn phá hoại muốn hay không muốn tu sửa; kinh nghiệm cho ta biết chớ nên chờ đợi nhiều ở chúng.**

Bổn phận, dù giản dị đến thế nào, cũng cần phải có can đảm và sức mạnh để làm tròn. Sức mạnh đó ra sao? Thế nào? Và ở đâu?

Đối với người đời, bổn phận là một kẻ thù, một kẻ quấy rầy khi nó biểu hiện như một đòi hỏi bề ngoài. Nó vào đàng cửa, người ta chui ra cửa sổ, nó bịt cửa sổ lại, nó thoát ra đàng mái. Càng trông thấy rõ ràng nó đến thì người ta càng chắc chắn thoát được nó. Nó cũng giống như thầy đội canh sát, tượng trưng công lý và sức mạnh chính quyền, muốn làm cách nào thì làm, cũng để cho thằng ăn cắp giỏi tìm đường lẩn được. Than ôi, thầy đội ví dụ cho có tóm được tên ăn cắp kia chẳng nữa, bắt quá cũng chỉ giải nó về bột là cùng, chứ cũng chẳng dẫn dắt nó vào đường ngay được. Muốn cho người ta làm tròn bổn phận, không phải chỉ

bắt người ta theo một sức mạnh, bắt làm cái này, bắt làm cái nọ, tránh cái này, tránh cái kia mà được đâu. Muốn đưa dẫn người ta về bản phận, cần phải có sức mạnh khác. Sức mạnh bên trong. Cái sức mạnh tiềm tàng đó là lòng thương yêu. Phàm một người đã ghét nghề nghiệp của mình thì thường vẫn làm nghề một cách uể oải, chán chường, bất cứ sức mạnh nào trên trái đất này cũng không thể làm cho người đó làm việc chăm chỉ, vui thú được. Trái lại, kẻ nào yêu nghề thì tự mình gia sức mà làm, không những đã chẳng cần ai thúc giục, mà lại còn không có cách nào ngăn cản cho người đó thôi làm việc. Mọi việc ở đời này đều thế. Điều cao cả nhất là cảm thông được tất cả cái gì thiêng liêng và đẹp trường cửu trong kiếp sống đen tối của ta; là, do kinh nghiệm, đạt tới cái điểm yêu kiếp sống đó với tất cả đau thương và hy vọng của nó; là yêu thương người đồng loại vì óc cao thượng và vì đau khổ của họ; là hòa mình vào nhân loại, với trí óc, với tâm can, lòng dạ của mình.

Một sức sống lạ lùng sẽ xâm nhập lòng ta như thể một cánh buồm no gió của một con thuyền và đưa ta đến bờ bến của Nhân Ái và Công Lý. Chúng ta mặc cho sức mạnh đó đầy đủ và chúng ta tự nhủ: “Ta không thể nào làm khác được; yếu quá, ta cưỡng làm sao lại?”.

Nói như thế, người đời của bất cứ giai cấp nào, của bất cứ thời đại nào cũng có ý muốn chỉ một sức mạnh, cao cả hơn người, nhưng có thể ở tiềm tàng trong lòng người. Thế rồi phàm cái gì cao cả nhất trong ta thấy đều như là biểu hiện của cái bí mật dừng mãi đó. Những tình cảm cao thượng, cũng như những hành động cao thượng, đều do phút xuất thần mà bật ra. Một cái cây tươi tốt lên vì mang trái thơm ngào ngạt là vì nó rút sức sống tự trong lòng đất và tiếp nhận được sức nóng và khí ẩm mặt trời. Một người, sống trong phạm vi chật hẹp của mình, giữa những tội lỗi và ngu dốt, mà thành thực hi sinh cho công việc của mình, ấy là vì người đó đã giao cảm với nguồn yêu thương bất diệt. Sức mạnh quan trọng đó biểu hiện dưới muôn ngàn hình thức khác nhau. Khi thì nó là sức mạnh bất khả chế ngự, khi thì lòng triu mến vuốt ve, khi thì là tình

thần chiến binh công phá và đánh bại cái xấu, khi thì là tình mẫu tử đem về nuôi dưỡng một vài đứa trẻ mồ côi, khi thì là lòng nhẫn nại của những kẻ tìm tòi khảo cứu...

Song le, sức mạnh đó chạm tới cái gì thì đều có để dấu vết lại, và những người được nó thúc đẩy đều cảm thấy rằng vì có nó mà ta mới sống, vì có nó mà ta mới có ngày nay. Phục vụ sức mạnh đó là một hạnh phúc và là một phần thưởng cho họ. Và chỉ phục vụ như thế thôi, cũng đủ rồi. Người phục vụ không cần để ý đến cái bám ở ngoài, vì họ biết rằng chẳng có gì lớn cả mà chẳng có gì nhỏ cả, chỉ duy có những hành động của ta và cuộc đời của ta có giá trị, mà sở dĩ có giá trị như thế là vì tinh thần ở bên trong.

CHƯƠNG VI

NHU CẦU GIẢN DỊ

Vào hàng chim mua một con chim, ta được nhà hàng chỉ bảo ta vẫn tất cách thức nuôi nấng con chim ra sao. Tất cả vệ sinh cho chim, đồ ăn cho chim và các khoản lật vặt, rút vào dăm câu nói. Cũng thế, muốn tóm tắt những nhu cầu chính yếu của đa số người đời, chỉ nói một ít lời cũng đủ. **Cách sống của họ, về đại thể rất là giản dị. Nếu họ cứ theo như thế mà sống, họ mạnh khỏe như thường.** Nhưng họ đi chệch con đường đó thì sẽ xảy ra gây nhiều phiền phức, lồi thối: sức khỏe sút kém, tính vui vẻ tiêu tan. Duy có cuộc đời giản dị và tự nhiên là có thể giữ được cho cơ thể ta mạnh khỏe. Quên mất nguyên tắc sơ đẳng ấy, ta sẽ gặp nhiều sự sút kém, hư hỏng lạ lùng.

Một người muốn sống đầy đủ về phương diện vật chất thì cần phải có những gì? Đồ ăn trong sạch, quần áo giản dị, một cái nhà sạch sẽ, có khí trời và năng cử động. Tôi sẽ không chỉ định món ăn, cách thức may mặc hay là vẽ kiểu nhà để cho người ta bắt chước để xây mà ở. Mục đích của tôi là vạch ra một lối đi và bày tỏ tại sao người ta xếp đặt cuộc đời theo một tinh thần giản dị thì có lợi.

Muốn chắc chắn rằng, hiện nay, xã hội ta không sống theo tinh thần giản dị, chỉ nhìn người ta sống trong mọi tầng lớp thì đủ rõ.

Hãy hỏi nhiều người khác nhau, thuộc giai cấp khác nhau, câu hỏi này: “Muốn sống ông cần những gì?”... Rồi ta sẽ thấy họ trả lời ra sao. Không còn gì bổ ích hơn là làm công việc đó.

Có người cho rằng nếu phải rời bỏ thành phố đông đảo của kinh đô mà đi về ở tỉnh nhỏ, không tài nào sống được. Lại có người trái lại, cho

là ở đô thành thì khô lạ lòng, không khí khó thở, người đi lại như máy, ăn uống xô bồ, lại rượu chè be bét, rồi đau dạ dày mà chết.

Muốn sống, ông cần những gì? Dem câu đó ra hỏi các cấp bậc của xã hội tư bản, người ta trả lời ông bằng một con số, tùy theo trình độ tham vọng và giáo dục. Mà giáo dục, ta phải hiểu theo nghĩa những tập tục bề ngoài của cuộc đời, cách ăn, cách ở, cách mặc, tóm lại là thứ giáo dục phủ ở bên ngoài. Kiếm được từ bao nhiêu tiền trở lên, lãi bao nhiêu tiền một tháng trở lên, thì sống được. Không được như thế, không thể nào sống được. Ta đã từng thấy những người tự tử vì tiền nong của họ bị sút kém dưới mức tối thiểu của họ. Thà chết còn hơn là sống so rụi. Ta nên biết rằng cái mực tối thiểu mà họ cho là không thể sống được đó, nhiều người ví có thì đã lấy làm phong lưu. Những người sau này có trong tay những nhu cầu không quá khát khe hoặc những ham muốn thực thà nhũn nhặn.

Trên các miền sơn cước, hoa cỏ đổi thay tùy theo cao độ. Có miền trông trọt như miền trung du, có miền rừng rậm, có miền bát ngát cỏ xanh, có miền núi trọc, lại có miền băng giá. Từ một cầu đối nào đó, không có lúa, nhưng lại có những ruộng nho; xuống thấp thì từng bách không có nhiều, mà giống thông thì lại ưa mọc trên miền cao bát ngát. Cuộc sống của người đời, với những nhu cầu của nó, cũng giống những hiện tượng đó của loài thảo mộc.

Nhà tài chính, nhà đại doanh nghiệp, những mệnh phụ phu nhân, tất cả những người đó cần ít ra một lũ gia nhân đầy tớ, kẻ thừa người gửi, ít ra cũng phải có nhiều nhà ở tỉnh và quê – những kẻ ấy phải tới một cao độ nào về tài chính mới cho là xứng ý. Quá một chút nữa là nhà tư bản với những phong thái và tập tục riêng. Tiếp đó, người ta thấy hiện lên sự phong phú rộng rãi, bình thường hay nhũn nhặn, và những nhu cầu khác nhau. Rồi đến hạng người bé mọn, những người thợ, những nhà tiểu công nghệ, những nông dân, tóm lại là quần chúng, sống chen chúc như

cỏ rậm trên đỉnh núi là chỗ mà những cỏ thụ không rút được chất gì để sống. Trong những “tinh lý” khác nhau đó của xã hội, người ta sống, và những kẻ sống đó cũng là người. Thật cũng lạ lùng thay, là cùng một kiếp người như nhau mà lại có những sự chênh lệch về nhu cầu quá lạ đến thế.

Cây cối và muông thú đồng loại có những nhu cầu giống hệt nhau.

Mà xét đời người ta thì trái hẳn. Rút lại, ta thấy rằng giữa thiên nhiên và số lượng nhu cầu của chúng ta, có một sự co giãn lạ lùng! Người ta mà có hằng hà sa số nhu cầu, và chỉ chăm chú làm thỏa mãn những nhu cầu đó, thì có ích, có lợi cho bản thân và hạnh phúc của mình không? Cho sự tiến triển và hạnh phúc của xã hội không? Ta hãy trở lại sự so sánh với những vật hạ đẳng như côn trùng và thú vật. *Chúng mà được thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu là tự lấy làm mãn nguyện rồi.* Trong xã hội loài người, có thể không? Không. *Bất cứ ở cấp bậc nào trong xã hội loài người, chúng ta cũng thấy họ bất mãn.* Ta hãy loại trừ hẳn những người thiếu thốn cả sự cần dùng ra đã. Còn có gì vô lý hơn là liệt những người đói rét, nghèo khổ phải kêu than vào loại những người bất mãn? Tôi chỉ chú ý đến đám người sống trong những trường hợp có thể chịu đựng được. Tại sao họ lại bất mãn? Tại sao họ lại tức giận? Tại sao không những bọn người ở vào cảnh ngộ tầm thường mới tức giận, mà cả những người sống phong lưu và ăn trên ngai chóc trong xã hội cũng tức giận? Người ta vẫn thường nói “bọn tư bản đầy đủ”. Ai bảo là họ đầy đủ? Đó là những người, xét bề ngoài, tưởng rằng bọn tư bản đó không còn phải ước muốn, thêm thuồng gì. Nhưng chính bọn tư bản đó có tưởng là mình đầy đủ không? Có bằng lòng mình chưa? Không. Nếu ở đời có những anh nhà giàu tự mãn và bằng lòng mình, ta có thể chắc chắn họ bằng lòng không phải vì họ giàu đâu, nhưng chính là vì họ biết bằng lòng mình vậy. Một con vật thấy đầy đủ là vì nó ăn no, nó tìm một chỗ lăn ra ngủ. Một người cũng có thể lăn ra ngủ như thế trong một thời gian nào đó; nhưng ngủ chẳng bao lâu đâu; y sượng quen thân đi rồi,

không thấy sướng nữa, lại muốn sướng hơn, sướng hơn lên. Người ta ăn ngon miệng không phải vì thức ăn, nhưng cứ ăn rồi thấy ngon miệng. Đó là sự thực, tuy nghe có hơi vô lý.

Hầu hết những người hay ca thán, phàn nàn là những người có nhiều lý lẽ để tự cho mình sung sướng. Việc đó tỏ ra rằng hạnh phúc không do số lượng nhu cầu của ta ít hay nhiều mà cũng không do ta bày đặt ra nhiều nhu cầu hay ít. Chúng ta nên hiểu biết cái chân lý đó. *Nếu người ta không cố gắng hạn chế nhu cầu đi, thì mặc nhiên sẽ bị cuốn vào trong cái vực thẳm của dục vọng.*

Dù là một anh thất nghiệp ngủ đầu bè, một công nhân nghiện hút, dù là nhà tư bản cơm no bò cưỡi, dù là bà chủ chỉ lo ăn trắng mặc trơn, dù là một anh đảng viên chỉ chăm lo phụng sự vật chất, người mà chỉ sống để ăn, mặc, chơi bời, thích cái gì làm cái đó, người ấy bị lôi cuốn vào trong vực thẳm của dục vọng mà cái vực ấy thì nguy hiểm lắm. Họ bị huyền mộng ám ảnh và tự bảo: “Đi vài bước nữa, vài bước nữa thôi, để cho kỳ tới cái đồ vật ở đằng kia... Mê quá! Thích quá!” Thế rồi chúng ta đứng lại. Nhưng đã gọi là vực dốc thì đứng lại thế nào được? Ta bị tuột xuống, tuột xuống nữa. Càng xuống thấp. lại càng khó giữ cho khỏi tuột sâu xuống đáy.

Người đời nay lẫn lộn, quay cuồng, thêm khát như thế đấy. Linh hồn của họ là đầy tớ của dục vọng, họ gây ra tội thì phải chịu lấy tội. Dục vọng như một bầy thú dữ tham tàn ăn thịt họ, nhai xương họ, uống máu họ: họ không bao giờ mãn nguyện.

Người nghiện rượu, uống mãi, uống mãi nhiều hơn, có làm thế nào đã nghiện được không? Kẻ dâm dật kiêu sa có làm cho lòng dịu được không? Không. *Càng kiêu sa, dâm loạn, càng bị dục vọng giày vò.* Cái thú tự nhiên hóa ra một ám ảnh tai hại, một mối bận tâm nguy hiểm. Cứ phóng túng nhu cầu, nuôi nấng nhu cầu, nhu cầu sẽ tăng lên như là côn trùng dưới ánh sáng mặt trời. Càng chiêu đãi chúng, chúng càng đòi hỏi.

Kẻ nào chỉ muốn sướng thân mình là một đứa thất phu. Người có một triệu bạc thấy thiếu một triệu bạc, người có hàng trăm chỉ thấy thiếu hàng trăm. Có kẻ chỉ thiếu thốn vài chục bạc. Có voi thì đòi tiên, có mặt trăng đòi thêm mặt trời, và cứ thế.

Không thể tưởng tượng lòng ham muốn đó tai hại đến chừng nào. Đáng phàn nàn là có nhiều người bé mọn lại muốn bắt chước những ông to, nhiều công nhân lại học đòi quan lớn, nhiều cô gái bình dân lại bắt chước các tiểu thư khuê các, nhiều ông ký quèn lại chơi lối phong lưu công tử, mà trong những giai cấp giàu có khá giả, nhiều người lại quên rằng của cải của mình, mình đem ra dùng vào việc còn tốt hơn là ăn chơi phù phiếm để rồi lại bức tức mình chưa được hưởng bao nhiêu. *Đáng lẽ là kẻ hầu mình, nhu cầu hóa ra một lũ quỷ điên rồ, vô trật tự, một lũ bạo tàn, láo xược.* Kẻ làm tôi mọi cho nhu cầu có thể ví với một con gấu có vòng xỏ mũi, muốn kéo đi đâu cũng chịu, muốn bắt thế nào cũng phải theo. *Nhiều kẻ quay cuồng, gào hét, kêu la tự do, tiến bộ và gì nữa, chẳng qua cũng chỉ là bị nhu cầu lôi kéo.* Họ không dám tiến một bước nào mà không tự hỏi làm như thế có phạt ý quan thầy không. Biết bao nhiêu đàn ông, đàn bà, nay một tí, mai một tí mà thành hư đốn lúc nào không biết, chỉ vì họ có nhiều nhu cầu quá, không thể ép mình sống giản dị, bình thường!

Tôi xin kể chuyện một người tử tế mà tôi được biết. Y thương vợ, yêu con, tay kiếm ra tiền và sống ở thủ đô, dễ chịu lắm. Chết một nỗi là kiếm ra bao nhiêu tiền cũng không đủ cung phụng bà vợ kiêu sa. **Đáng lẽ có thể sống phong lưu nếu chịu khó giản dị đi, mà thành ra lúc nào cũng túng,** kết cục, y phải bỏ xứ sở mà đi sang nước khác. Ở đó, y lại kiếm tiền như vỗ tay. Trong khi đó, vợ con y vẫn ở nước nhà. Chẳng hiểu người chồng tội nghiệp kia ở chốn xa xôi nghĩ ra sao, nhưng vợ con ở nhà thì sang một căn nhà lịch sự hơn, quần áo đẹp hơn và kẻ hầu người hạ nhiều hơn, vui thích lắm, mãn nguyện lắm. Chẳng bao lâu, ăn sung mặc sướng mãi quen đi, bà thấy rằng đồ đạc bày biện trong nhà không

lịch sự mà kẻ hầu người hạ không sang. Nếu người chồng kia yêu vợ như ta không thể ngờ vực được, y sẽ lên cung trăng làm việc để cho có nhiều bổng lộc hơn. Ở nơi khác, lại trái hẳn: người chồng lại ham muốn, thèm khát nhiều quá, mà vợ con lại bị hi sinh. Nào là bài bạc, nào trai gái, nào chè rượu; người chồng băn khoăn giữa bốn phận làm cha và những cám dỗ bên ngoài; kết cục, hẳn ta nghe theo tiếng gọi của dục vọng và trở nên ích kỷ một cách đê hèn, bỉ ổi.

Không phải chỉ có những khách ăn chơi thuộc dòng sang mới quên mất nhân cách và quên mất những tình cảm cao thượng. Cả bình dân cũng mắc phải tệ những đó. Tôi đã từng được biết nhiều gia đình trung lưu, đáng lẽ có thể sung sướng, mà trái lại, lại u buồn: người mẹ thì hết khóc lóc ban ngày lại thở dài sườn sượt ban đêm, trẻ thì dầm dật, thất tha thất thêu kêu đói, rét. Tại sao thế? Bởi vì ông bố cần nhiều tiền quá. Chỉ nói riêng về khoản rượu, trong hai mươi năm trời nay, đã tốn kém bao nhiêu! Cứ để những món tiền phục vụ những nhu cầu lêu lạo, không đâu, để mà chỉ đem tiêu những việc chính đáng, người ta làm được biết bao nhiêu việc! **Thế hệ của nhu cầu không bao giờ là thế hệ tương thân tương trợ. Trái lại là khác. Một người càng nhiều nhu cầu bao nhiêu thì lại càng ít tương trợ cho những người ở chung quanh bấy nhiêu.** Ngay cả những người thân thích có khi cũng chẳng được nhờ vả họ.

Sống vào thời buổi nhiều nhu cầu quá, kết cục hạnh phúc bị sút kém, tình tương thân tương trợ bị thương tổn. Ngoài ra, lại còn bao nhiêu tai hại khác trong xã hội, mà tai hại nhỏ nhất không phải là khủng hoảng kinh tế, thương tổn vệ sinh công cộng.

Những xã hội có nhiều nhu cầu quá chỉ mãi miết về hiện tại, quên bẵng mất những chiến công của quá khứ và giết chết mất tương lai. *Sống chết mặc bây, tiền thầy bỏ túi!* Đẵn cây rừng để bán, lúa chưa chín đã cắt ngọn, kiếm củi ba năm thiêu một giờ, đốt đồ đạc để lấy gỗ sồi, vay

công lĩnh nợ để ăn chơi sung sướng bây giờ, sống rông bằng mưu thuật và gieo rắc khó khăn, bệnh tật, chết chóc, tàn phá, thềm muốn, thù hằn cho ngày mai... ngồi mà kể hết những nguy hại của chính thể tàn khốc đó, không thể nào xuể được.

Trái lại, nếu chúng ta chỉ bó buộc mình vào trong khuôn khổ của những nhu cầu giản dị, không những ta đã tránh được những nguy hại đó mà lại còn có muôn ngàn lợi ích khác. Ai lại còn không biết rằng sự tiết độ bảo tồn sức khỏe cho ta. Kẻ nào giữ tiết độ thì tránh được nhiều nỗi khổ đau; không những đã khỏe mạnh, lại ham hoạt động và trí óc được điều hòa nữa. Ăn uống, ăn mặc, ăn ở mà giản dị thì lại còn là nguồn tự lập và an toàn nữa. Càng sống giản dị, càng bảo vệ được tương lai. Ít khi ta gặp phải những sự tình cờ, những sự xui xẻo. Ta cù bơ cù bất không phải vì tật bệnh hay thất nghiệp. Cảnh ngộ mà thay đổi thể nào chẳng nữa cũng không làm ta bối rối. Càng giản dị bao nhiêu thì lúc gặp chuyện chẳng may, ta càng dễ sống vì đã quen rồi. Mất hết của cải hay là mất chỗ làm ăn thì ta vẫn cứ là người, bởi vì căn bản của đời ta không phải vì cơm ngon, rượu tốt, dê béo, nhà sang, của lắm. Ta mạnh hơn, ta càng đăng chuẩn bị để đối phó với cuộc đời hơn. Ta cũng như anh hủi trọc, kẻ thù túm được tóc ta còn khó. Mà ta lại giúp ích được cho những người chung quanh. Những người chung quanh sẽ không ghen ghét ta, thềm muốn số phận ta, chửi rửa ta vì thấy ta sung sướng quá độ, vì ta ăn tiêu xa xỉ vô lý, vì thấy ta sống vô ích cho xã hội một cách đáng thương.

Không chú tâm về hạnh phúc bản thân nhiều quá, sẽ có phương tiện làm việc cho hạnh phúc của những người chung quanh.

CHƯƠNG VII

THÚ VUI GIẢN DỊ

Ông có thấy thời buổi này thú vị không? Riêng tôi, nhận xét chung, tôi thấy có ý buồn. Trông thấy người đồng loại với ta, nghe họ trò chuyện, ta thấy đau lòng vì họ không có thú vui. Không phải là họ cố tìm lấy sự thích thú mà không được: ta phải nhận rằng họ cố vui đời mà không xong. Tại sao thế?

Có kẻ cho là vì chánh trị và công việc làm ăn; có kẻ cho là vì các vấn đề xã hội hay vì chủ nghĩa quân quốc. Ngồi kiểm điểm những nỗi buồn đời của ta, không thể kể thế nào cho xuể. Cháo ta ăn mặn quá, ăn không thú. Bận rộn quá, sinh ra cái bần thì vui sao được! Từ sáng chí tối, đi đến đâu, ta cũng chỉ thấy những người bận rộn, hốt hoảng, tíu tít, đầu tắt mặt tối. Người này thì uất ức vì tình trạng họ đương sống; kẻ kia đau lòng vì những ghen ghét ti tiểu trong giới văn, nghệ sĩ. Ganh buôn, ganh bán, nhiều khi làm cho ta mất ngủ, thanh niên học nhiều quá hay làm việc nhiều quá cũng thấy mất vui; giới thợ thuyền thì luôn luôn bị xô đẩy vào trong cuộc đấu tranh kỹ nghệ. Kẻ cầm quyền cũng chán cai trị vì cai trị như thế thì tín nhiệm của họ bị sút kém; người dạy học bức mình không muốn dạy học trò nữa vì học trò cũng kém tôn trọng thầy: bất cứ nhìn vào đâu cũng thấy những chuyện làm cho người ta mất thú vui và bất mãn.

Vậy mà lịch sử vẫn thấy ghi rằng có những thời đại rồi ren như thời đại ta sống bây giờ, mà người ta vẫn sống yên vui đáo dẻ. Mà hình như tình trạng trầm trọng của xã hội, sự bất trắc của ngày mai, những biến động của xã hội có khi lại là nguồn sống mới. Đôi khi ta vẫn thấy quân

lính ca hát giữa hai chiến dịch. Bảo rằng càng trong thời loạn, giữa trăm ngàn khó khăn, sự thú vị càng tăng, chưa chắc là nói sai.

Song le, muốn ngủ yên tĩnh nơi trận mạc hay là ca hát trong cơn tao loạn, người xưa phải có một cái gì. Cái gì đó là những lý do tiềm tàng trong nội tâm. Chúng ta không có những lý do tiềm tàng đó. Ta vui có phải có vì sự vật đâu? Cái vui ở trong ta. Tôi tin rằng những nguyên nhân làm ta hiện nay khó chịu làm cho ta bắt chước nhau, bản tính đều do nơi lòng ta, cũng như do những trường hợp bên ngoài.

Muốn vui thú, sung sướng, phải có một căn bản chắc chắn, phải tin tưởng cuộc đời, và thấu triệt cuộc đời. Chúng ta thiếu điều đó. Hiện nay có nhiều người, và cả thanh niên nữa đương bất bình với cuộc đời, mà không phải chỉ những triết gia mới thế đâu! Làm sao mà vui thú, sung sướng được trong khi người ta có một ẩn ý là thả cuộc đời tan nát, mọi vật đều tiêu ma cả, lại còn tốt hơn là sống? Ngoài ra, ta lại còn nhận thấy sức sống trong thời buổi bây giờ bị sút kém một cách đáng lo. Sở dĩ có sự sút kém như thế là vì người ta lạm dụng cảm giác nhiều quá. Sự quá độ về mọi phương diện đã làm hư hỏng giác quan ta và làm giảm mất cái bản năng biết vui vẻ, sung sướng của ta. Thiên tính bị thương tổn vì những sự quá lạm mà người ta ép nó phải chịu đựng. Ý chí muốn sống, tuy là dũng mãnh, mà bị lay chuyển từ gốc rễ, tự nhiên người ta đi tìm những vui thú, sung sướng giả tạo để tự thỏa mãn. Trong lãnh vực y học, người ta dùng lối hô hấp nhân tạo, tiêu hóa nhân tạo, bài tiết nhân tạo. Ta còn thấy ở quanh ta hằng trăm vạn người đánh thức và tiêm thuốc hồi sinh cho các thú vui sắp chết. Những phương tiện tài khéo nhất được chế tạo và áp dụng: người ta chẳng tiếc tiền. Được hay không được, cũng đem ra thí nghiệm. Nhưng muốn dùng những phương pháp chế biến nhiều khê đến mực nào chẳng nữa, cũng không có một giọt vui thú chân thật nào tiết ra. Ta chớ nên lẫn thú vui với những khí cụ tạo ra vui thú. Có phải chỉ cầm một cái bút vẽ mà thành họa sĩ đâu? Có phải cứ bỏ nhiều tiền ra mua một cây dương cầm mà thành nhạc sĩ đâu? Cũng thế,

vì ta có đem hết cả vật dụng ngoại phụ tinh vi nhất để tìm vui thú thì cũng chẳng hơn gì. Nhưng, với một nhà họa sĩ có tài thì một hòn than cũng có thể vẽ nên một tác phẩm thiên thu bất hủ. Phải có thiên tài hay nghệ thuật mới vẽ nên tranh, phải có trí năng sung cường thì mới có thể vui thú được. Ai có trí năng đó sẽ vui sướng, mà lại mất ít tiền. Phàm kẻ nào đa nghi, sống đời giả tạo hay quá độ, thì cái trí năng đó sẽ tiêu ma. Có đức tin, có tiết độ, năng hoạt động và suy nghĩ thì cái trí năng đó được bồi dưỡng.

Bất cứ chỗ nào mà người ta sống giản dị và lành mạnh thì cũng thấy thú vui chân thật, cũng như chỗ nào có hoa thiên tạo thì có hương thơm. Mặc dầu cuộc sống giản dị cũng đôi lúc khó khăn, ngăn trở, thiếu hẳn những cái gì mà ta vẫn cho là điều kiện của thú vui, nó vẫn nở hoa lạ và thơm. Hoa đó là sự vui vẻ. Sự vui vẻ ở đâu đến? Và đến ra sao? Không biết, nhưng ta biết là có nó. Vậy mà nhiều khi đem trồng trong nhà kín ẩm áp, bón tưới cẩn thận, mất bao nhiêu công của, mà hoa vẫn không tài nào nở được.

Cứ thử hỏi các tài tử hát bội xem hạng người nào đi xem hát thích thú nhất, họ sẽ trả lời rằng đó là hạng khán giả bình dân. Nguyên nhân tại sao, xét ra cũng chẳng có gì khó hiểu. Đối với hạng khán giả đó, đi xem hát là một việc đặc biệt, hạn hữu, họ không được hưởng luôn, thành thử ra không chán ngấy. Vả chăng, đi xem như thế lại còn là một cách nghỉ ngơi sau những phút cần lao vất vả. Cái thú vui mà họ tận hưởng đó, họ đã kiếm ra một cách lương thiện, họ nâng niu quý báu cũng như họ quý từng đồng xu đổ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm được ra. Ngoài ra, họ lại không bước vào trong hậu trường sân khấu, họ không dự vào những chuyện mèo chó chim chuột của đào kép, họ không biết những âm mưu quỷ quyệt, họ tưởng việc đời tự nhiên nó thế. Vì những lý do đó, họ hưởng mọi thứ vui thuần khiết. Có người sang trọng ngồi ở thượng hạng nhà hát, thấy họ, thương họ nghèo và dốt. Vậy mà chính họ mới là những người sống thật, còn các ông sang trọng kia thì là những người giả tạo,

những anh bù nhìn hiểu biết và cảm giác làm sao được sự say sưa lành mạnh đó của một giờ vui chân thật.

Tiệc thay, tính hồn nhiên mất dần dần đi, kể cả trong đám quần chúng bình dân. Dân ngoài tỉnh, và dân quê cũng bắt chước, bỏ mất cả những thuần phong mỹ tục. Trí óc người ta bị rượu chè làm mờ ám, bị cờ bạc, chuyện trò xằng bậy làm hôn mê, dần dần tiêm nhiễm những thói hư tật xấu. Trong đám người trước kia giản dị, bây giờ đã thấy cuộc đời giả tạo xen vào, và chỉ trong một thoáng, ta thấy có như cái cảnh tượng sau sàn múa (?). Cái cây mẫm mạp, tượng trưng của niềm vui chất phác, héo dần, lá úa vàng đi. Hãy so sánh một đám hội thôn quê theo nếp cũ với một đám hội trong một làng gọi là cải lương. Một mặt, tôn trọng nếp sống cũng từ nghìn xưa để lại, những người nông dân mẫm mạp hát những bài dân ca của đất nước, ăn vận nâu sòng và múa những điệu múa đất nước, uống rượu cất bằng gạo và cần cù như thể làm công tác vậy. Họ vui chơi như người thợ may may, người thợ rèn rèn, như cái thác nước đổ, như bầy ngựa nhảy nhót nô đùa trên bãi cỏ xanh. Bạn trông thấy yêu ngay. Vô tình, ta tự nhủ: “Hoan hô các bạn! Đúng thế đấy!”. Một mặt khác, tôi trông thấy những nông dân ăn mặc dở quê dở tỉnh, gái thì đánh phấn và mặc áo voan trông xấu hảnh đi, trai thì chải tóc bi-ăng-tin, mặc áo tây, quần chực bầu trắng, trai gái ồm ồm, cất tiếng đồng ca những bài hát lố lỉnh nửa cải cách, nửa chèo. Thỉnh thoảng để cho cuộc vui thêm phần long trọng, người ta lại thấy có sự hiện diện của ông quan tây này, ông quan tây khác, đến đây để chứng kiến mà là cũng để đem một ít rơm rói cho lũ dân quê và tiêm cho họ một ít thú vui mà họ bảo là trác tuyệt. Uống thì toàn một thứ rượu có chất men, chất hồi, chất bồ kết, uống bốc mà nóng có thể đứt ruột. Toàn thể, không có gì nhã thú. Họ cũng ồ ạt đáo để, nhưng đâu có cái thú say sưa chân thật của thú vui đơn giản, thô sơ, vô tội.

Vấn đề thích thú vui chơi quan trọng lắm. Những người trịnh trọng phần nhiều không lưu ý và coi là phù phiếm; những người vụ lợi thì coi là những trò vẽ tốn tiền. Những người mang tiếng là những kẻ ăn chơi, len lỏi vào trong một khu vực trang nhã quá, tựa như những con lợn rừng vào trong hoa viên.

Người ta không bao giờ ngờ rằng người đời tha thiết với sự vui vẻ đến chừng nào. Đó là một ngọn lửa thần mà ta phải nhen nhóm và chiếu một ánh sáng rực rỡ vào cuộc đời chúng ta. Ai gìn giữ chăm nom ngọn lửa đó giúp ích cho nhân loại cũng y như kẻ bắc cầu, làm đường, đào hầm, cày ruộng. Sống cách nào mặc dầu, vất vả, đau khổ, mà vẫn bảo tồn được năng trí muốn vui thú, sung sướng và đem quảng bá cái năng trí đó ra khắp chung quanh mình, đó tức là làm một công tác tương thân tương trợ cao cả nhất. Còn có công cuộc gì thần tiên hơn cho nhân loại đau khổ này bằng cái việc đem cho người chung quanh mình một chút thú vui lành mạnh, làm cho giọt lệ đỡ chảy, làm cho những cái trán đỡ nhăn! Muốn làm tròn nhiệm vụ đó, cần phải có một tâm hồn giản dị triệt để.

Hiện nay, chúng ta chưa đủ giản dị để sung sướng và để làm cho các người khác sung sướng. Chúng ta thiếu lòng nhân ái và tinh thần vị tha. Cũng như gieo rắc sự an ủi, chúng ta gieo rắc sự vui tươi bằng những phương pháp tiêu cực. Muốn an ủi, ta làm thế nào? Ta chỉ chăm chú bàn luận về đau khổ, phủ nhận đau khổ và cố minh tỏ cho người đó biết rằng y không khổ sở đâu. Rút lại thì tựa như thế này: “Bạn ơi, anh đau khổ ư? Lạ nhỉ. Có lẽ bạn lầm, bởi vì chính tôi, tôi có thấy đau khổ gì đâu!”. Phương tiện nhân loại nhất để an ủi nỗi khổ đau là đem tâm hồn mình chia sẻ nỗi đau khổ với người; mà dùng những lời lẽ đó an ủi thì người được an ủi sẽ suy nghĩ ra sao?

Muốn giải khuây những người ở chung quanh, muốn tạo cho họ một giây phút tươi vui, chúng ta làm như thế: ta mời họ thưởng thức một chút vui tính của ta, cười vài điểm ngộ nghĩnh của ta, mời họ đến chơi

nhà, ăn cơm uống nước với ta và chỗ nào ta cũng muốn có mặt để hòa vui với mọi người.

Muốn làm vui mình, vui người, trước hết cần phải tránh cái “tôi” khả ố: mình phải quên hẳn mình đi, đừng lợi dụng ai, đừng bịp bợm ai. Ta nên ăn ở tốt, đáng yêu, khoan hòa, nhũn nhặn, chớ hề có phô trương thanh thế, chức tước và cần nhất là nên vui vẻ đỡ đần người khác. Không có ai vui chơi thú vị hơn những người biết hi sinh mình một cách giản dị để tạo cho những người chung quanh một chút hạnh phúc, một phút giây quên lãng. Há chúng ta lại không quên lấy được một tiếng đồng hồ những tham vọng, những ước muốn, những chia rẽ, những cấp bậc, để trở lại làm trẻ thơ và cười cái cười hồn nhiên khả dĩ đem lòng nhân đến cho bao nhiêu người và làm cho họ tốt đẹp hơn lên?

Người ta cứ tưởng rằng cái chổi chỉ dùng để quét nhà, cái thùng tưới để tưới, cái cối xay bột để xay bột. Cũng thế, người ta tưởng rằng một người khám hộ chỉ để săn sóc bệnh nhân, một ông giáo sư chỉ để dạy học, một ông cố để giảng đạo, một người gác để canh nhà, canh cổng. Kết luận, người ta cho rằng những nhân vật làm những công việc thật đúng đắn đều bị biến thân cho chức vụ như con bò cho công việc cày cấy. Làm những công việc đó, vui chơi làm sao được? Nhìn xa hơn nữa, người ta lại nghĩ rằng những người tàn tật, những người khốn khổ, những người bị tàn phá cơ nghiệp, những kẻ thất bại trong đời và tất cả những người có gánh nặng trên vai đều là ở phía bóng tối cả, chẳng nên soi xét tới làm gì. Rút lại, người ta kết luận chung rằng những người nghiêm nghị không cần phải vui chơi, đem thú vui lại cho họ tức là bất nhã. Còn đối với những kẻ nghèo khó, túng thiếu thì làm bận rộn họ, không cho họ tiếp tục những tư tưởng buồn rầu của họ, tức là không biết điều. Thành ra người ta cho rằng có nhiều người bất buộc lúc nào cũng

phải sống trang nghiêm, trịnh trọng, ta phải đến trước họ với một vẻ trịnh trọng và chỉ nói những câu trịnh trọng.

Cũng vậy, mỗi khi ta đến thăm những người ốm, những người nghèo khó, người ta cho rằng ta phải để nụ cười ở cửa mà sửa một bộ mặt rầu rĩ, làm ra cái vẻ sầu bi mà nói toàn những chuyện đau thương, thảm khốc. Thành ra đối với những kẻ sống đen tối u buồn thì người ta lại đem u buồn đen tối lại, đối với những người sống mờ mịt đau thương, người ta lại đem đau thương, mờ mịt lại. Rút lại, người ta làm cho những người cô độc cô độc thêm, những cuộc đời buồn nản buồn nản thêm. Người ta đem nhốt nhiều cuộc đời vào trong những nhà giam; vì rêu mọc chung quanh những căn nhà giam đó, người ta vừa lại gần vừa nói khẽ như lại gần những nấm mồ ma. Hàng ngày, trên cõi đời này, có bao nhiêu công cuộc tàn ác như thế xảy ra.

Thấy những người đàn ông hay đàn bà làm những công việc trang nghiêm hay bắt buộc phải tiếp xúc với những đau khổ của người ta và băng bó những vết thương cho họ, ta nên nhớ rằng những người đàn ông, đàn bà đó cũng như ta, cũng có những nhu cầu giống ta, và có những lúc mà họ phải lãng quên và tìm thú vui. Thỉnh thoảng, có làm cho họ cười một chút – họ, những người đã từng chứng kiến bao nhiêu đau thương, huyết lệ - thì họ cũng chẳng bỏ mất nhiệm vụ của họ nào! Trái lại, ta tiếp thêm sức mạnh cho họ để họ tiếp tục công việc đương làm dở.

Thấy những gia đình có chuyện buồn hay những người đau thương, sầu não, ta chớ nên xa lánh như xa lánh bệnh dịch: làm như thế khổ tâm họ quá. Trái lại, sau khi đã tỏ lòng thương yêu họ và kính trọng sự đau khổ của họ, ta nên an ủi họ, khuyến khích cho họ sống, hãy đem một chút hương thơm ở bên ngoài đến cho họ, một chút gì nhắc nhở cho họ biết rằng sự đau khổ không hề loại họ ra ngoài lề xã hội.

Hãy gieo rắc lòng yêu cho tất cả những ai mãi miết công việc làm ăn, không thể đi đâu được. Đời có biết bao nhiêu kẻ hi sinh, không từng

được nghỉ ngơi, không từng được hưởng thú vui, mà chỉ một chút tự do, một giây di dưỡng tính tình cũng đủ làm cho sung sướng. Nếu ta để ý thì nào có khó gì mà không mang lại cho họ được một chút an ủi đó! Hãy đề ra một lát thay cho người mẹ vất vả tội nghiệp kia, đỡ dành đùa cợt với đàn con thơ dại của bà ta; hãy chịu khó ngủ trưa một tí để trông nom người ốm thay cho những kẻ đã từng thức nhiều đêm chưa được ngủ. Hỡi cô con gái đi chơi mãi cũng chán, hãy vào trong bếp giúp đỡ người làm cho họ nghỉ tay chốc lát! Làm thế, chính ta sung sướng, mà người khác cũng được sung sướng vì ta. Chúng ta luôn luôn đi cạnh những người vất vả, hãy vất đỡ người ta, dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. Khoảng thời gian ngắn mà họ được nghỉ tay đó sẽ làm cho họ đỡ vất vả một phần nào, niềm vui đã tắt trong nhiều cõi lòng lại được nhen lên, loài người sẽ có thiện chí ở với nhau và có nhiều triển vọng.

Nếu ai cũng hết lòng đỡ đàn nhau, làm công việc này việc nọ hộ nhau, thì hiểu biết nhau và sẽ thú sống biết bao!

Bây giờ, nói đôi câu về tổ chức giải trí cho thanh niên! Nếu ta muốn cho thanh niên khá, không bao giờ nên quên rằng vấn đề giải trí rất cần, ta phải chọn lựa cho họ chớ đừng nên để cho họ muốn giải trí ra sao mặc họ.

Có người sẽ bảo rằng: thanh niên không thích có người chỉ định các thú vui chơi của họ; và chẳng, thanh niên bây giờ đã hỏng rồi, họ vui chơi nhiều quá, lựa là còn phải bày cách cho họ vui chơi thêm nữa. Người ta có thể tham gia ý kiến, phác họa những phương châm và bày ra những cơ hội để vui chơi mà tuyệt nhiên không chỉ định. Bảo rằng thanh niên bây giờ vui chơi nhiều quá là lầm. **Ngoài những thú vui giả tạo, hại người, làm mệt mỗi tâm trí và làm cho cuộc đời tàn héo, thanh niên bây giờ chẳng còn gì. Đối với những thanh niên biết tự trọng, thật không còn gì đau khổ, xót xa hơn là không biết giải trí cách nào.**

Những thú vui bệnh tật và bỉ ổi đầy dẫy ở quanh ta. Nhưng vui chơi vô hại, mà lại có ích nữa, thì không biết tìm đâu cho thấy. Chúng ta không thể kéo dài tình trạng ra mà không làm cho thể hệ thanh niên ta tối đen, vẩn đục. Ta phải giúp đỡ họ. Con cái chúng ta thừa hưởng một cuộc đời không vui gì. Chúng ta đã để lại cho chúng những nỗi buồn thương ray rứt, những vấn đề nan giải, một kiếp sống phiền toái đầy những cạm bẫy và trắc trở. Ta nên cố gắng đem lại cho chúng một ít ánh sáng tung bừng. Hãy tỏ chức thú vui, ngăn cản họ đừng làm bước và ta nên mở rộng tâm có thể ra và nhà cửa chúng ta ra. Chính nhà ta cần phải vui trước đã. Sự vui vẻ, ẩm cúng không phải là một món hàng chỉ để bán ra ngoài. Chúng ta nên hội họp con cái lại, đừng để chúng ra ngoài tìm vui thú. Bố mẹ và con cái phải vui vẻ hòa thuận, phải có khách khứa ra vào chơi bởi và đi chỗ này chỗ khác với nhau. Điều cần là phải có hòa khí với nhau, đừng giấu giếm, đừng giữ điều gì trong bụng. Trường học phải giúp công vào việc đó. Thầy và trò, dù lớn dù nhỏ, cũng nên gặp nhau luôn và vui chơi thân thiện với nhau. Đừng sợ như thế mà học trò lờn với thầy. Ông thầy đứng đắn mà vui tính thì học trò càng yêu hơn. Công việc học hành sẽ do đó mà tiến triển một cách có lợi. Không có cách gì yêu thầy và hiểu thầy hơn là đã từng cùng cười với thầy. Mà thầy cũng không có cách gì hiểu trò hơn là đã từng cùng cười với trò. Ông giáo không phải chỉ nên trông thấy học trò trên ghế học hay trong phòng thi cử, mà còn phải gặp gỡ trò ở các nơi công cộng, ở ngoài xã hội.

Có người sẽ hỏi:

- Thế thì lấy đâu ra tiền?

Quái lạ thay là câu hỏi. Đó chính là một điều làm lớn. Thú vui và tiền bạc? Thú vui, cũng như hết thảy vật quý ở trên đời, có thể mua bán được đâu? Muốn vui chơi, ta phải đem chính thân ta ra mà phụng sự. Không ai cấm ta bỏ tiền, nếu ta có thể bỏ tiền ra và nếu ta xét là có ích. Nhưng tôi có thể chắc chắn rằng công việc đó không quan trọng. Thú vui

và tính giản dị là hai người bạn cố tri. Giao du giản dị. Trước hết, ta phải vui vẻ hòa nhã, hết sức thẳng thắn đối với bạn bè và chớ nên nói xấu những người vắng mặt. Thắng lợi nhất định về ta.

CHƯƠNG VIII

TÍNH GIẢN DỊ VÀ ÓC CON BUÔN

Thực ra, ta không thể không đếm xỉa đến tiền.

Ai cũng kết tội đồng tiền, nhưng ai cũng cần đến nó. Tất cả những việc mà bọn lý thuyết gia, pháp luật gia làm được cho tới bây giờ là đổi tên và hình thức nó đi; nhưng chưa bao giờ họ có thể không dùng một dấu hiệu tiêu biểu giá trị thương mại cho các đồ vật. Muốn hủy bỏ tiền đi, tất nhiên cũng như muốn hủy bỏ văn tự, ngôn ngữ vậy. Thực thế, vấn đề tiền là một vấn đề cực khó khăn. Tiền là một trong những yếu tố trong cuộc đời phiến toái. Những khó khăn kinh tế, những đòi hỏi xã hội và tất cả cơ cấu của cuộc đời mới đã đặt tiền lên một địa vị tối ư quan trọng. Ta cũng chẳng lấy làm lạ người đời suy tôn nó lên hàng chúa tể có quyền vạn năng. Ta xét vấn đề về phương diện ấy.

Nói đến tiền là phải nói đến hàng hóa. Nếu không có hàng hóa, sẽ không có tiền. Nếu còn có hàng hóa, thì còn có tiền, tiền bất cứ bằng hình thức nào. Vì người ta lẫn lộn cái hay với cái dở, nên đời mới có những vụ lạm dụng, mà đồng tiền là then chốt. Người ta đã lẫn lộn, về danh từ và công dụng hàng hóa, những đồ vật không quan hệ gì với nhau. Người ta đã gán một giá trị tiền nong cho những đồ vật không nên có và không thể có một giá trị gì về tiền nong. Những ý tưởng buôn bán đã tràn lấn nhiều nơi mà người ta coi những ý tưởng đó như những kẻ thù, những quân chiếm đất. Lúa mạ, khoai tây, rượu chát, vải lụa là để mà mua, bán với nhau: việc đó đúng lắm. Mà một người đổ mồ hôi ra để kiếm tiền thì... phải có quyền sống ở đời và có quyền nhận một giá trị biểu dương những quyền đó, việc ấy cũng rất tự nhiên.

Sức lao công của một người không phải là một món hàng có thể coi như bao lúa hay một tạ than. Trong sức lao công của người ta, có những yếu tố mà ta không thể đánh giá bằng tiền bạc. Ngoài ra, lại có những thứ mà ta không thể mua bằng tiền: ví dụ như giấc ngủ, như sự hiểu biết tương lai, như tài ba, sắc đẹp. Phàm kẻ nào lại giạm bán những thứ đó đều bị coi như một tên bịp bợm hay thằng rồ. Vậy mà có kẻ làm tiền được với những thứ kia. Họ đem bán những thứ không thuộc sở hữu của họ và họ bịp bợm người ta bỏ tiền thực ra mua của giả. Cũng vậy, có những kẻ bán vui, những cô bán ái tình, những kẻ bán kỳ tích, những người bán ái quốc; và cái danh nghĩa “nhà buôn” (khi dùng để chỉ một người bán một thứ gì quả thực là một món hàng buôn), đáng quý là thế, bỗng hóa ra một sự thối nát xấu xa (khi món hàng buôn đó lại là những tâm sự, những vấn đề thuộc về tôn giáo và ái quốc).

Ai mà lại không đồng ý rằng mình lại đem tình cảm, danh dự, quần áo, ngòi bút và uy quyền của mình ra để bán là một điều nhục nhã và xấu hổ. Tiếc thay, người ta nghĩ một đường, nhưng hành động một nẻo. Óc buôn bán đã tràn lan ra trong khắp thế giới. Người ta buôn bán cả ở trong tôn miếu, lăng tẩm, đền đài, chùa chiền, nhà tu, giáo đường; người ta buôn bán cả những cái gì mà nhân loại cho là tôn nghiêm và bất khả xâm phạm nữa. Không phải là đồng tiền nó làm cho cuộc đời phiến toái, thối nát, một ruộng dâu, mà là cái óc con buôn của chúng ta.

Phàm có óc con buôn thì việc gì ở đời cũng rút lại trong một câu hỏi “Việc này, ta được bao nhiêu tiền?”. Óc con buôn tóm tắt hết thảy vào trong một khẩu hiệu: “Có tiền mua tiên cũng được”. Với hai nguyên tắc luận lý đó, một xã hội có thể tụt xuống một trình độ như nhóp không thể tưởng tượng được.

Việc này ta được bao nhiêu tiền? Nếu hỏi như thế mà chỉ là để đảm bảo cho sự sống của mình bằng công việc làm ăn, hay lắm. Nhưng một khi hỏi thế mà chỉ để làm tiền, chết vì tiền, thì quả thực là nguy hiểm.

Mà lại còn làm mất giá trị việc làm để kiếm ăn của mình đi nữa. Tôi làm việc để lấy tiền, tốt lắm, nhưng trong khi làm việc, tôi chỉ rong nghĩ đến lĩnh lương, có tiền, không có gì khả bĩ hơn. Một người chỉ nghĩ chuyện lĩnh lương, không thể làm công việc tốt đẹp được. Người thợ nề, người làm ruộng, người làm nhà buôn mà không yêu mến công việc của mình thì không thể chú tâm làm việc tốt và cũng không để danh dự của mình vào trong việc làm ăn được. Người thầy thuốc chỉ chú ý lấy tiền con bệnh là một người thầy thuốc tồi, ta không nên giao phó tính mệnh cho hắn. Nếu ông ốm lâu mà hắn có lợi thì hắn không ngại gì kéo dài bệnh của ông ra. Một ông giáo sư dạy học trò mà chỉ vụ vào tiền học là một ông giáo đáng buồn, vì chỉ chú tâm vào tiền học đã xấu, mà công việc giáo dục do đó lại càng xấu hơn. Một ký giả có óc con buôn đáng giá bao đồng? Cái lúc mà ông chỉ viết vì đồng tiền, văn ông không xứng đáng với đồng tiền. Công việc làm ăn của người ta càng động chạm đến những sự vật có tính cách cao thượng, mà lại có óc con buôn xen vào, thì công việc càng vô ích và càng thối nát. Làm thì phải có công; người nào cố gắng bồi đắp sự sống phải có quyền sinh tồn dưới ánh mặt trời – phàm ai không làm việc hữu ích, không kiếm ăn sinh sống, tóm lại chỉ là con ký sinh trùng. Điều đó đúng lắm. Nhưng không làm lẫn gì hơn là hoạt động, tranh đấu chỉ để kiếm tiền. Dù là làm việc bằng tay chân, bằng trí não hay bằng con tim, điều đáng quý nhất trong công cuộc của ta chính là cái việc không thể trả bằng tiền được. Điều đó minh tỏ rằng người không phải là cái máy: hai người cùng làm một việc, sức mạnh ngang nhau, làm y như nhau mà kết quả khác nhau. Sao lại có chuyện lạ thế? Ấy là vì, giữa hai người làm việc đó, có sự khác nhau về tâm hồn. Một người có óc con buôn, một người tinh thần giản dị. Cả hai cùng lĩnh lương, nhưng một người sản xuất tồi, còn một người thì để hết tâm hồn vào trong công việc làm. Việc làm của người thứ nhất không giống như hạt cát muôn nghìn năm không hóa ra được cái gì khác, việc làm của người kia như một hạt thóc tung ra mặt đất, nảy mầm và sinh ra lúa nuôi người.

Nhất định chúng ta bắt buộc phải chiều theo định luật kinh tế, và công nhận những nỗi khó khăn của đời: Mỗi ngày, người ta cần phải cân nhắc, tính toán công việc làm ăn để có thể nuôi nấng vợ con cho có ăn, có mặc, có nhà, có cửa.

Người nào không dỗi ý đến những nhu cầu khẩn thiết đó, không tính toán, không lo xa thì là một người ngu ngốc hay một người vụng dại, chẳng chóng thì chầy phải ngửa tay xin những người mà họ chê là “tẹp nhẹp”. Vậy mà nếu chúng ta chỉ bận tâm nguyên về một khoản đó thì ta sẽ ra sao? Chúng ta sẽ ra sao nếu chúng ta chỉ nghĩ làm việc này có bao nhiêu tiền, làm việc nó có lợi hay hại, nếu chúng ta chỉ nghĩ rằng việc này không nên làm vì không có lợi, việc khác không nên làm vì không trông thấy tiền?

Các bà mẹ chúng ta yêu thương ta, dạy dỗ ta có lấy đồng tiền nào không? Và lòng hiếu đễ của những kẻ làm con sẽ ra cái trò gì nếu chúng ta lại mong rằng yêu cha mẹ, cấp dưỡng ông bà thì phải có lương?

Nói thật, có lợi gì không? Nói thật mất lòng, nói thật gây thù oán, có khi lại bị người ta đánh cho là khác. Yêu nước và bảo vệ nước mình có gì? Bảo vệ đất nước chỉ tổ nằm gai nếm mật, một nắng hai sương, da ngựa bọc thây, ốm đau tàn phế. Làm điều nhân có lợi gì? Chỉ thêm phiền não rồi thì buồn rầu, lại gặp phải quân bạc ác bắt nhân nói xấu. Trong mọi nhiệm vụ thiết yếu của loài người, bao giờ cũng phải có sự tận tâm. Tôi đồ những nhà toán học cừ khôi nhất cứ bám lấy được cuộc đời mà không cần cái gì khác ngoài những con số. Người ta cho rằng những anh “xoay tiền” giỏi là khôn. Nhưng cứ nhận xét cẩn thận mà xem: trong công việc xoay tiền giỏi đó, có tiền mà họ xoay được của người giản dị tận tâm không? Vì họ ra đời, chỉ toàn gặp những người quỷ quyệt như họ, “không tiền chẳng có ân tình gì”, liệu họ có thành công không? Sự thật là thế này: đời này sở dĩ tồn tại là vì có những người không tính toán

riết nghiệt quá, không chết sống vì tiền quá. Những công việc tốt đẹp nhất, những công tác khó khăn, nguy hiểm nhất, hầu hết đều không được trả bằng tiền, hoặc có trả thì cũng không hậu hỷ. Đáng mừng là trong đời lúc nào cũng có những người sẵn sàng lãnh nhiệm vụ mà không chú ý đến tiền, những người nhận những công tác hiểm nghèo có khi mất tiền của, mất ăn ngủ, mất mạng là khác, mà chẳng cầu xin gì hết.

Chúng ta ai lại không từng nghe thấy kể những chuyện kinh nghiệm đau thương, mà người thuật lại ngậm ngùi hối hận rằng mình đã quá thương người, ở tốt mà không gặp tốt, gian lao vất vả mà chỉ gặp toàn những điều đau đớn tâm can. Thường, người kể lẽ nỗi lòng lại cho ta nghe vẫn thường kết luận: “Mình ngu quá! Làm việc ấy việc nọ, ta quả là dốt tẹt”. Thỉnh thoảng, phàn nàn như thế cũng đáng vì quả là *“tiếc quả hồng ngâm đem cho chuột vọc, tiếc người ngọc đem cho ngâu vầy”*; nhưng ở đời, trái lại, cũng còn bao nhiêu trường hợp khác mà những hành động thật đẹp lại là những hành động mà sau này người ta hối tiếc vì lòng bạc bẽo của người đời!

Ta nên chúc cho nhân loại sẽ cứ làm những hành động điên dại ấy mỗi ngày nhiều hơn.

Bây giờ, xin nói đến bài kinh bốn của óc con buôn.

Đối với những người có óc con buôn, định luật và phương châm rút lại trong khẩu hiệu này: “Có tiền mua tiên cũng được”. Cứ nhìn tổ chức xã hội một cách nông cạn thì không còn gì đúng hơn khẩu hiệu đó.

“Tiền là gân cốt chiến tranh”, “tiền làm bá chủ”, “còn tiền thì còn tình còn nghĩa”. Phương ngôn tục ngữ ta có bao nhiêu câu nói về tiền. Cứ thu thập tất cả những câu ca, bài hát ca tụng quyền vạ năng của đồng tiền, người ta có thể làm thành những pho sách dày. Phải hết tiền tiêu ít ra một hai ngày rồi cổ giầy giữa mà sống trong cái xã hội ta đang

sống hiện nay thì mới có thể quan niệm được rằng sống không tiền thì khổ đến chừng nào. Tôi muốn mời những ông thích lạ, thích mạo hiểm thử sống không tiền trong một tuần lễ thôi, mà xa hẳn bạn bè quyền thuộc, xa hẳn cái xã hội mà họ là những nhân vật, những người được chú ý phần nào. Họ sẽ lượm được nhiều kinh nghiệm hơn là một người yên thân sống một năm. Cũng có người mặc nhiên sống những kinh nghiệm đó; thế rồi đến khi bị khánh kiệt thì tuy là vẫn sống với bạn cũ, người thân, tuy là vẫn gặp những đồng nghiệp trước, và cả những người mà họ đã ghi ơn, người ta cũng làm như không từng biết họ bao giờ. Những người đó bình phẩm “linh hồn” của con buôn mới chua chát làm sao: có tiền, muốn gì cũng được, không tiền thì khó mà có cái gì. Không tiền, ông sẽ là một thằng cùi, một lưu manh, ai trông thấy cũng ngoảnh đi. Ruồi nhặng đi tìm xác chết, người ta đi tìm tiền. Chỗ nào không có tiền thì chẳng thấy ma nào cả. Bản kinh của phường con buôn đã làm chảy nước mắt của bao nhiêu người! Nước mắt cay chua, nước mắt đau xót... những dòng huyết lệ! Mà ai khóc? Lại chính những người trước đây đã thờ phụng đồng tiền!

Thực ra, không có gì sai lầm hơn là bản kinh(?) kia. Tôi sẽ không công kích đồng tiền một cách cổ lỗ như các sách truyện trước đây, mà cũng không tìm cách chứng tỏ rằng tiền bạc không gây được hạnh phúc cho người đời. Có bao nhiêu người trong loại có tiền, và nhất là trong loại không có tiền, đã phải cười nôn ruột cái chân lý cũ rích đó! Tôi chỉ muốn ghi lại một ít hoài niệm, một ít kinh nghiệm của người ta để chứng tỏ rằng bản kinh nhật tụng của phường con buôn hoàn toàn sai.

Anh là người giàu có, anh cho thật nhiều tiền vào túi, rồi chúng ta cùng đi tới một vùng nghỉ mát hẻo lánh nọ đi. Một vùng trước đây không được ai lưu ý, dân chúng sống giản dị vui vẻ, hồn nhiên, lễ độ, mà ta sống chung với họ thì thú lắm, mà không tốn. Tự nhiên, có những người tò mò phát minh ra những nơi đó, làm cho nổi tiếng và bày đặt ra những cách để cho những nơi này hái ra tiền vì địa thế, khí hậu, vì dân cư. Vậy,

vì thấy nổi tiếng, anh đi về một vùng nghỉ mát đó và anh tự bảo rằng với đồng tiền anh có thể tìm được một nơi dưỡng tính tình, nghỉ ngơi sức khỏe xa hẳn cuộc đời giả tạo và văn minh, để dệt một chút mộng thơ cho chuỗi ngày vẫn đục.

Cảm tưởng thứ nhất lúc mới đến tốt đẹp lắm: anh thấy say sưa với khung cảnh thiên nhiên và có cảm tình đặc biệt với những thuần phong mỹ tục trong vùng vẫn chưa bị nền văn minh cơ khí làm thương tổn. Nhưng ngày nọ nổi ngày kia, anh sống chẳng bao lâu thì thấy cảm tình sút kém, sự thật dần dần hiện ra. Những thứ cổ kính chỉ là giả tạo để đánh lừa người. Cái gì cũng có dán nhãn hiệu, cái gì cũng bán, bán từ dân chúng đến đất cát. Những người dân chất phác thuần lương đó thành ra bọn con buôn ma mị. Vì anh có tiền, họ tìm cách làm tiền một cách dễ dàng. Khắp nơi đều là cạm bẫy chằng ra như tơ nhện, và con ruồi mà những người đó đợi chờ lại là anh. Đó, trong hai ba chục năm trời sống dưới chế độ con buôn, dân chúng vùng này, trước kia giản dị và lương thiện là thế, bây giờ đã hóa ra thế đấy. Họ bây giờ có đủ mảnh khoe để buôn bán gian lận, họ làm giả mọi thứ, họ đủ các tính xấu của người thành thị, mà lại không có mấy may đức tốt của người thành thị.

Bỏ đi, anh kiểm điểm lại tiền nong. Anh thấy tốn quá và anh phàn nàn. Phàn nàn là lắm. Được biết rằng ở đời có những thứ không thể mua được bằng tiền, ta không bao giờ nên phàn nàn là trả đắt kinh nghiệm quá.

Ở nhà anh, cần một người làm thông minh, khôn khéo, anh cứ thử tìm một người hiếm có như thế mà xem. Theo nguyên tắc “có tiền mua tiên cũng được” anh sẽ phải tìm những người làm rất tồi, tồi bình thường, giỏi hay rất giỏi, tùy theo anh trả lương rất kém, kém, bình thường, hậu hay rất hậu. Song le, tất cả những người đến xin việc đều tự liệt mình vào hạng làm công cuối cùng, nghĩa là rất giỏi, và để chứng tỏ lời họ, họ không ngại đi xin những giấy chứng nhận lời họ đúng. Đã đành mười lần thì có đến chín lần, sau khi thử thách, những người tài

giỏi, khôn khéo đó lộ chân tướng ra chẳng biết làm gì. Thế thì họ xin việc anh làm gì? Chỉ là để có tiền và chỉ để có mà thôi. Anh sẽ luôn luôn gặp những người thích lĩnh lương cao bổng hậu. Những người có khả năng hiếm lắm. Mà muốn kén chọn một người lương thiện, lại càng khó quá. Không dễ gì hơn là kiếm những người có óc con buôn; tìm những người tận tâm, khác hẳn. Nói thế, tôi không có ý bảo rằng ở đời này không có những thủ túc tận tâm, những người làm vừa lanh lợi vừa lương thiện. Lắm khi, số người được trả lương ít lại lanh lợi và tận tâm bằng, và có khi hơn cả những người được trả lương nhiều. Những người lương ít đó tận tâm không phải vì lợi, nhưng chính là vì họ có một căn bản giản dị làm cho họ dám hi sinh.

Lại nữa, đi đâu người ta cũng bảo rằng tiền là huyết mạch, gân cốt của chiến tranh. Đã đành là chiến tranh thì bao giờ cũng phải tiêu nhiều tiền. Nhưng nói thế có đủ không? Có phải một nước muốn chống ngoại xâm, hầu giữ vững danh dự cho lá quốc kỳ, cứ nhiều tiền là được? Nhiều trận chiến tranh trong lịch sử và hiện tại, mà chính mắt ta được thấy, chứng tỏ rằng có những nước nghèo tiền mà thắng được nước giàu.

Có tiền, có vàng, người ta mua được súng đạn, tàu chiến, xe tăng, ngựa nghê, nhưng mua làm sao được chiến thuật thần tốc, mua sao được chính trị cao siêu, mua sao được trật tự và lòng hi sinh hăng hái? Cứ đem hàng triệu bạc vứt vào việc mộ quân mà xem: một ngày, người ta có thể tuyển hàng trăm sĩ quan và hàng vạn quân sĩ, nhưng đưa ra trận địa, tiền tan ra khói hết vì sĩ quan và quân sĩ chưa đánh đã hàng rồi.

Người ta cứ tưởng rằng có tiền thì có thể an ủi người nghèo và thi thố được lòng nhân. Than ôi, đến việc đó cũng lại là huyền mộng. Đồng tiền, dù tiêu nhiều hay dè xén tiêu từng tí một, cũng chỉ là một cái hạt nảy nở những điều quá độ. Nếu có tiền mà ta lại không thông minh, không nhân đức, không dày kinh nghiệm thì ta chỉ làm điều dở mà thôi.

Mà có khi ta còn làm hư hỏng cả những người mà ta đã thi ân và cả những người mà ta làm công khó cho giao việc thi ân đó.

Đồng tiền không có quyền vạn năng. Phải, nó là một sức mạnh, nhưng không phải là một sức mạnh chế ngự được cuộc sống của con người. **Óc con buôn càng phát triển thì đời càng phiền toái, người càng đảo điên, xã hội càng tòi bại.** Chỗ nào mà có nhiều người có óc con buôn thì chỉ tổ lừa đảo nhau. Chẳng còn ai có thể tin gì và tin ai, chẳng có ai làm được cái gì tốt đẹp. Chúng ta không phải là hạng người mại lỵ đồng tiền, nhưng chúng ta phải áp dụng một luật chung: Cái gì vào chỗ của cái ấy, cái gì có hàng ngũ của cái ấy.

Khi mà đồng tiền, đáng lý phải là kẻ hầu đầy tớ của ta lại trở thành một sức mạnh ác liệt, vô luân của cuộc đời tinh thần, của nhân phẩm, của tự do; khi người này mãi miết kiếm tiền bất kể với giá nào, dù là bịp bợm, lừa lọc cũng không cần; khi người nọ có tiền lại tưởng rằng mình có thể mua được của kẻ kia những thứ không mua được, không bán được, chúng ta phải trỗi dậy để chống lại cái ý tưởng đê hèn, tội lỗi đó, và kêu to lên để rửa xả sự dối trá như bản đó: thà mầy chết với đồng tiền của mầy đi!

Phàm những thứ cao quý nhất của con người, con người thường không bao giờ phải mua bằng tiền; vậy thì con người cũng nên đem biếu cái gì cao quý nhất của mình, đừng nên lấy tiền.

CHƯƠNG IX

ÓC HIẾU DANH, THÍCH QUẢNG CÁO ẦM Ỡ

Một trong những tính tình ngậy ngô nhất bây giờ là tính thích phô trương tranh thế, thích khoe khoang, quảng cáo. Làm cho mình nổi lên, bật lên, cho nhiều người biết, làm cho mình ra ánh sáng, không chịu chìm trong bóng tối: nhiều người hiện nay bị cái dục tính đó giày vò, cho nên có bảo rằng họ bị óc thích quảng cáo làm mê hoặc, thiết tưởng cũng không phải là quá đáng. Đối với những người này, sống tối tăm, không ai biết đến, là một cái nhục gớm ghê; vì thế, họ làm hết cách để cho thiên hạ chú ý. Thiên hạ mà không biết đến họ thì họ cho như là sống uổng phí một đời, tựa như những người bị đắm tàu một đêm gió bão mù khơi được ngọn sóng đánh dạt vào một chân núi nào đó, phải kêu gọi ầm ỹ, phải đốt lửa ra hiệu, phải dùng đủ mọi cách báo tin cho người ta biết rằng có họ đương ở đó mà đến cứu. Không những họ làm đủ những trò vô tội đó mà thôi; có lắm người muốn cho thiên hạ biết mình, không ngại làm những trò đê tiện và can tội ác nữa. Hiện nay, có bao nhiêu người sở dĩ có danh có tiếng là vì đã mưu hại, hay đã tàn phá một cái gì nổi bật, là vì đã tiêu hủy đã cố sức tiêu hủy một danh tiếng lẫy lừng hoặc đã chen lấy được một địa vị vì đã gây gổ, vì đã làm điều tàn ác, làm điều thậm bất nhân bạc ác?

Kẻ thích nổi tiếng, như mắc bệnh điên cuồng. Không phải chỉ những người ngu dại, dở hơi dở hóm, không phải chỉ những ông trọc phú khả nghi, không phải chỉ những quân bịp bợm, ngu si mới thế; mà trong tất cả mọi ngành của cuộc đời tinh thần và vật chất, người ta thấy đều gặp những hạng người đó cả. Chánh trị, văn học, cả khoa học nữa, và hơn thế - mà điều này mới thật chướng lạ lòng - cả việc thiện và tôn giáo cũng bị nhóp nhúa vì quảng cáo. Có việc thiện gì thì họ làm rầm rộ, ầm

ỹ, mà muốn cải thiện người đời thì người ta đem dùng những cách thức rùm beng, la to hét lớn. Sự ồn ào nguyên đã làm khổ người ta, bây giờ được thể lại càng nguy hại quá, chẳng còn từ một chỗ nào; nó len lỏi cả vào những địa điểm xưa nay vẫn êm đềm, khuấy rối những người xưa nay vẫn trầm tĩnh và làm thối tha cả những hành động nhân từ, bác ái.

Lúc nào cũng chỉ chăm chú phô trương tất cả ra, phơi bày tất cả ra; không còn biết phân biệt giá trị cái gì kín đáo; thấy cái gì âm ỹ rầm rộ thì cho là hay, còn cái gì âm thầm, trầm lặng thì cho là dở hết; tất cả những sự quá độ đó đã làm phương hại đến sự xét đoán quan hệ nhất, và người ta thỉnh thoảng vẫn tự hỏi có phải rồi xã hội sẽ hóa ra một cái phiên chợ khổng lồ, ai cũng đánh trống khua chiêng âm ỹ trước gian hàng mình.

Người ta vui thích được lánh xa bụi bặm phồn hoa, lánh xa sự om sòm khó chịu của phường hát xiếc, quý thuật để hít thở tự do không khí trên một trái đồi nào xa xôi; và người ta lấy làm lạ sao suối lại trong như thế, rừng cây âm u đến thế, sự thanh bình khéo dụ lòng người như thế. Đáng mừng là ở trên đồi này vẫn còn những địa điểm chưa bị người ta xúc phạm! Dù là tiếng om sòm to tới mức nào, dù là trong đám hỗn mang có những tiếng hề xen tiếng cà lơ âm ỹ tới mức nào chẳng nữa, những tiếng đó cũng chỉ ở trong một phạm vi nào mà thôi rồi phải ngừng lại, rồi phải tắt. Phạm vi của êm lặng còn bát ngát, mênh mông hơn phạm vi của tiếng động: đó chính là điều an ủi chúng ta.

Bây giờ ta hãy rón bước trèo lên bậc cửa của cuộc đời vô tận, trong đó, ngự trị cái hay chân thật không ai biết tới, sự cần lao êm lặng chẳng ai hay.

Tức thì ta cảm giác ngay thấy một cái thú lạ lùng, tựa như cái thú của kẻ trông thấy tuyết trắng tinh chưa có vết chân người, trông thấy hoa

rừng đua nở, trông thấy những đường mòn vun vút đi vào những khoảng trời đất bao la.

Đời như thế đấy: lực lượng của sự cần lao, những nguyên lực hoạt động nhất, bất cứ ở đâu, cũng kín đáo, không lộ liễu. Tạo vật khéo lắm, vẫn giấu giếm cuộc xoay vần. Cần phải cần cù xem xét, theo dõi, chú ý từng ly từng tí mới biết được bí mật của mây huyền vi. Cũng vậy, trong xã hội loài người, những lực lượng làm việc cho điều thiện vẫn là kín đáo; cũng vậy, đối với mọi người chúng ta, cái gì quý báu nhất vẫn được ấp ủ trong thẳm cùng của đáy lòng. Những tình cảm càng dưỡng mãi bao nhiêu, càng thấm nhập vào ta bao nhiêu, thì lại càng trầm lặng, tiềm tàng, tuồng như những tình cảm đó cho rằng nếu nổi cả lên, nếu cố hiện ra ngoài thì như bắn đi mất, xấu xa đi mất.

Thật không còn gì vui sướng sâu xa và kín đáo hơn là ở trong thẳm cùng lòng ta có cả một thế giới nội tâm chỉ có Thượng Đế biết; mà chính từ cái thế giới nội tâm đó đã phát xuất ra sự xung động, sự hăng hái, lòng có thể đảm mỗi ngày mỗi mới mẻ hơn và những lý lẽ vững mạnh để hoạt động ở bên ngoài. Cuộc sống nội tâm đó mà kém phần hoạt động, nghĩa là nếu người ta không bồi dưỡng nó, chỉ chăm lo cuộc sống bên ngoài, thì nó sẽ suy vi và mất giá đi. Sự thật này hơi buồn, nhưng chính là sự thật; cái mẽ ngoài của ta được ca ngợi bao nhiêu thì bên trong ta bị sút kém bấy nhiêu. Rút lại, ta phải nhận rằng: phàm cái gì cao quý nhất ở trong đời, chính là cái mà không ai biết tới vì chỉ người nào có cái đó mới biết thôi, mà nếu họ lại nói ra thì mặc nhiên đã làm mất cả hương thơm của nó.

Những bậc túc nho, phiêu dật ngày xưa vào rừng trúc làm thơ, trèo lên bàn thạch trên núi đánh cờ: họ yêu cảnh vật thiên nhiên, nhưng yêu nhất là những cảnh vắng vẻ, ít người qua lại làm văn đục không khí thanh bình, trong sạch. Họ lưu lại ở những nơi đó, hàng ngày hàng tháng, quên hẳn cuộc đời, quên cả thời gian để rong chơi với cỏ cây, để chèo

một con thuyền, để xem một con chim mớm cho con hay một con nai nhảy nhót nô đùa trên bãi cỏ. Sống như thế, tức là sống sung sướng, sống không câu thúc, sống không màu mè, không phô trương – sống một cách giản dị, thấy tốt thì theo chứ không thắc mắc, băn khoăn gì khác.

Ở miền An-Dát-Sơ (?) Nước Pháp, trên một con đường dài bất tận đi sâu vào miền rừng Vốt-Dơ, có một người thợ đập đá cặm cùi làm ăn đã ba chục năm nay. Lần thứ nhất – lời tác giả - tôi trông thấy ông ta, tôi còn là một anh học trò nhỏ tuổi lên tỉnh học và lòng tôi hơi buồn. Trông thấy người thợ, tôi thấy lòng dịu sâu đi chút ít, vì ông ta vừa đập đá vừa ca hát. Chúng tôi trò chuyện với nhau một lát. Cuối cùng, ông ta bảo: “Cố đi, em ạ. Anh chúc em can đảm và may mắn!”. Từ đó, tôi đi qua đi lại trên con đường đó không biết bao nhiêu lần, trong bao nhiêu trường hợp khác nhau, khi buồn, khi vui. Người học trò bé nhỏ ngày xưa đã xoay sang nghề khác, người thợ đập đá vẫn giữ nguyên nghề mình: ông ta không còn khỏe mạnh như xưa nữa nên ăn mặc có ý cẩn thận hơn xưa; ông ta mặc một áo ấm, đầu đội mũ da kéo sụp xuống cho đầu khỏi lạnh. Tuổi đã già rồi, nhưng tiếng vang của rừng núi vẫn đưa lại tiếng búa đập xuống đá của ông ta. Chao ôi, ông già! Bao nhiêu mưa nắng đã đổ lên lưng gầy của ông ta, bao nhiêu mùi đời cay đắng, trớ trêu đã làm cho thân ông, gia đình ông, xứ sở ông đau khổ! Tuy vậy, ông ta vẫn tiếp tục đập đá, và mặc dầu tôi đi hay về, tôi vẫn thấy ông ta ngồi ở lẽ đường, mỉm cười, tuy má đã nhăn, da đã mồi, và niềm nở nói những lời bình dị và chân thật. Tôi không thể tả được cảm giác của tôi khi trông thấy ông già bình dị đó. Và rất có thể là ông cũng biết như vậy. Thực, tôi không thấy một cảnh tượng nào an ủi lòng hơn, mà cũng nghiêm nghị đối với lòng tự ái của ta hơn là cuộc đối diện đàm tâm với một người công nhân mờ tối làm việc của mình như một cây đa lớn lên, một bông lúa mầm lên, không cần ai lưu ý.

Tôi cũng đã từng biết nhiều giáo sư có tuổi, suốt đời, làm một công việc không thay đổi là đem tiêm những sự hiểu biết và ít nhiều nguyên tắc xử thế vào trong đầu óc học trò – mà những đầu óc đó thường rắn hơn đá sỏi. Họ để hết tâm hồn mà làm việc, trong suốt cả một kiếp cần cù, không lưu ý đến việc người ta có biết công cho mình hay không. Đến khi họ chết, duy lại cũng chỉ có mấy người khiêm nhượng, nhỏ bé như họ hiểu biết cho họ mà thôi.

Những người đó đáng được kính trọng là vì lòng yêu thương của họ. Họ là những anh hùng vô danh.

Nếu ta chịu khó suy xét, tìm kiếm trong cái hạng người mà ta hay chế giễu một cách kịch cớm, độc ác và bạc bẽo, ta sẽ nhận thấy nhiều đức tốt kín đáo đáng thương.

Tôi muốn nói tới các cô gái muộn chồng. Đã đành rằng trong hạng người không may này cũng có người ăn mặc lòe loẹt, điệu bộ lộ bịch; đã đành cũng có nhiều cô hiếm muộn sống một đời ích kỷ chỉ biết sung sướng lấy thân mình và chỉ tìm cách làm thỏa mãn một vài tính tình “đồng bóng”.

Song le, đó chỉ là một số ít. Nếu chúng ta không chịu nhìn rộng ra, không chịu xét sâu một chút, chúng ta đã bỏ lỡ mất bao nhiêu bằng chứng hi sinh tiềm tàng trong cuộc đời tăm tối của những cô gái muộn chồng! Không gia đình, không tình yêu, không tương lai, không tham vọng gì cho thân mình; nhẫn nại chịu đựng mọi nỗi khổ đau, trợ trợ cả về ngoại vật lẫn nội tâm, quên hẳn thân mình để mà nghĩ rông về quyền lợi của cha già, mẹ yếu, em thơ, cháu dại, người nghèo, trẻ khó, phế nhân, bao nhiêu điều đó há là tầm thường ru? Há là nhỏ bé ru? Cứ nhìn bề ngoài thì những kiếp sống mờ tối đó không có gì là hi sinh, có khi làm cho ta thương hại hơn là thèm muốn. Nhưng ai kính cẩn lại gần họ, có khi, lại

nhận thấy những u uẩn đau thương, những thử thách ghê gớm đã qua, những gánh nặng làm trĩu những đôi vai mềm yếu quá; nhưng đó chỉ là phía ở trong bóng tối mà thôi. Chúng ta cần phải biết tôn trọng tấm lòng yêu thương quảng đại đó, tấm lòng nhân từ cao khiết đó, tấm lòng dũng mãnh biết an ủi, biết hy vọng đó, tấm lòng cương quyết tha thứ và hiền hòa với cả những người không đáng hưởng sự hiền hòa, tha thứ đó.

Tội nghiệp những cô gái muộn màng! Các cô đã cứu được biết bao nhiêu người đắm đuối, xoa dịu vết thương cho bao nhiêu kẻ tàn tật, cứu mang bao nhiêu kẻ lạc đường, may mắn cho bao nhiêu người cùng khổ, nuôi dưỡng được bao nhiêu trẻ mồ côi! Bao nhiêu kẻ không có các cô thì trợ trợ chiếc thân mà chính các cô thì nhìn đi ngó lại vẫn là chiếc thân trợ trợ.

Duy chỉ có mỗi lòng thương là đoái đến các cô thôi. Lòng thương đã trao phó các cô một trong những sứ mệnh thiêng liêng nhất, và chính vì lẽ đó nên mỗi khi các cô đi qua đường, người ta tưởng tượng như thấy có đôi cánh của thiên thần vượt ve.

Điều hay lẽ phải ẩn náu dưới trăm ngàn hình thức khác nhau, cho nên muốn khám phá ra được nó cũng khó như khám phá những điều xấu dở trốn tránh thật kỹ càng. Một viên thầy thuốc người Nga đã ở mười năm trời ở Siberia – ông ta bị cầm cố tù tội vì nguyên nhân chính trị - thường ưa thuật lại những cử chỉ có thể đảm, quảng đại, nhân loại mà ông đã nhận xét thấy ở các phạm nhân và cả các viên cai ngục.

Nhân việc này, người ta muốn hỏi ngay rằng: Thế thì điều hay lẽ phải ở chỗ nào? Trên thực tế, cuộc đời dành cho người ta nhiều sự ngạc nhiên lạ lùng và những mâu thuẫn làm cho ta bối rối. Có những người lương thiện, được công nhận là lương thiện, được chính phủ hay giáo đường bảo đảm hẳn hoi, không chê được điểm nào, vậy mà lòng họ lại

khô khan, sắt đá quá; trái lại, có những người sa ngã lại súc tích một lòng thương yêu chân thật và rất mực tận tâm.

Nói về cái hay, cái đẹp tiềm tàng, không được thiên hạ biết, tôi muốn nói một đôi câu đến cái hạng người bị đối xử một cách bất công – hạng nhà giàu. Nhiều người không tiếc lời rửa xả tư bản thối nát. Đối với những người này, phàm ai có một gia sản lớn đều là những quái vật hút máu mủ của đồng bào nghèo. Có những người khác, hăng hái kém một chút, là nhất định cho là đã giàu thì keo bản, đã giàu thì bất nhân, bạc ác, không thể thương người được.

Chúng ta phải công bình mà xét xử. Đã đành là có những người giàu chẳng đoái hoài đến ai, và lại cũng có những người giàu làm việc thiện để lấy tiếng. Song le, cách ăn ở vô đạo hay giả dối của họ làm giảm giá việc thiện mà có người từng làm một cách kín đáo không?

Tôi quen một người bị đau khổ vô cùng về tâm tình. Ông ta mất một người vợ yêu, một tay chôn tất cả con cái. Nhưng ông ta lại có một gia sản kếp xù do chính mình làm ra. Sống một cách giản dị, chính mình rất ít nhu cầu, ông ta chỉ chú tâm làm việc thiện. Đến với những kẻ nghèo khó, bản thủ; tìm cách để an ủi những nỗi thống khổ; đem một chút ánh sáng lại cho những cuộc đời tăm tối; đỡ đàn bạn hữu làm cho họ ngạc nhiên; không ai có thể tưởng tượng được những nghĩa cử của ông ta. Ông có cái thích giúp đỡ người khác và thấy họ ngạc nhiên không hiểu tiền từ đâu ra thì sướng lắm. Ông cố uốn nắn lại những bất công của số phận, hết lòng đem lại một chút hạnh phúc cho những gia đình không may. Luôn luôn, ông tính toán, nghĩ mưu xếp đặt chiến lược để đỡ đàn người khác, với một nỗi lo âu của trẻ nhỏ sợ bị người ta bắt chột được tại trận tiền. Duy mãi tận sau lúc ông ta mất, thiên hạ mới biết được phần nào lòng nhân từ bác ái của ông ta.

Đó thật là một người biết chia sẻ với đồng bào! Mà là một người chia sẻ chân chính vậy. Bởi vì có 2 hạng người chia sẻ. Một hạng mong được chia sẻ một phần của cái của người khác: hạng này đông và tầm thường. Muốn làm hạng này, cần phải có nhiều dục vọng. Một hạng nữa lại thiết tha muốn chia sẻ chính của cái của mình với những người không có: hạng này hiếm và quý, bởi vì muốn được liệt vào hạng này, cần phải có thể đảm và có lòng, cần phải quên mình và thiết tha tới hạnh phúc cũng như đau khổ của đồng bào.

May thay, những người biết chia sẻ sau này vẫn chưa đến nỗi tuyệt diệt, và, thành thật tôi thấy sung sướng lạ lùng được ca tụng họ, dù là họ không muốn ai ca tụng.

Hàng ngày, trông thấy bao nhiêu việc nhơ nhớp, bao nhiêu vu cáo ti tiện, bao nhiêu nỗi chán đời, bao nhiêu trò bịp bợm, xảo trá đã đành là đáng giận; nhưng, dầu sao, ta cũng thấy an ủi được phần nào khi trông thấy một cái gì tốt đẹp hơn, khi được ngửi hương thơm của những miền xa xôi có sự tốt đẹp giản dị nở lên như những bông hoa.

Có một bà ngoại quốc, ý hẳn chưa quen sống ở Paris, có dịp cho tôi biết rằng thoát trông thấy cảnh tượng thủ đô, bà kinh tởm không để đâu cho hết: nào là những quảng cáo xấu xa, nào là những báo chí gớm ghiếc, nào là phụ nữ nhuộm tóc, nào là dân chúng xô đẩy, chen chúc vào những trường đua ngựa, tửu quán, ca lâu, sòng bạc, những nhà thổ, những nhà khiêu vũ với tất cả nguồn sống hời hợt và hoa lệ.

Chao ôi, những điều trông thấy quả làm cho ta đau lòng thật đấy, thưa bà, nhưng còn bao nhiêu điều nữa mà bà chưa biết tới – Thôi, âu cũng là một cái phúc cho tôi – Không, tôi muốn cho bà được trông thấy tất cả, bởi vì nếu có những bề trông rất xấu xa, thì trái lại, cũng có những

bề trông đáng để cho ta hứng khởi. Đây, thưa bà, cứ rẽ sang phố kia xem, hay đợi một giờ khác mà nhận xét, bà sẽ thấy lời tôi là phải.

Hãy đi chơi Paris vào một buổi sáng, bà sẽ mục kích nhiều điều khả dĩ thay đổi cảm giác của bà về Paris ban đêm. Xin mời bà hãy nhìn, giữa đám người cần lao chen chúc nhau làm việc, những kẻ ăn chơi phá phách rút lui về phòng ngủ. Xin mời bà hãy nhìn những nét mặt nghiêm nghị và những thân hình như pho tượng dưới những quần áo rách bươm. Họ quét tước những rác rưởi do những yến tiệc ban đêm để lại, cần cù biết bao, cần thận biết bao! Có những phụ nữ, lại có nhiều người già cả. Trời rét, họ xuýt xoa và vẫn cứ làm ăn vất vả. Mà ngày nào cũng thế. Những người đó cũng là dân chúng thành Paris. Thế rồi, xin mời bà đi về các vùng ngoại ô, vào trong các xưởng thợ, nhất là các xưởng thợ bé nhỏ mà ông chủ cũng làm việc như thợ thuyền. Mời bà xem cả đoàn công nhân đi làm việc. Các cô con gái vui vẻ đi từ những căn nhà xa xôi đến xưởng thợ, hăng buôn và công sở, mới có thể đảm làm sao! Rồi, mời bà vào thăm các căn nhà, mời bà đi xem đám phụ nữ bình dân làm việc. Lương họ ít ỏi, nhà cửa chật hẹp, con cái lại đông và thường có những người chồng tai ác. Xin mời bà sưu tập tiểu sử của những người nhỏ bé đó lại và nhớ lấy nền tài chính trong nhà họ, xin mời bà xét kỹ và xét thật lâu cho cẩn thận.

Rồi thì mời bà đi thăm các sinh viên. Hạng sinh viên làm rầm rĩ và gây gỗ ở ngoài đường rất đông, song những thanh niên cần cù học tập cũng đông không kém. Nhưng mà bà không thấy họ là vì họ không ra đường, họ luôn luôn ở trong buồng học. Báo chí vẫn thường mạt sát những thanh niên cao lơ, cô bồi, o mèo, họ nói làm gì đến hạng thanh niên thức học thâu đêm suốt sáng? Quần chúng có cần biết họ làm gì đâu? Đôi khi, có một sinh viên học thuốc chẳng may thiệt mạng trong lúc thi hành nhiệm vụ, may mắn lắm thì báo chí đăng chơi vài dòng. Một bọn say rượu đánh nhau chiếm nửa cột báo là thường vì người ta kể lại từng chi tiết và có khi lại đăng ảnh bọn người đánh nhau là khác.

Không thể kể xiết những điều bà phải mục kích để mà biết cho đầy đủ. Bà phải đi xem xét khắp tầng xã hội, tìm hiểu những người giàu cũng như người nghèo, ngu dốt cũng như học thức. Có vậy, bà xét đoán mới không thiên lệch. **Thành phố Paris là cả một thế giới, và cũng y như thế giới, điều hay thì ẩn náu mà điều dở thì bày ra.** Nhìn bề ngoài, người ta thường tự hỏi sao lại có thể có nhiều cậu trẻ thất phu như thế. Nhưng nhìn sâu một chút thì, trái lại, ta lấy làm lạ rằng sao trong cuộc sống quay cuồng, tối tăm, lăm lăm khi kinh khủng đó, lại có thể có nhiều đức tốt, nét hay như thế!

Những người tôi vừa ca tụng trên kia không bao giờ thích được người ta nói đến.

Sở dĩ tôi nói tới, là vì có mục đích khác.

Tôi muốn bạn đọc chú ý tới điều hay lẽ phải kín đáo, âm thầm và mong rằng người đời sẽ yêu nó và đem ra thực hiện. Người ta mà chỉ chăm chú vào những cái gì chói lọi, lòe loẹt thì sẽ hư hỏng: trước, là vì người ta chỉ được thấy luôn luôn cái dở, cái xấu; mà sau, là vì người ta chỉ muốn được chú ý, thành ra dần dần họ sống để mà “chung sướng” với bà con.

Không những ta phải sống kín đáo, âm thầm, mà ta còn phải yêu mến cuộc sống đó, nếu người ta không muốn làm một thằng hề sân khấu, nhất cử nhất động là để làm cho vừa lòng khán giả.

Chúng ta đứng trước một trong những yếu tố quan trọng của đời sống tinh thần. Những lời chúng tôi vừa nói trên kia không những chỉ dùng với hạng người ta gọi là bình dân, mà số phận hình như không được ai lưu ý tới; mà lại còn đúng cả, và rất đúng với những người ở hạng trên mà ta gọi là “thượng lưu xã hội”. Nếu ông không muốn làm một nhân vật bảnh chọe mà vô ích, một người nộm, một bù nhìn, óc rỗng

và bụng rỗng, ông phải làm nhiệm vụ với một tinh thần giản dị. Ai chỉ sống cho nghỉ thức, để chung bảnh, chẳng đáng cho ta kính nể. Ta chẳng may phải có trọng trách đi hàng đầu hay có địa vị cao thì càng phải giữ gìn cái hay, đẹp kín đáo trong nội tâm, phải giản dị và trung thành một cách khiêm nhường. Thế rồi, ta phải sống gần gũi với những người lạ, và yêu họ và biết hơn họ nữa. Chúng ta há chẳng chịu ơn họ đó ru? Họ há chẳng đem tất cả cho chúng ta là gì? Họ là những người không ai biết tới, đã giúp công cuộc xây căn nhà nhân loại, mà ta có thể ví họ với những tảng đá không ai trông thấy, nhưng đã chống đỡ cả ngôi nhà.

Phàm những người có đôi chút giá trị công cộng và được công nhận đều phải chịu ơn của một số tiền bối tinh thần khiêm nhường, của một số người đã thúc đẩy bằng cách này hay cách khác mà không còn được ai nhớ đến. Có một số người rất quý, gồm cô nông dân, phụ nữ, gồm những người thất bại trong đời, những bậc cha mẹ sống âm thầm nhưng đáng tôn thờ, tượng trưng cho ta thấy cuộc đời tốt đẹp và cao thượng. Những tấm gương cao quý của họ thúc đẩy và nâng đỡ chúng ta. Ta không bao giờ quên được họ. Trong những giây phút đau buồn, ta trông thấy họ có thể đảm và im lặng, tự nhiên ta thấy gánh nặng của ta nhẹ vơi đi. Họ xiết chặt hàng ngũ ở chung quanh ta, vô hình nhưng thân ái, để ngăn chúng ta đừng nản chí và trốn tránh cuộc đấu tranh. Và hàng ngày họ chứng tỏ cho ta thấy rằng kho báu của nhân loại, chính là cái Hay, cái Đẹp mà người đời không biết tới.

CHƯƠNG X

XÃ GIAO VÀ ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH

Ngày xưa, có một viên quan nọ được nể vì tự nhiên phát sinh ra ý tưởng muốn được đức vua ngự giá đến thăm nhà. Từ trước, ông ta sinh sống trong một dinh thự của cha mẹ để lại cho, nhất nhất vậy gì trong nhà cũng trân trọng bảo tồn để ghi nhớ những kỷ niệm thân yêu. Đến lúc ông ta có ý tưởng được vua ngự giá đến thăm, ông ta thay đổi hẳn. Phàm mọi đồ vật từ trước ông vẫn cho là đầy đủ, sang trọng, giản dị một cách đáng yêu, do cha ông để lại, ông tự nhiên thấy ti tiện, xấu xa,鄙陋. Đức vua mà lại trèo lên cái thang gỗ như thế này ư? Không thể được, cũng như ta không thể rước Ngài ngự trên những cái ghế cũ kỹ, đặt chân lên những tấm thảm mục nát này. Tức thì viên quan nọ kêu kiến trúc sư và thợ thuyền đến nhà ông phá bức tường này, chữa lại cửa nọ và làm một buồng tiếp khách quá khổ, so với các gian khác trong nhà thì lại đẹp quá lắm, như trời với vực. Ông ta thu dọn cùng với gia đình vào ở trong những gian phòng chật hẹp, người và đồ đạc chen chúc vào nhau, không còn lối mà đi. Sau khi đã liêu mạng trút hết tiền nong ra để sửa chữa và xáo lộn cả cửa nhà lên, viên quan nọ ngồi chờ vua ngự. Than ôi, đức vua bị lật đổ, ông ta mỏi mắt trông chờ mà vẫn chẳng thấy bóng quân vương.

Đừng tưởng rằng đời này ít có những anh điên dại như viên quan nọ. ***Những kẻ hi sinh cả đời sống gia đình để phục vụ xã giao đều là những kẻ điên cuồng rồi đấy.*** Vào những thời náo động hơn, hi sinh cả đời sống gia đình như thế lại càng tai hại lắm. Nhiều người đồng thời với chúng ta bây giờ mắc phải cái bệnh rồi đấy đó và đã từng chịu lụy vì bệnh đó. Biết bao người đã đem đồ hết cả gia tài, vốn liếng để làm thỏa mãn những câu thúc hay những khát vọng xã giao, mà trước sau vẫn không tìm thấy hạnh phúc được “vua biết mặt, chúa biết tên”. Dem nhà cửa gia

đình mình ra để hi sinh; bỏ hết cả những thuần phong mỹ tục đi, nhất thiết không bảo vệ những tập quán giản dị của gia đình, bao nhiêu hành động đó giống như đi buôn bán mà bị lừa, bị hớ. Địa vị của đời sống gia đình cũng y như trong xã hội, chỉ hư hỏng, sút kém đi một chút thì tất cả cơ quan xã hội sẽ bị lung lay. Muốn phát triển bình thường, cơ quan đó phải có những phần tử được rèn luyện, nung đúc, có một giá trị đặc biệt, có một cá tính riêng. Không thế thì xã hội hóa ra một đàn cừu không có kẻ chăn dắt nữa. Nhưng cá nhân sẽ rút ở đâu ra cái đặc sắc hi hữu để đem hòa vào những tính tình riêng biệt của người khác sẽ tạo thành nên sự phong phú và sự bền bỉ của một hoàn cảnh? Chỉ có thể rút lấy ở gia đình. Ông mà phá tan những tập tục và kỷ niệm của gia đình – những tập tục và kỷ niệm đã tạo cho mỗi gia đình thành một thế giới thu nhỏ lại – tức là ông tiêu diệt những nguồn phát sinh ra đặc tính cá nhân, ông chặt gốc rễ của tinh thần công cộng.

Quốc gia muốn mạnh thì mỗi gia đình phải là một thế giới sâu xa, được tôn trọng, một xã hội đem truyền cho các phần tử một ấn tích đạo lý không thể mờ xóa được. Đến đây, xin ngừng lại một phút để giải thích một điều ngộ nhận. Tinh thần gia tộc, cũng như hết thảy mọi điều tốt đẹp, có một hình tượng khả dĩ lẫn được với nó; đó là thói ích kỷ gia đình. Nghĩa là chỉ có gia đình mình thôi, ngoài ra không có gì khác nữa. Thực vậy, có nhiều gia đình giống như những thành trì đóng kín như bưng, phạm điều gì mà không trực thuộc họ, không ảnh hưởng thiết thực đến họ thì không cần giới ý. Tính ích kỷ của họ làm họ thành ra những người xa lạ, riêng biệt, gần như là kẻ thù của loài người.

Chính vì cái *óc gia đình tư kỷ* đó mà người ta đã ngộ nhận gia đình là một cái lò ích kỷ cần phải phá đi để mưu hạnh phúc cho xã hội. Cũng như giữa tinh thần bản thân và tinh thần đảng phái có một vực sâu, giữa tinh thần ích kỷ gia đình cũng có một vực sâu như vậy.

Ở đây, ta nói về tinh thần gia tộc.

Không có gì ở đời này có thể đem so sánh với tinh thần đó. Bởi vì tự nó, nó chứa đựng căn bản của tất cả những đức tính cao cả và bình dị tạo thành sức mạnh và sự tôn trọng quá khứ; bởi vì những kỷ niệm chung là cái gì cao quý nhất trong một gia đình. Đó là một cái vốn không thay đổi, không chia xẻ, không mòn nát, đó là một thứ “của để” thiêng liêng, mỗi phần tử trong gia đình phải coi những kỷ niệm đó là vật báu không có cái gì so sánh được. Những kỷ niệm này, phân ra làm 2 thứ: một trong thực tế và một trong ý tưởng. Người ta thấy những kỷ niệm này trong ngôn ngữ, trong những nếp tư tưởng, tình cảm và cả thiên tính nữa. Dưới hình thức thực tế, người ta thấy những kỷ niệm đó biểu hiện bằng đồ đạc, tranh ảnh, nhà cửa, dinh cơ, quần áo, câu hát, phong tục.

Đối với những kẻ phàm phu tục tử, những kỷ niệm đó không là gì hết, nhưng đối với những người biết tôn quý đời sống gia đình thì đó là những cái bùa hộ mệnh, những phép màu mà ta không thể vì có gì để mất đi.

Nhưng thường thường, trong đời sống chúng ta, đã xảy ra chuyện gì? Phép xã giao thường gây gổ và gây chiến với tinh thần gia tộc. Chiến tranh nào chẳng tàn khốc, nhưng tàn khốc nhất là cuộc chiến này. Bằng các phương tiện lớn, nhỏ; bằng các thói quen mới, cũ; bằng các cách câu thúc, ham muốn, xã giao đã len lỏi và xâm lấn nơi gia đình tôn nghiêm. Xã giao như một người lạ vào nhà ta, nhưng quyền lợi và chức vị của người lạ mặt đó ra sao? Nó dựa vào cái gì để mà yêu sách chúng ta? Thường thường, ta vẫn quên không tự hỏi mình điều đó, và như thế là ta làm. Đối với “người khách lạ” đó, chúng ta hành động như những người nghèo khó, khổ sở, giản dị đối với một người khách sang trọng, hóm hỉnh. Để lấy lòng khách giàu sang, kèn càng, người ta phá cả vườn của người ta đi, người ta nhồi nhét người nhà, trẻ con vào một xó và bỏ cả công việc làm ăn nữa. Hành động như thế là bất công: thật hồng. Ta phải

có thể đảm bảo là ta giữ cho ta nguyên vẹn không thay đổi, bất cứ đứng trước mặt ai.

Tinh thần xã giao có đủ các thứ tồi tệ, vô liêm sỉ. Đây là một gia đình giản dị đã từng tạo ra và vẫn hãy còn đương tạo ra những tính tình cao quý. Người, đồ vật, và tính tình thay đều vững chắc. Vì hôn nhân, vì những công chuyện ngoại giao, vì chơi bời giao thiệp, tinh thần xã giao xen vào, và tinh thần đó thấy cái gì cũng cần cỗi, quê mùa, ngượng nghịu. Thế không có vẻ tân thời, cấp tiến. Thoạt đầu, nó còn bị chế giễu, và phản đối xoàng. Chính thời kỳ đó nguy hiểm nhất. Ta phải coi chừng chính ta. Nếu chúng ta để cho tinh thần sa ngã, nếu chúng ta để cho lý lẽ của nó lung lạc được thì chỉ ngày mai ông sẽ vứt bỏ đồ vật trong nhà, ngày một ông bỏ một tập tục cao quý, tốt đẹp và dần dần những kỷ niệm thân yêu, những đồ vật truyền từ đời nọ sang đời kia cho đến ông, rồi thì lòng hiếu đễ, tình chung thủy, lòng từ thiện... nhất nhất đều đội nón ra đi cả lượt.

Sống trong hoàn cảnh thay đổi, với những tính tình lạ hoắc, kẻ thân thuộc cũng như bạn bè anh thấy xa lạ như những người lạc hướng. Anh tiến thêm bước và thay đổi luôn cả họ: xã giao tân thời bắt buộc phải sa thải những người già cả. Thế là sống giữa một khung cảnh hoàn toàn thay đổi, chính anh cũng lầy lăm lạ sao anh lại ở đấy làm gì. Tất cả không nhắc anh nhớ tới một cái gì; nhưng thế mới hợp điệu, thế mới hợp thời và ít ra tinh thần xã giao cũng thấy được dễ chịu phần nào. Chao ôi, làm không biết bao nhiêu mà kể. Sau khi đã đem vứt bỏ những báu vật chân chính như ta vứt bỏ đồ tập tàng vào sọt rác, ta thấy thân ta, dưới cái mũ tân thời, hoàn toàn đi mượn và chúng ta cảm thấy tất cả cái dở dằn của ta. Thà là ngay lúc đầu ta có thể bảo vệ ý tưởng của ta và bào chữa đến kỳ cùng gia đình chúng ta!

Có nhiều thanh niên, lúc lấy vợ, thường chiều theo những thị hiếu của xã giao. Bố mẹ thì treo gương giản dị, nhũn nhặn cho con cái, nhưng

con cái cho là mình có quyền sống, có quyền sống tự do, lại bác bỏ một kiểu sống mà họ cho là cổ hủ. Vì thế, họ tìm mọi phương tiện để sống một cách đại tân thời, tiêu pha huy hoắt và không ngại tốn kém để loại bỏ các đồ vật hữu ích. Đáng lẽ đem bày biện trong nhà những đồ vậy nhắc nhở ta “nhớ tới một cái gì”, họ toàn dùng đồ mới chưa có một kỷ niệm gì, một ý tưởng gì. Những đồ vật tân thời đó thường được coi là tượng trưng của một đời sống dễ dãi, hời hợt và nhắc ta cuộc đời bên ngoài ồ ạt, quay cuồng, điên dại. Nếu có lúc người ta muốn quên đi thì những đồ vật đó lại bảo ta “nhớ tới một cái gì”, nhưng cái gì đây thì lại khác: nó không nhắc tới ông bà, cha mẹ, tổ tiên, dòng giống, nhưng nhắc ta nhớ tới giờ đi hút thuốc, ăn bánh ,uống rượu, nhảy đầm, coi hát, đánh bạc và hên hò với nhân tình.

Gia đình thành ra là một nơi để tạm trú, để người tạm nghỉ giữa 2 cuộc du chơi. Ở lâu tại đó, không chịu được.

Ta đã từng thấy những người không ra ngoài không chịu được. Ở nhà, đối với họ, là bị hình phạt, bị ngồi tù. Rồi vì thế họ kinh sợ gia đình và không ngại bỏ tiền bỏ của ra để tiêu khiển ở ngoài chứ không chịu ở nhà để di dưỡng tính tình một cách giản dị, không tốn kém.

Chẳng mấy lúc, một xã hội vì thế mà thành ra một tổ chức lạ lùng, người sống từng đàn như đàn cừu. Xin ai chớ lầm đời sống từng đàn như thế với đời sống xã hội công cộng. Đời sống từng đàn vô nghĩa cũng như đời sống của đàn ruồi bay rối cả mắt ta lên. Đời sống xã giao của người này giống hệt của người kia, chẳng khác nhau một chút nào. Và chính vì giống nhau một cách chán nản như thế mà tinh hoa của tinh thần công cộng trong xã hội bị tiêu ma. Chẳng cần phải đi đâu xa lạ, cũng có thể nhận chân thấy tinh thần xã giao làm hại cái xã hội mới này. Nếu bây giờ chúng ta ít có vốn liếng tinh thần, ít có quân bình, kém bình tĩnh trong lý trí, ít có sáng kiến, một phần lớn chính là do chúng ta đã sút kém nhiều

trong đời sống gia tộc vậy. Đâu đâu thiên hạ cũng học đời, tập tành xã giao. Theo đúng phép xã giao của đời bây giờ là bỏ nhà, bỏ cửa để đi chèo chén, cao lầu, nhà hát, nhảy đầm, đánh bạc. Người ta nguy biện rằng sở dĩ bây giờ người ta phải đi ra khỏi nhà để sống bên ngoài là vì nhà cửa bây giờ chật chội, bẩn thỉu, tồi tàn, nghèo khó và không thở được. Thế thì sao người nông dân kia lại không bỏ túp lều tranh vách nát của ông cha để lại để ra sống trong một cái nhà gạch ở thị thành?

Không. Chính là có một cái gì đã thay đổi và đang thay đổi ở trong óc người thời nay. Tuân theo những dục vọng tội lỗi và nhơ bẩn, họ đã ly khai với tính giản dị. Những người cha đã đánh mất địa vị gia trưởng của họ, những người mẹ sống tro trọi trong bếp than, còn trẻ nhỏ thì cãi nhau, chửi nhau, đánh đập nhau trong khi chờ đợi khôn lớn để cũng bỏ nhà cửa mà đi nót, mỗi đứa một phương.

Chúng ta cần phải xét lại đời sống gia đình và trả lại cái giá trị cả cho những tập quán gia đình. Những thuần phong mỹ tục của cổ nhân, những ca dao, tục ngữ, những bản dân ca, trước khi chìm vào trong cõi lãng quên, vẫn được những người sùng tín giờ tay lượm lặt. Thu nhặt những di tích của dĩ vãng để bảo tồn kỷ niệm của cổ nhân như thế, thực là phải đạo. Cũng thế, đối với những tập quán gia đình, chúng ta cũng phải bảo vệ, để làm cho trường tồn bất diệt.

Nhưng có phải trên đời, ai cũng có tập quán để mà bảo vệ đâu? Vì thế ta lại càng phải cố gắng tổ chức và xây dựng đời sống gia đình. Muốn thế, chẳng phải có nhiều người mà cũng chẳng cần phải ở rộng rãi quá. Muốn xây dựng một gia đình, chúng ta cần phải có óc gia đình. Một làng có thể có một lịch sử, một dấu tích đạo lý thì một nhà, bé nhỏ nơi nào, cũng có thể có một linh hồn. Ôi, linh hồn nơi ta ở huyền bí biết bao! Ở đây, vừa bước chân tới bậc cửa, ta đã thấy lạnh lẽo, hình như có cái gì nó làm cho ta rờn rợn và khó chịu. Ta không thấy có vẻ mời đón, ta

muốn đi ngay. Ở chỗ kia, khác hẳn. Vừa vào trong nhà, khép cửa lại, ta thấy khoan khoái, dễ chịu ngay. Người ta thường bảo “rừng có mạch, vách có tai”. Thực thế, vách có tai thật, chúng không nói nhưng tiết ra nhiều ý nhị. Trong một nhà, chỗ nào cũng phảng phất hồn người. Người ta nhận thấy cái linh hồn dũng mãnh và ý nhị đó trong cả những gia đình của những đàn ông và đàn bà cô quạnh. Cũng là một cái buồng mà buồng này khác với buồng kia biết bao nhiêu! Buồng này bất động, thần nhiên, tầm thường: người ta trông thấy rõ cả tư cách của chủ nhân trong cách thức treo ảnh và xếp sách; tất cả đều như muốn nói “Không cần gì đòi cả!”. Nhưng buồng kia thì lại khác: một không khí vui sống bay phảng phất trong buồng, người ta cảm giác cái không khí vui sống đó thấm nhập cả vào lòng người ta; khách đến chơi như nghe thấy có cái gì bảo nhỏ vào tai khách: hỡi người khách lạ đến chơi, ta cầu cho anh hạnh phúc, may mắn và vui vẻ!

Không thể nào tả hết được sức mạnh vô cùng của gia đình, ý nhị của một bông hoa yêu mến nở trên gò cửa sổ, sự niềm nở của một cái ghế bành cũ kỹ mà người ông nội đã từng ngồi đưa tay cho lũ cháu mẫm mạp nâng lấy mà hôn hít.

Than ôi, những người theo tân thời! Lúc nào cũng dọn nhà, lúc nào cũng thay đổi! Chúng ta vì đã từng nay chữa mai sửa bộ mặt của những thành phố, nhà cửa, phong tục, tôn giáo mà không còn biết ở ra sao, sống thế nào, chúng ta cũng chả nên bỏ bê đời sống gia đình để làm cho đời sống vô định chất chứa thêm sự trống trải và cái sâu se sắt!

Hãy nhen ngọn lửa ở trong cái lò đã tắt, hãy xây dựng những tổ ấm bất khả xâm phạm mà trẻ nhỏ thành người, mà tình yêu có nơi ẩn náu, tuổi già có sự nghỉ ngơi, lời cầu nguyện có bàn thờ và tổ quốc có một sự tôn thờ sùng kính.

CHƯƠNG XI

CÁI ĐẸP GIẢN DỊ

Có thể rằng những người tôn thờ cái đẹp sẽ phản đối công cuộc tổ chức đời sống giản dị và họ sẽ viện cớ rằng: sự xa hoa có ích, không những đã nuôi mỹ thuật, giúp cho công việc làm ăn trừ phú lại còn tô điểm cho các xã hội văn minh nữa.

Thiết tưởng cũng nên giải thích ra đây.

Những ai tưởng rằng tinh thần giản dị mà chúng tôi nói tới đây cũng tựa như tính keo bẩn của người hà tiện hay óc chật hẹp khắc khổ thì người đó quả đã lầm.

Đối với những người keo cú bẩn thỉu, cuộc đời giản dị là cuộc đời rẻ tiền, cuộc đời kiết cấu. Đối với những người khắc khổ, đó là một cuộc đời tẻ nhạt, sống như loài thảo mộc vô tri vô giác.

Chúng tôi không chủ trương những người có nhiều phương tiện không được phép tiêu tiền, phải cho vào két khóa lại; trái lại chúng tôi cho rằng người ta phải làm cho đồng tiền lưu thông, cho thương mại được thịnh vượng, cho mỹ thuật được phát triển. Chúng tôi chỉ phản đối sự huy hoắc, phí phạm ngu xuẩn, sự chi dụng tài hóa một cách ích kỷ, và nhất là sự tiêu pha vô lý, không đâu của những người cần chung diện bề ngoài hơn là tiêu pha một cách thiết thực và hữu ích. Một vị mệnh thường quân chi tiêu rộng rãi không thể đem ví với một tay ăn chơi tầm thường, tìm cách lòn bịp đồng bào bằng cách ăn tiêu huy hoắc, sinh sống lòn loẹt: ảnh hưởng đồng tiền của hai người đó đối với xã hội khác nhau hẳn.

Có phải cứ quăng tiền ra là đủ đâu? Quăng tiền cũng cho phải cách mới được. Có cách tung tiền làm cho người ta cao thượng, có cách tung

tiền làm cho người ta bận tiện. Vả lại, tung tiền ra có nghĩa là người ta có nhiều tiền. Một khi những người chỉ có những phương tiện hạn chế lại thích ăn tiêu huy hoắc, thì vấn đề lại đổi khác hẳn. Điều ta nhận thấy rõ ràng trong lúc này là chính những người đáng lẽ phải tiêu vừa tay thì lại tiêu quá độ. Ai chẳng biết tách hào hiệp đại độ lại là một việc tốt nên ca tụng. Những ông có của, có đức tính này mà lại chi tiêu rộng rãi thì quả là một cái hay vì đồng tiền được thoát ra. Nhưng chúng tôi cật lực phản đối những người để cho đồng tiền thoát hết ra cả ngoài, trong khi chính họ cần phải chi tiêu dè xẻn. Sự huy hoắc và thích ăn chơi sang trọng của họ quả là một cái tội và một nạn chung cho xã hội.

Đó là sự xa xỉ có ích.

Bây giờ, tôi muốn giải thích sơ sơ về cái đẹp. Đã đành là chúng tôi không dám lấn bước sang phạm vi của những nhà chuyên môn. Do một ảo giác thông thường, người ta vẫn cho là tính giản dị và cái đẹp kình địch nhau. Nhưng giản dị có nghĩa là xấu đâu, cũng như xa hoa, thừa mứa, cầu kỳ, đắt tiền có phải là đẹp đâu! Thấy có vẻ lờ lợt của một cái đẹp om sòm, của một nghệ thuật vụ lợi, của một sự tráng lệ không duyên dáng, không tinh thần, mắt ta bị đau chói. Sự giàu sang kệch cỡm, lò lỉnh lỉnh khi làm cho ta hối hận rằng ta đã quá nhiều tiền để đến nỗi gây ra bao nhiêu việc thô bỉ, ti tiện. Nghệ thuật ngày nay cũng như văn nghệ thiếu hẳn tính giản dị: thật là đáng tiếc. Hoa hòe hoa sói nhiều quá tô điểm vẽ vờn vờn quá, tưởng tượng nhiều quá. Từ đường cong nét thẳng đến mọi hình thức và cả màu sắc nữa, chúng ta ít khi được thấy sự giản dị bật lên trước mắt ta cũng như sự minh bạch đến với trí óc ta. Chúng ta cần phải hòa mình vào trong sự thanh khiết lý tưởng của cái đẹp bất diệt xưa nay vẫn lưu lại dấu vết trong các tác phẩm. Một tia nhỏ của cái dấu vết đó cũng đáng giá hơn tất cả những phô trương đồ sộ, cao kỳ, hoa mỹ.

Chúng tôi muốn nói tới cái đẹp bình thường của cuộc đời, sự thận trọng mà người ta cần phải có để trang hoàng nơi ăn chốn ở và tô điểm cho bản thân, hầu đem lại cho cuộc đời sự mỹ lệ, nếu không có thì đời mất vui. Người ta có bắn khoăn hay không bắn khoăn vì cái phù hoa cấp thiết đó, không phải là không quan trọng. Bởi vì có như thế mới biết một người có để tâm hồn vào cuộc sống hay không. Đừng bảo rằng trang hoàng, tô điểm, săn sóc hay thi vị hóa bề ngoài là một việc vô ích. Trái lại, ta phải lưu ý tới công cuộc đó.

Kìa xem, chính tạo hóa cũng treo gương cho chúng ta xem: người nào mà ra vẻ coi thường bóng dáng cái đẹp chúng ta đem tô điểm cho những ngày xanh, người ấy đã làm trái lại ý muốn của Hỏa Công sinh ra muôn loài. Hỏa công sinh ra bông hoa sớm nở, tối tàn cũng thận trọng và thương yêu như Ngài nắn những dãy núi cao chót vót thiên nhiên bất diệt.

Song le, ta chớ nên vì thế mà làm cái đẹp chân chính với cái đẹp giả dối (tức là cái đẹp chỉ có cái tên đẹp mà thôi). Cái đẹp và cái thi vị của cuộc đời sở dĩ mà có chính là vì cái ý nghĩa ta mang đến cho nó. Nhà cửa ta, bàn ghế của ta, quần áo của ta đều phải biểu dương được những ý định. Muốn phô những ý định đó, trước hết mình cần phải có những ý định đã. Phàm ai có ý định thì đều biết cách biểu dương được với những phương tiện giản dị nhất. Có cần phải giàu có, sang trọng mới làm cho nhà cửa và quần áo của mình duyên dáng và đáng yêu đâu. Muốn duyên dáng và đáng yêu cần phải có duyên và phải ăn ở cho tử tế.

Đến đây, ta đề cập đến một điểm tối quan trọng cho hết thảy mọi người, nhưng có lẽ cần cho các bà hơn các ông nhiều.

Những ai bắt buộc phụ nữ phải ăn vận vải thô, phải bỏ mình vào trong những y phục thùng thình mà tẻ nhạt như những cái tải, những người đó đã ngạo mạn Hỏa Công và tỏ ra không biết gì về ý nghĩa của sự vật trên đời. Nếu quần áo chỉ là một có để che mưa che nắng thì một miếng vải rách hay một mảnh da thú cũng đủ rồi.

Nhưng quần áo ta mặc có ý nghĩa cao cả hơn thế.

Loài người dùng vật gì cũng có cái tài là chế biến thành ra dấu hiệu. Cái áo có phải là vật chỉ để che thân đâu, nó còn là một biểu hiện. Mỗi nước có một thứ áo, không nước nào giống nước nào, không thời nào giống thời nào. Quần áo càng nhiều ý nghĩa thì càng giá trị. Quần áo muốn đẹp, cần phải báo cho ta thấy những điều tốt đẹp, những điều riêng biệt và chân xác. Quần áo mà nhăng nhít và không xứng với đức độ của người mặc thì bất quá chỉ là cái mặt nạ, một cách ăn vận lố lỉnh, buồn cười. Đàn bà mà theo một quá độ, lấy những đồ trang sức định sẵn để che giấu mất cả thân thể, chính đã làm mất cái vẻ đẹp chính, cái vẻ đẹp thật của mình. Rút lại thì sự theo một quá độ ấy nó đưa đến thực tại này: Có nhiều thứ các bà cho là đẹp lắm, mua dùng vào, đã không đẹp hơn lại xấu đi – mà còn làm hại thêm tiền của bố mẹ, chồng con là khác.

Bạn gặp một cô gái diễn tả ý tưởng của mình văn hoa nghĩa lý lắm, hay họ duyên dáng lắm, nhưng văn hoa nghĩa lý đó, duyên dáng đó lại là những câu học nguyên văn trong một cuốn sách dạy khoa nói chuyện thì bạn nghĩ về cô gái đó ra sao? Bạn có thể yêu được câu chuyện “sáo mép”, “đánh cắp trong sách vở”, học thuộc lòng đó không? Quần áo đẹp, những bắt chước y như của người ai cũng mặc, không khác nhau một ly gì, cũng đúng như chuyện cô gái đọc lại văn trong sách.

Cái áo do chính tay người đàn bà may lấy, khâu lấy thường vẫn là cái áo mặc vừa nhất và cũng là cái áo làm cho người đàn bà thú nhất. Hiện nay các bà thường quên mất điều đó. Ở đời còn có gì làm thích mắt và thú lòng ta hơn là thấy một cô gái ăn vận theo kiểu cách đất nước và đẹp một cái đẹp hồn nhiên, giản dị?

Những ý tưởng vừa diễn tả trên đây có thể đem áp dụng cả vào trong cách xếp dọn và trang hoàng nhà cửa. Nếu có những thứ quần áo biểu dương được cả một quan niệm về cuộc đời nếu có những cái khăn, mớ tóc hay chiếc nón ý nhị như một bài thơ, nếu có những cái cà vạt hay

một thứ vải mặc vào mà tỏ ra được cả nhân phẩm của người mặc thì cũng có những cách trang hoàng nhà cửa nói nhiều với tâm hồn người ta.

Tại sao lại vì có làm đẹp nhà đẹp cửa, chúng ta lại lấy mất của chúng ta cái gì là đặc điểm, cái gì là quý báu? Tại sao lại làm những căn phòng của chúng ta thành ra những căn phòng khách sạn, làm những phòng khách của ta thành ra những phòng đợi của nhà ga? Tại sao lại làm những nơi ấm cúng đặc biệt của ta thành những nơi tầm thường, vô vị - tầm thường, vô vị vì ta đã quá đề cao một điển hình của cái đẹp chính thức, ai cũng biết, ai cũng dùng?

Còn gì khổ tâm hơn là cứ phải đi dạo cùng khắp các tỉnh thành trong một nước, cùng khắp các nước trong bất cứ một chỗ nào cũng chỉ thấy những hình thức giống in nhau, không dám khác nhau một ly, đến nỗi làm cho ta phát bực vì tẻ nhạt, vì nhiều quá. Cái đẹp mà giản dị thì cao quý vô cùng. Đáng lẽ phải nhìn thấy sự xa hoa nhạt nhẽo, định sẵn, sự xa hoa bắt chước nhau, đáng lẽ phải thấy những sự trang hoàng, tô điểm cầu kỳ và hóm hỉnh, chúng ta sẽ được mục kích muôn nghìn hình thức khác nhau, lạ mắt biết bao! Những sáng kiến mới sẽ làm cho ta thích thú. Lại còn nhiều sự bất ngờ làm cho lòng ta đỡ nản. Cũng lại như các cụ ngày xưa, chúng ta lại tìm ra cái án sách, một chậu cây hay một hòn non bộ, một bức tường hoa, cái dấu của cá tính từng người, cái dấu đó đem lại cho những đồ cổ, những vật xưa cũ một giá trị đặc biệt vô giá.

Tôi muốn nói thêm về mấy công việc nhỏ nhất nữa trong nhà, mà những người ít tuổi thời nay không lấy làm thích thú. Sở dĩ họ coi thường những công việc vật chất, họ không muốn nhúng tay làm những việc tầm thường ở trong nhà, đó là vì họ đã hồ đồ, làm lộn, mà sự làm lộn, hồ đồ đó không phải là hiếm thấy và ít hại như ta vẫn tưởng đâu. Họ tưởng rằng chính những đồ vật nên thơ hay không nên thơ, đẹp hay không đẹp. Vì thế mới chia ra những công việc cao sang nhã ái như làm

thơ, viết văn, đàn, thổi sáo, uống rượu, đánh cờ và những công việc tục tằn thô lậu như lau bàn, quét ghế, đánh giày, vơi nước hay đun bếp.

Nghĩ thế là làm. Cây đàn, chai rượu hay cây chổi, đôi giày có liên quan gây ra được vẻ đẹp, vẻ thơ cho công việc làm của ta đâu! Tất cả là do tay ta cảm, trí óc ta chi phối. Cái đẹp là ở trong lòng ta tiết ra, tự ta ta làm cho nên thơ hay không chứ có phải tại đâu đồ vật. Ta phải đem phổ tính cách thi vị vào đồ vật cũng như người thợ chạm phổ tinh thần vào trong gỗ, đá. Tuyệt đích của nghệ thuật là làm cho sự vật bất động thành ra linh động, làm cho kẻ ác hóa lành, thú dữ trở nên ngoan ngoãn. Tôi ao ước được thấy các cô thiếu nữ cố gắng làm cho các sự vật vô tri có một linh hồn: đó chính là nghệ thuật hoàn toàn phụ nữ. Người đàn bà duyên dáng đáng yêu là người đàn bà hoàn tất được công việc đó. Duy người đàn bà mới biết cách làm cho tổ ấm, “mái nhà tươi cười, cửa sổ như đón chào”. Người ta bảo rằng không có tiên nga hay là hết tiên nga rồi: quả là làm. Tiên nga mà các cổ tích vẫn thường kể lại, chính là những người đàn bà, con gái đương sống với chúng ta, những người đàn bà, con gái kiên quyết nhào nặn, biết hàn gắn những vết thương với tấm lòng bác ái, biết chăm nom người ốm với nụ cười, biết vắn cái khăn cho duyên dáng và biết gửi tâm hồn vào một món ăn.

Thật vậy, biết yêu chuộng mỹ thuật là một điều rất cao quý cho tâm hồn và đạo lý, mắt ta nhìn mãi quen dần đi, thì hành vi và tư tưởng cũng nhuần thấm những cái mà ta mục kích. Song le, không phải là ai cũng có thể yêu mỹ thuật và chuộng những tác phẩm mỹ thuật đâu. Đó là một đặc ơn cho một hạng người. Không phải bất cứ ai cũng hiểu cái đẹp, và tạo tác được những cái đẹp đâu... tuy vậy, có một thứ đẹp nhân loại có thể tràn lan khắp mọi nơi: đó là cái đẹp nảy nở từ tay vợ và con gái chúng ta. Nếu không có cái đẹp ấy thì căn nhà trang hoàng lộng lẫy nhất có ra cái gì? Chỉ còn là một căn nhà vắng lạnh. Có cái đẹp ấy, căn nhà vắng vẻ,

lạnh lẽo cũng tươi sáng, tung bừng lên. Trong tất cả mọi sức mạnh khả dĩ làm cho mọi tâm hồn thay đổi và cao thượng, khả dĩ tăng gia hạnh phúc có lẽ không có một sức mạnh nào so sánh được với nó và có một tác dụng phổ thông như nó. Một căn buồng dù bé nhỏ, mà nhà lại tưng thiếu nữa, có một người đàn bà đảm đang và đáng yêu như thế trông nom thì chẳng mấy lúc hóa ra gọn gàng sạch sẽ và ấm cúng. Phàm làm việc gì người đàn bà đó cũng cẩn thận và có nghệ thuật: có phải cứ giàu có mới đẹp được đâu? Có phải cứ giàu có thì mới làm được việc mỹ thiện đâu!

Tổ chức gia đình cho ấm cúng, cho vui tươi, cho có phong thái, thì cuộc đời sẽ tốt đẹp và có nhiều thi vị. Mình giữ cá tính của mình, mình đem lại cho khung cảnh tự nhiên của mình cái đẹp tương xứng: đó chính là lý tưởng. Người đàn bà biết phả vào các sự vật một tâm hồn và đem khoát vào tâm hồn đó những cách thức dịu dàng, khoan thai khả dĩ làm rung động những người thô lậu nhất, người đàn bà đó đã chẳng làm tròn thiên chức đó ru? Mà cái thiên chức đó há chẳng có một ảnh hưởng, một ý nghĩa sâu rộng đó ư?

Thiết tưởng như thế còn hơn là cứ ngồi đó mà ao ước, thèm khát những cái mà mình không có và ngóng ngóng để bắt chước người một cách ngu si!

CHƯƠNG XII

ÓC TỰ PHỤ VÀ TÍNH GIẢN DỊ TRONG NHỮNG GIAO TIẾP XÃ HỘI

Vì xã hội có nhiều địa vị mà địa vị này mâu thuẫn với địa vị kia nên lúc nào cũng xảy ra những cuộc tương tranh, khó thể nào tránh được. Song le, nếu chúng ta lại đem áp dụng một tinh thần khác vào trong phạm vi những nhu cầu bề ngoài thì những cuộc giao tiếp giữa các phần tử trong xã hội được giản dị đi biết bao nhiêu.

Chúng ta nên tin chắc rằng người ta sở dĩ bất hòa với nhau không phải vì khác nhau giai cấp, khác nhau nhiệm vụ, khác nhau hình thức. Nếu chỉ vì có thể mà người ta bất hòa thì giữa những bạn bè, đồng nghiệp, giữa những người quyền lợi giống nhau, số phận giống nhau, từ trước đã hòa thuận với nhau và cuộc đời đã thanh bình một cách thần tiên.

Trái lại, chúng ta đều đã nhận thấy rõ ràng những cuộc tương tàn thảm khốc nhất chính đã diễn ra giữa anh em, mà chiến tranh thì không có gì ác liệt bằng nội chiến... Không, người ta sở dĩ bất hòa chỉ là vì óc tự phụ. Óc tự phụ làm cho người ta thành như một con nhím hồ chạm tới ai thì làm cho người ta đau. Hãy nói tới tính tự phụ của những người mặt to tai lớn.

Tôi trông cái ông nhà giàu đi xe kia, thấy ghét, không phải là vì xe ngựa của ông, quần áo của ông hay tại gia nhân đầy tớ của ông nhiều; tôi chỉ ghét ông ta khinh người. Ủ, thì ông ta có của ăn của để, cái đó có gì hại riêng đến tôi đâu, nhưng tôi ghét ông ta vì ông ta như có vẻ trịch thượng tôi, lấn át tôi, làm ra cái dáng chẳng coi tôi ra cái tép, chỉ vì tôi không giàu có bằng ông ta! Ông ta đã làm cho tôi đau đớn, mà đau đớn một cách vô ích. Ông ta làm nhục tôi và chửi vào mặt tôi. Tôi nổi giận,

không phải vì những tình cảm tâm thường thúc đẩy, mà chính là cái gì cao quý nhất ở trong tôi đã vùng dậy ở trước tấm lòng tự ái bị thương tổn vậy.

Đừng bảo rằng tôi thêm muốn, tôi có thêm muốn gì đâu: tôi uất ức là vì tôi thấy nhân phẩm của tôi bị chà đạp.

Phàm người đã sống và đã được thấy đời rồi đều có thể kể lại cho ta nhiều kinh nghiệm rằng những nhận xét của chúng ta là đúng. Trong nhiều hoàn cảnh vụ về quyền lợi vật chất, người ta hám của quá chừng đến nỗi đánh giá nhau như đánh giá những món hàng. Cái kết tiền dùng để đo lòng yêu thương: có nhiều của thì quý trọng, không có tiền thì khinh. Xã hội thượng lưu thì gồm những kẻ lắm tiền nhiều của, xã hội trung lưu gồm những kẻ có tiền vừa vừa. Rồi tới hạng người loàng xoàng và hạng người không có gì. Người ta đối đãi, cư xử với nhau trên nguyên tắc đó. Kẻ có tiền nhiều khinh người có ít tiền, nhưng rồi kẻ có nhiều tiền lại bị người có rất nhiều tiền khinh lại. Vì thế người ta không lúc nào không ganh của, thị của, từ thượng tầng xã hội đến hạ tầng cơ sở. Một hoàn cảnh như thế tất nhiên là miếng đất tốt để cho những tình cảm xấu xa ào tới, cái giàu có tội đâu, mà đâu óc, ý nghĩ của bọn giàu ham của mới gây nên tội. Có nhiều người giàu, nhất là những người giàu cha truyền con nối, đã sống dễ chịu từ trước thì thường không có quan niệm thô lậu đó. Nhưng họ quên mất một điều là ta chớ nên để cho những sự mâu thuẫn biểu lộ ra quá rõ ràng. Ví dụ bây giờ ăn tiêu huy hoắc không có gì hại cả; ta có nên vì thế mà cứ phải phô trương sự huy hoắc đó ra làm cho những người túng thiếu phải gai mắt, để cho giàu và nghèo tương phản như đập vào mắt người ta? Một người trang nhã và có ý tứ không bao giờ nói chuyện ăn khỏe, ngủ khỏe với một người ốm đau mòn mỏi. Có nhiều người giàu có đôi khi cư xử bất nhã và do vậy mà thiếu cả lòng thương yêu và tính tôn trọng? Rồi thì cứ phàn nàn về lòng tham vọng của người đời, sau khi khiêu khích cho người khác tham vọng, há chẳng là dở lắm ru?

Người ta không suy xét thấu đáo, nhất là khi người ta hợm của hay khi người, ta vô tình bị xa xỉ, phù hoa cám dỗ. Trước hết, coi sự giàu sang phú quý như một đức tốt của riêng mình không còn gì ngây thơ bằng. Ta hiểu lầm giá trị của cái chứa và cái đựng là một sự hiểu lầm xuẩn ngốc. Nói dài đến vấn đề này, thật là sự phiền lòng, nhưng không thể nào không nói cho những đương sự biết – Này các bạn, hãy coi chừng! Chớ nên làm bản ngã của anh ta với của cải mà anh ta có. Hãy tìm hiểu thật kỹ mặt trái của những tráng lệ ở đời để mà tìm lấy nỗi đau khổ tâm hồn và trò trẻ. Sự thực, óc tự phụ giăng nhiều cạm bẫy quá nực cười. Ta phải coi chừng một người bạn làm cho người quanh ta phải khinh khi, ghét bỏ ta và làm cho ta mất cả bình tĩnh và sáng suốt.

Kẻ nào hợm của hợm tiền quên mất một điểm khác, quan trọng vào bậc nhất. Điểm ấy là thế này: có quyền, có thế, có tiền tức là nhận một nhiệm vụ xã hội.

Đã đành rằng quyền tư hữu của cá nhân là một quyền bất khả xâm phạm như quyền sống, quyền hưởng tự do. Hai điều đó không thể nào chia sẻ được; phá hoại những nguyên tắc sơ đẳng đó tức là hành động một cách trù tượng nguy hiểm. Song le, xã hội ràng buộc cá nhân bằng nhiều thứ dây vô hình, cá nhân làm gì mặc nhiên là phải làm cho toàn thể. Vậy thì có tiền, có tiếng, có danh, nói tóm lại có quyền sở hữu, không phải là được một ân huệ gì đâu, mà chính là gánh một trách nhiệm nặng nề. Trước khi làm một trách nhiệm xã hội nào, người ta cũng phải học tập khổ công thì người ta cũng phải khổ công học tập để làm cái nhiệm vụ sử dụng của cải. Biết sử dụng tiền bạc, không phải là việc dễ. Nhiều người, dù giàu dù nghèo vẫn cứ tưởng rằng sống trong sự giàu sang phú quý cứ sống “thả cửa” không phải lo toan, nghĩ ngợi. Vì thế cho nên ít kẻ biết cách giàu. **Vào tay đa số người đời, tiền bạc giống như một cây đàn đem cho lừa ngựa gầy. Họ không có một quan niệm gì về sự tiêu pha đồng tiền.**

Vì thế cho nên mỗi khi ta gặp người giàu mà lại giản dị nữa, nghĩa là biết coi đồng tiền như một phương tiện để làm tròn sứ mệnh làm người, ta nên ngả mũ ra mà kính cẩn chào mừng: chắc chắn người ấy là một người lỗi lạc. Người ấy đã thắng được mọi trở ngại, vượt qua được mọi thử thách, chế ngự được mọi cám dỗ. Người ấy đã không làm lẫn cái vật chứa đựng trong ví tiền với cái vật chứa đựng trong tim óc, người ấy không đánh giá người đồng loại bằng những con số, bằng tiền. Trường hợp đặc biệt của người đó không làm cho y lên mặt làm cao, trái lại làm cho y từ tốn, khiêm nhường bởi vì y biết y còn thiếu nhiều thứ lắm mới làm tròn được nhiệm vụ. Y chỉ là một người, nói thế là đủ; y niềm nở, thương người, hay giúp đỡ kẻ này, kẻ khác. Tiền của y đáng lẽ là một cái hàng rào để ngăn y với thế nhân thì lại là một phương tiện để cho y đến gần, đến gần mãi, đến gần hơn nữa với mọi người. Hồ giao thiệp với y, hồ nhìn thấy y sống, ai cũng phải tự vấn lương tâm và tự hỏi: mình mà ở vào cảnh ngộ đó thì chẳng biết rồi mình sẽ ra thế nào? Mình liệu có nhẫn nại khiêm nhường, vị tha, lương thiện và trong sạch như thế hay không? Mình liệu có dám đem của cải của mình ra chi dụng như tiền của người khác hay không?

Trái đất này mà còn tồn tại, xã hội loài người mà chưa tiêu ma, còn những cuộc tranh giành quyền lợi, còn lòng tư kỷ, ghét ghen, thèm muốn, thì không gì ở đời này lại đáng tôn kính bằng sự giàu sang khiêm tình thân giản dị.

Có một thói còn tàn hại hơn là óc tự phụ, ham của nữa: đó là óc tự phụ vì danh lợi, quyền thế, mà nói đến quyền thế, tôi muốn nói tới quyền thế của một người đối với một người dù quyền thế đó chật hẹp hay rộng rãi. Tôi thấy không có cách gì tránh cho cuộc đời này có những người quyền thế bất đồng. Bất cứ tổ chức nào cũng có đẳng cấp về thế lực. Nhưng tôi e rằng, nếu người ta thích quyền thế quá thì không còn cái tinh

thần tôn trọng quyền thế nữa. Vì hiểu lầm hay không hiểu ý nghĩa quyền thế, phạm vi quyền thế, nhiều người chỉ có một lý quyền thế thường vẫn làm tổn thương đến quyền thế.

Quyền thế có một ảnh hưởng rất lớn đối với người có quyền. Phải sáng suốt và cương quyết lắm mới khỏi bị nó lung lạc. Tâm địa tham tàn hung bạo của những vị bạo chúa chép trong sử sách là một căn bệnh không đâu không có, không đời nào không có. ***Trong mỗi người có một tên hung bạo tham tàn đang ngủ và chỉ có dịp thuận lợi là nhổm dậy.*** Mà tên tham tàn đó, chính là kẻ thù ghê tởm nhất của quyền thế bởi vì nó bất chúc quyền thế, giả mạo quyền thế một cách rất xấu xa ghê tởm. Do đó mới phát sinh ra không biết bao nhiêu phức tạp xã hội, cùng những xúc phạm và căm thù ghen ghét. Kẻ nào mà bảo, người trực thuộc quyền của mình: anh làm việc này thế theo ý muốn của tôi, hoặc hơn thế nữa: anh làm việc này là vì tôi thích thế, kẻ đó đã làm điều cần dỡ. Trong thâm tâm mỗi người chúng ta đều có một cái gì thúc đẩy ta chống lại với quyền thế của người khác, và cái gì đó là điều đáng trọng. Bởi vì xét cho cùng thì ai cũng bình đẳng như ai, không ai có thể áp bức tôi phải vâng lời bởi vì hấn là hấn, mà tôi là tôi: trong trường hợp đó, tôi mà để hấn chỉ huy tức là tôi bị nhục mạ, người ta thì không có phép để cho mình bị nhục.

Ta cần phải sống trong các trường học, các xưởng thợ, trong quân đội, trong các cơ quan chính quyền, theo dõi sự liên lạc giữa chủ nhân và đầy tớ, hay đã từng được mục kích ở bất cứ nơi nào có những việc người bóc lột người, người ức chế người, thì mới có thể quan niệm được tất cả cái dỡ của những người thi hành quyền bính một cách ngạo mạn, kiêu hãnh. Những kẻ tàn bạo đó đã làm cho người tự do thành những người nô lệ, mà nô lệ tức là nổi loạn, tức là cách mệnh. Kẻ tàn bạo nhất là kẻ có địa vị bằng ta hay hơn ta một chút. Một người giám đốc xưởng hay một viên giám thị bao giờ cũng có những phương pháp hành động độc ác dữ dội hơn là một viên giám đốc. Trong nhiều nhà mà bà chủ cũng không có

giáo dục gì nhiều hơn con ở, thì giữa chủ nhà và đầy tớ, người ta thấy cái không khí của bọn gác ngục đối với phạm nhân. Thương thay là những kẻ rơi vào tay một người trên “làm phách chó”!

Ta thường quên mất tới bốn phận thiết yếu của người có quyền binh là phải khiêm nhường, lễ độ.

Kiều ngạo không phải là có quyền. Chúng ta không phải là luật pháp. Luật pháp cao hơn tất cả mọi người. Chúng ta chỉ đem thi hành pháp luật, còn như muốn đem pháp luật để biểu dương giá trị với người khác thì trước hết chúng ta phải tuân theo pháp luật đã. Trong xã hội loài người, chỉ huy và tuân lệnh bất quá chỉ là hai hình thức khác nhau của một đức tính: tự động phục vụ. Thường khi, người ta không tuân lệnh ông là vì chính ông, ông không tuân lệnh trước.

Bí quyết của uy quyền là biết điều khiển một cách giản dị. Nhưng người biết điều khiển giản dị thường biết cách lấy lòng mình để làm nhẹ những vất vả thực tế. Quyền của họ có phải là vì cái quân hàm, cái tước, hay những điều kiện kỷ luật đâu. Họ không cần dùng đến roi vọt, đến những lời dọa dẫm, vậy mà họ muốn gì cũng được; tại sao lại thế? Bởi vì người nào người nấy đã sẵn sàng để hành động cả. Một người tự cho mình cái quyền đòi hỏi ở người khác hi sinh thời giờ, tiền bạc, thú vui và có khi cả tính mệnh nữa, người đó không những đã cam quyết hi sinh tất cả những thứ đó mà có khi lại còn hi sinh ngấm ngầm từ trước. Một người có tinh thần như thế có một sức mạnh thông cảm với người phải tuân lệnh và làm phận sự.

Trong tất cả mọi ngành hoạt động của người đời, có những người chỉ huy khuyến khích nâng đỡ, hấp dẫn người dưới: dưới quyền điều khiển của họ, người dưới làm gì cũng thành công. Người ta đem tim óc ra để đối xử lại, dù là giẫm vào lửa đỏ, chui vào trong hang thú dữ cũng không kỳ quẩn.

Đừng tưởng rằng những người cao sang, những ông chức lớn, danh to mới tự phụ, cả những ông bé tí, những ông chẳng ra gì cũng tự phụ, vênh vênh vào vào.

Nguyên nhân tính tự phụ của hai hạng người này cũng giống nhau. Cái người nói “luật pháp là ta” không phải chỉ là anh chàng kiêu hãnh, hách dịch làm cho ai trông thấy cũng muốn đả đảo; mà còn là anh chàng “tiểu tốt” kia, đức độ thì không mà đồ kị có thừa, không hề muốn thấy ai hơn mình.

Thực tình, có rất nhiều người lấy làm bức dọc thấy có người hơn họ. Đối với những người này, mỗi báo cáo là một sự lăng mạ, mỗi lời phản đối là một sự khi trả, mỗi một chỉ thị là một sự vi phạm đến quyền tự do của họ. Họ không thể nào ép mình theo luật lệ. Phải tuân lệnh gì hay vâng lời ai, họ cho là hèn kém.

Cũng thuộc về loại người tự phụ, còn những người khăng tính, đa nghi đến cực đoan, sống trong những trường hợp xoàng xĩnh, luôn luôn cho rằng người trên không biết đãi ngộ mình. Những người này, thánh cũng không chiều được; họ làm việc bồn phận mà như người chịu tội và cho là mình bị xử phạt. Xét ra thì tại vì những người đó có quá nhiều lòng tự ái đặt không phải chỗ. Họ không muốn biết cách giữ địa vị một cách giản dị và còn làm phức tạp thêm một cuộc đời của họ cùng cuộc đời của người khác vì những yêu sách ngược đời của họ với những hậu ý bất công của họ.

Nếu chịu xét kỹ hơn về người đời, ta phải lấy làm lạ mà nhận rằng *tính kiêu hãnh trú ẩn rất nhiều trong đám dân thường*. Đó chính là một chứng cứ tỏ rằng tật xấu đó có một mãnh lực lạ lùng, nó mạnh đến nỗi xây được một bức tường đầy ngăn những người sống trong những hoàn cảnh tầm thường với những người chung quanh. Những người sống

trong những hoàn cảnh tầm thường đó trốn tránh ở sau bức tường nói trên, với những cao vọng và khinh bạc của họ, không ai được tới gần, cũng như không ai được gần những vị có thể lực trên đời, trốn tránh ở đằng sau những thành kiến vương giả, quyền quý vậy. Dù tầm thường hay nổi tiếng, tính kiêu hãnh cũng là kẻ thù của loài người; nó nghi ngờ hết, làm cho phức tạp hết cả. Và nếu giữa những giai cấp khác nhau, có nhiều sự căm thù và kinh địch như thế, chính vì những bất hạnh bên trong nhiều hơn vì những bất hạnh bên ngoài. Sự đối lập quyền lợi và sự tương phản của cảnh ngộ đã đào những cái hố ngăn cách chúng ta, không ai có thể chối cãi được điều đó; nhưng tính kiêu hãnh đã biến những cái hố chia rẽ đó thành những vực thẳm, và nó kêu từ bờ này sang bờ kia: giữa anh và tôi, không thể có sự tương đồng được.

Đáng ghét nhất là tánh kiêu hãnh lúc nó xen vào biến học và làm cho học vấn nghèo nàn, kiệt quệ. Cũng như tiền bạc và thể lực, chúng ta có học vấn là nhờ đồng bào ta. Học vấn là một sức mạnh xã hội phải dùng để phục vụ, mà nó chỉ có thể phục vụ khi nào những người có học vấn lấy tim óc ra mà sống gần gũi với những người không có học. Một khi mà học vấn thành ra khí cụ tham vọng thì tự nó phải tiêu diệt, tự nó phải giết nó.

Còn về tinh thần kiêu hãnh của những người ăn ở tốt? Chính có tính kiêu hãnh đó thực, và nó làm cho người ta thù cả đức tốt.

Người công minh sám hối việc xấu do người khác làm ra, chính là sống trong sự đoàn kết và trong chân lý xã hội. Trái lại, người công minh mà khinh bỉ người khác vì những việc lầm lỗi họ đã làm, chính đã trốn tránh nhân loại. Và những đức tốt của người công minh đó chỉ để che đậy tính kiêu căng hợm hĩnh, cũng tựa như của cải mà không song hành với lòng nhân hay quyền lực mà không có tinh thần trật tự. Người có đức tốt mà kiêu hãnh thì cũng đáng ghét như người giàu mà tự phụ

hay kẻ làm chủ mà lên mặt. Đức độ mà kiêu hãnh đem đến cho người ta những cử chỉ và những vẻ mặt khiêu khích lạ lùng. Nó đem đến cho ta những tấm gương làm cho ta muốn xa lánh, và những người được nó suy tôn lại thấy bị sỉ nhục hơn là danh giá.

Ta có thể kết luận thế này:

Đừng nên bao giờ tưởng rằng những thắng lợi, bất cứ về phương diện gì, của ta đều phải phụng sự lòng kiêu hãnh của ta. Tưởng như thế là lầm. Mỗi một thắng lợi của ta là một sự bó buộc ta, chứ không phải là một cơ để cho ta tự phụ. Những lợi tức về vật chất, quyền thế, học thức cùng những đức tính của tim, óc, nếu chỉ phục vụ óc kiêu hãnh tự phụ thì chỉ là đầu mối của những bất hòa. Những đức tính đó chỉ giúp ích ta khi ta lấy làm những lý lẽ cho nhữn nhận. Nếu chúng ta có nhiều lợi điểm ta phải khiêm nhường, bởi vì có nhiều tức là hưởng nhiều của xã hội, mà nợ xã hội, chúng ta có dám chắc rằng ta trả xong hết nợ không.

Nếu chúng ta giữ nhiều quyền binh quan hệ, ta nên khiêm nhường; nếu chúng ta nắm trong tay vận mệnh của nhiều người khác, ta cũng nên khiêm nhường nữa; bởi vì một người sáng suốt tất nhiên phải thấy rằng mình không dễ dàng mà làm trọn vẹn được những nhiệm vụ nặng nề quá đó.

Nếu chúng ta có nhiều bạn hữu, ta nên khiêm nhường, bởi vì, nhờ bạn hữu, ta lại càng thấy rõ ta dốt nát, ta lại càng dễ so sánh những điều nhỏ nhoi mà ta khám phá được với cái vô cùng cực mà ta phải nhờ người khác mới biết.

Nếu ta có đức độ, lại càng phải khiêm nhường nữa, bởi vì người có tinh thần được huấn luyện cần phải biết tội xấu của mình hơn ai hết, càng phải khoan dung với người khác, cần phải thương xót những người làm lỗi hơn ai hết.

Có người sẽ bảo rằng:

- Nếu cứ nói như ông, ai cũng hết sức ăn ở giản dị thì rồi người ta không còn có giai cấp, không còn tôn ti trật tự sao?

Tôi không chủ trương hủy bỏ giai cấp và tôn ti trật tự. Song le, tôi thiết nghĩ người ta sở dĩ khác nhau có phải là vì giai cấp, chức phẩm, của cải đâu; mà khác nhau vì chính con người. Hơn cả thời đại nào, thời đại mà chúng ta đang sống đây đã cho ta thấy rõ những sự khác nhau bề ngoài rôm rỏi đến chừng nào. Hiện nay, muốn là một người sang trọng, có phải chỉ mặc một cái áo đại trà hay đội trên đầu một cái mào miện mà được đâu? Đeo một cái quân hàm ở vai, một huy chương ở ngực, có thể làm cho mình có giá trị hơn đâu?

Ta nhận rằng những dấu hiệu bề ngoài như quân hàm, như huy chương, như bài ngà đó không phải hoàn toàn đáng chỉ trích; nó có ý nghĩa của nó, lợi ích của nó, nhưng phải là để phủ lên một cái gì, chứ không phải cứ đeo như thế mà trong thì rỗng tuếch. Đeo những thứ đó mà bên trong không có gì tương xứng thì vô ích mà có khi nguy hiểm. Muốn phân biệt với người khác, không có gì tốt hơn là mình có đức tốt hơn người. Nếu chúng ta muốn rằng trong xã hội, người này phân biệt được với người nọ, mà sự phân biệt đó được tôn trọng và được người ta công nhận, chính chúng ta phải cư xử cho xứng đáng với sự phân biệt đó. Nếu không thế, càng phân biệt càng làm cho người ta khinh ghét. Thật cũng đau đớn mà thấy rằng lòng tôn trọng người bây giờ đối với những sự phân biệt trong xã hội giảm đi nhiều. Lỗi tại đâu? Tại có nhiều người có thành kiến rằng những ai giữ địa vị cao thì phải bó buộc tuân theo những bốn phận thông thường của con người. Chúng ta càng giữ chức cao thì lại càng tưởng ta không cần gì luật pháp. Thực ra, chức càng cao, nhiệm vụ càng lớn, thì càng phải có tinh thần tôn trọng kỷ luật và tinh thần giản dị. Mình cứ bắt người khác tôn trọng mình mà không cố gắng

để cho xứng đáng với lòng tôn trọng đó thì ai tôn trọng mình được? Vì thế lòng tôn trọng bị giảm đi rất nhiều.

Có một điều phân biệt con người ta rõ rệt nhất là ta phải cố ăn ở thế nào cho mỗi ngày mỗi tốt hơn lên. Người mà cố ăn ở cho mỗi ngày tốt hơn lên thì rồi sẽ khiêm nhường hơn, dễ tính hơn, “bình dân” hơn, cả với những người, đáng lẽ phải tôn trọng mình. Không nên sợ vì thế mà mất tôn ti trật tự, mất giai cấp: trái lại, càng dễ tính càng nhũn nhặn thì người ta lại càng kính trọng mình thêm.

CHƯƠNG XIII

GIÁO DỤC TINH THẦN GIẢN DỊ

Cuộc đời giản dị, chung quy chỉ là kết quả của một sự điều khiển tinh thần, vậy thì giáo dục có một ảnh hưởng lớn trong lãnh vực đó, thiết tưởng không có gì lạ cả.

Dạy trẻ, người ta thường theo 2 phương pháp sau này:

Thứ nhất, dạy trẻ theo sở thích của mình.

Thứ hai, dạy trẻ theo sở thích của đứa trẻ.

Trong trường hợp thứ nhất, người ta coi đứa trẻ như một bổ sung cho bố mẹ. Đứa trẻ được coi như thuộc vào sở hữu của bố mẹ và dự một phần vào những đồ đạc của bố mẹ. Có khi đứa bé được giữ một địa vị cao: ấy là trong trường hợp bố mẹ thương con, quý con. Có khi, vì vấn đề quyền lợi vật chất thúc-phục đứa trẻ chỉ có một địa vị xoàng, có khi bị bỏ rơi, bị quên lãng, không ai để ý.

Lúc bé, đứa trẻ bám lấy bố mẹ, không những vì phải vâng theo bố mẹ mà còn phải phụ thuộc bố mẹ về mọi hành vi, ý kiến, vì thân nó là thân của bố mẹ. Lớn lên, nó lại càng phụ thuộc bố mẹ hơn, phụ thuộc về tình cảm, về sáng kiến, về tất cả mọi phương diện. Nó lớn nhưng chính ra nó chẳng khác gì đứa trẻ lên ba. Đáng lẽ tiến triển đến một sự độc lập tinh thần, nó tiến tới vòng nô lệ. Bố mẹ muốn gì, nó phải thành ra thế. Công việc làm ăn, tôn giáo, chính trị, quan niệm mỹ thuật của ông bố muốn thế nào thì nó cứ phải thế, không khác được. Về sau, nó lớn khôn, cư xử, ăn nói, lấy vợ, đẻ con, nhất nhất cứ phải theo khuôn mẫu của ông bố, theo óc chuyên chế của ông bố.

Có nhiều ông bố không có chút tinh thần gì mà cũng độc đoán, chuyên chế: họ yên trí rằng bố mẹ thì phải có mọi quyền đối với con, con phải là vật sở hữu của bố mẹ thì mới “hợp đạo lý”. Nếu không chế ngự được con, họ than vãn, thở dài, chiều nịnh con để con theo, làm đủ mọi cách miễn là con họ sống theo họ, sống vì họ, sống cho họ.

Phương pháp giản dị đó không những chỉ đem áp dụng trong các gia đình mà còn được đem áp dụng trong các cơ quan xã hội mà trách nhiệm giáo dục chính yếu là bắt trẻ mới đến phải vào trong những khuôn phép đã đặt sẵn. Bộ phận xã hội nào đó, dù là cộng sản, quan liêu hay là thần chính, cũng hút lấy con người, làm giảm giá con người đi, tán nhỏ con người ra. Nhìn bề ngoài thì phương pháp giáo dục đó có vẻ đặc biệt giản dị. Thật vậy, những phương sách được đem áp dụng cũng đặc biệt giản dị thật. Mà nếu con người không phải là một cái gì đặc biệt, nếu người ta ai cũng như ai, cũng như cùng 1 cái khuôn đúc nặn, cũng chỉ là một cái mẫu của giống nòi thì đó quả là một nền giáo dục hoàn toàn. Cũng như ác thú, cá và sâu bọ cũng một loại, cũng một giống, cùng có một cái vạch ở giữa lưng hay cùng có một cái bờm trên đỉnh đầu, chúng ta cũng sẽ giống in nhau, cùng một ngôn ngữ, cùng chung khát vọng, cùng 1 tôn giáo, cùng những thị hiếu như nhau. Nhưng người ta có phải đâu chỉ là một kiểu mẫu của giống nòi, cùng chung một khuôn đúc nặn. Vì thế cho nên phương pháp giáo dục đó không giản dị vì những hiệu quả của nó. Người nọ khác xa người kia rất nhiều, đến nỗi ta phải nghĩ ra biết bao nhiêu phương tiện để dập tắt, để thu hẹp tư tưởng cá nhân đi. Công việc đó, người ta chỉ hoàn thành một phần nào: vì vậy lúc nào cũng cứ đảo lộn cả lên. Luôn luôn, sức sáng kiến tiềm tàng, do một khe hở, vẫn cứ phát mạnh và gây nên những vụ nổ, những biến động, những rối ren nguy hại. Mà chỗ nào không xảy ra sự gì, bề ngoài vẫn có vẻ mạnh, thì bên trong lại hư hỏng, trục trặc, thối nát. Dưới cái bề mặt có vẻ như trật tự bình yên lắm, những biến loạn ngầm ngấm, thối nát, cùng với sự thù oán, căm hờn và chết chóc phát sinh.

Phương pháp gây ra những hậu quả đó tất là phải xấu, dù có vẻ giản dị đến ngàn nào; vì từ trong, nó hoàn toàn bị sâu mọt và gây những rắc rối không thể nào tả xiết.

Phương pháp thứ hai tương phản hẳn với phương pháp thứ nhất. Đó là phương pháp giáo dục vì đứa trẻ, cho đứa trẻ. Nghĩa là: bố mẹ ngồi đấy, còn thì đứa trẻ là hết cả. Vừa đẻ ra, đứa trẻ đã là trung tâm điểm. Ông bà cha mẹ đều phải cúi rạp đầu ở trước đứa trẻ; đứa trẻ nói, cả nhà răm rắp vâng lời; đứa trẻ giơ tay ra, cả nhà tuân theo triệt để. Nó ho kêu to một tiếng ban đêm, cả nhà phải thức dậy trông nom. Chẳng mấy lúc, đứa trẻ nhận thấy rằng nó là chúa tể ở trong nhà; nó chưa biết đứng đã thấy rằng cả nhà phải tuân lệnh nó, trái ý không thể được. Càng lớn, nó càng hách; hơi một tí trái ý cũng làm cho nó giận. Ai chiều, nó bằng lòng; nhưng nó không bằng lòng ai thì đánh, thì chửi, thì gào khóc, làm tình làm tội người khác mà không ai được trái ý. Đời chỉ có nó. Nó là vua, là chúa, là người độc nhất, là một vị bất tử, bất khả xâm phạm. Đến khi biết ra rằng đứa trẻ hành động như thế hơi quá thì đã muộn rồi; đứa trẻ không còn thềm để ý đến ai cả, cả những người sinh ra nó, nó sống và lớn lên, không luật pháp nào ngăn cấm nổi.

Có cơ quan xã hội cũng áp dụng phương pháp giáo dục đó. Phương pháp giáo dục đó phát triển ở bất cứ dải đất nào mà người ta không đếm xỉa đến quá khứ, chỉ biết có hiện tại, không còn coi trật tự, phong tục, tập quán, lễ giáo ra gì. Nó phát triển ở bất cứ dải đất nào mà kẻ ngu dốt làm quan to, kẻ lão xược, vô học, mất dạy lại gào to hét lớn hơn hết, kẻ có trách nhiệm giữ gìn trật tự xã hội lại sợ bất cứ đứa nào ở đâu mời đến lên mặt khỏe vì kêu to, nói nhiều, bịp bợm giỏi, không còn coi ai ra gì, không còn biết tự tri là gì. Phương pháp giáo dục này đã tạo ra thời đại của những dục vọng phù du và gây thắng lợi cho bọn tiểu nhân đặc chí và độc đoán.

Cả hai phương pháp giáo dục trên đều hại. Nhưng hại hơn nữa là khi 2 phương pháp đó lại kết hợp với nhau để sinh ra những con người nửa bù nhìn, nửa độc tài, khi thì muốn cúi đầu vâng theo như con cừu, khi thì lại hùng hổ muốn nổi loạn và lên mặt độc tài, chuyên chế.

Chúng ta không nên dạy trẻ vì cha mẹ, cho cha mẹ mà cũng không nên dạy trẻ vì đời, cho đời. Dạy trẻ tức là giúp trẻ trở thành những phần tử hoạt động của nhân loại, những sức mạnh thân ái, những kẻ phục vụ tự do và trung kiên. Dạy trẻ theo một phương pháp khác, tức là gây phức tạp cho đời, là làm hư hỏng đời đi, là gieo những mầm rối loạn, làm mất hết an ninh, trật tự.

Trẻ con là *tương lai*. Hai chữ *tương lai* thu gồm tất cả những đau khổ, vất vả đã qua, những cố gắng hiện tại, những hy vọng... Song le, đứa trẻ không thể nào quan niệm được tất cả sự quan trọng của 2 chữ đó vào thời kỳ mà công cuộc giáo dục bắt đầu. Bởi vì vào lúc đó, đứa trẻ bị lôi cuốn vào trong mãnh lực của những ấn tượng trong thời kỳ đó. Vậy ai sẽ soi sáng cho nó và chỉ cho nó con đường ngay? Cha mẹ và thầy giáo. Hai người này phải luôn luôn coi đứa trẻ là một công dân tương lai. Quan niệm như thế, cha mẹ và thầy giáo có hai mối băn khoăn: băn khoăn làm phát triển sức mạnh cá nhân đầu tiên của đứa trẻ, làm cho sức mạnh ấy lớn lên, linh động lên, băn khoăn hướng sức mạnh đó của đứa trẻ vào công cuộc xã hội. Không một lúc nào, các bậc phụ huynh giữ việc dìu dắt con em được phép quên rằng **đứa trẻ phải giữ được bản chất đặc biệt của nó và có một tinh thần tương thân tương ái**. Hai điều kiện đó phải phối hợp với nhau. Phàm một người đã làm chủ được ý chí của mình thì bao giờ cũng yêu thương, thân ái với đồng bào và giàu lòng hi sinh.

Muốn cho đứa trẻ là nó, đặc biệt là nó và có tinh thần tương thân tương ái, ta phải tìm cách ngăn cho nó khỏi bị lệ thuộc sức mạnh đó ở bên trong và cả bên ngoài. Phàm người ta ở đời, không những bị những

hiểm nghèo vật chất chi phối, mà còn phải đối phó với sự xâm lăng dữ dội của những tư tưởng bên ngoài; bên trong thì phải luôn luôn đề phòng sự lộng quyền của điều dở với tất cả những tình cảm do nó gây ra. Những bậc phụ huynh mà để cho ảnh hưởng của mình quá mạnh trong công việc giáo dục thì sự tai hại ở bên ngoài rất lớn. Quyền của kẻ mạnh hơn xen vào trong sự giáo dục rất dễ dàng. Muốn bước vào địa hạt giáo dục, cần phải khước bỏ cái quyền đó, nghĩa là phải **hi sinh tình cảm tiều của mình đi**, tình cảm đó làm ta thành kẻ thù của những người khác, và cả với con em ta nữa. **Quyền hành của ta chỉ lợi ích khi nó phát sinh từ một quyền hành khác cao cả hơn ta.** Trong trường hợp đó, quyền hành không những tốt đẹp, lành mạnh mà lại còn cần thiết nữa và là một bảo đảm chắc chắn chống sự nguy hiểm bên trong lúc nào cũng đe dọa bản chất ta. Sự nguy hiểm đó là lúc nào ta cũng quan trọng hóa ta quá, lúc nào ta cũng cho ta là “cái rốn của vũ trụ”.

Bắt đầu bước vào cuộc đời, tình cảm riêng của ta sôi nổi dữ dội quá; muốn lập thế quân bình, ta phải dùng một tinh thần bình tĩnh và cao cả mà điều khiển. Mục tiêu chính của công việc giáo dục là biểu dương tinh thần đó cho trẻ, càng liên tục, càng vô tư càng tốt. Như thế thì các bậc phụ huynh, các nhà giáo huấn đáng quý, đáng trọng nhất đời. Họ đem lại cho kẻ mới bước chân vào trường đời cảm tưởng một cái gì tiến trước nó, vượt hẳn nó, bao bọc lấy nó, nhưng họ không đè ép nó; trái lại, cái tinh thần cùng với bao nhiêu ảnh hưởng mà họ đem cho nó lại trở thành những chất bồi bổ cho ý chí cương cường của nó. Gây ảnh hưởng như thế, tức là tạo lấy sự tuân lệnh cho đứa trẻ để gây những tính tình tự do. Quyền hành đặc biệt cá nhân của bố mẹ, của các nhà giáo huấn, của các học đường, đối với đứa trẻ, cũng như các cây con mọc ở dưới một lùm cây um tùm che lấp tất cả mặt trời thành cây con héo úa dần mà chết. Quyền hành tập thể, không riêng của một cá nhân độc đoán, tức là cái quyền hành của người tự ép mình trước những thực tế đáng tôn thờ - những thực tế mà họ muốn đem hướng ý chí cá nhân của đứa trẻ vào đó

– giống như không khí trong sáng và lành mạnh. Đã đành là quyền hành tập thể sẽ linh động và ảnh hưởng đến ta hoặc bằng cách này hay cách khác, nhưng nó nuôi dưỡng và làm cho cuộc sống của chính ta mạnh dạn và dồi dào lên. Không có quyền hành đó, không thể gọi là giáo dục, không thể có giáo dục. Nhiệm vụ của nhà giáo huấn là kiểm soát, chỉ đường và chống lại: nhà giáo huấn, đối với trẻ, không thể là một hàng rào mà người ta cùng lắm có thể vượt qua nếu xét ra có thể nhảy vừa tầm; mà phải là một bức tường thủy tinh trong suốt, đứng bên này trông sang bên kia, thấy tất cả những thực tế bất di bất dịch, những định luật, những nắm móc, những sự thật không thể nào đả phá. Do đó phát sinh ra lòng tôn kính cái gì cao cả hơn ta, lòng tôn kính làm cho chúng ta cao thượng mà vẫn giữ cho ta nhũn nhặn.

Đó là định luật của nền giáo dục huấn luyện ta giản dị. Rút lại, nó thế này: *tạo lấy những con người tự do và lễ độ, những con người giữ được đặc tính và có tinh thần tương thân tương ái.*

Trên kia, đã nói đứa trẻ là tương lai, ta có bốn phận phải lấy lòng kính tín mà thắt buộc nó vào với dĩ vãng. Ta phải đem phủ lên dĩ vãng những tập quán, hình thức thực tế khả dĩ gây được cảm xúc mạnh. Vì thế, trong một nền giáo dục và trong một gia đình, ông bà tổ tiên cũng như sự tôn thờ các kỷ niệm và gia phả nhà mình cần phải được đề cao và giữ một địa vị đặc biệt quan trọng. Chính ta có tôn trọng ông bà tổ tiên và đề cao các cụ, ta mới làm đủ bốn phận của ta đối với con cháu chúng ta. Không có lời giáo huấn nào hiệu nghiệm và dạy trẻ ăn ở nhũn nhặn tốt bằng để cho chính mắt bọn trẻ thấy bố mẹ chúng lúc nào cũng tôn kính, khiêm nhường đối với một người ông già yếu hay một người bà đau ốm.

Một gia đình muốn hòa vui, thịnh vượng thì tất cả các phần tử trưởng thành đều phải thâm lắng đồng ý với nhau. Trước mắt đứa trẻ, mọi phần tử đó đều phải đoàn kết nhất trí, bảo ban khuyên nhủ lẫn nhau,

trên kính dưới nhường, không thể thì phương hại đến uy tín của quyền hành giáo dục. Trong số những người đó, ta không được quên bọn kẻ ăn, người ở. Một người đầy tớ là một người lớn, một đứa trẻ khinh miệt một người đầy tớ thì cũng thiếu lễ độ như khinh miệt bố nó hay ông nó. Nó nói một câu gì vô lễ với một người có tuổi, tức là nó hư, các bậc phụ huynh mà không uốn nắn ngay thì chẳng bao lâu sẽ thấy nó đối với mình rồi cũng không ra gì.

Trẻ con phải có lễ độ. Đừng tưởng rằng chỉ lúc lớn mới cần dạy chúng có lễ độ đâu. Dạy chúng có lễ độ từ bé, chúng sẽ quên đi, vì trẻ sinh ra lúc nào cũng ngưỡng vọng được tôn thờ và kính trọng một cái gì. Nếu ta không biết nhằm ngưỡng vọng đó mà khai thác thì phí phạm, mà rồi ngưỡng vọng đó sẽ bị tiêu ma vô ích. Chúng ta phải nhận rằng bọn người lớn chúng ta đã tự mình làm giảm mất uy tín của chúng ta và làm cho bao nhiêu việc ở đời giảm mất phần quan trọng và khả kính. Chúng ta đã tiêm nhiễm vào trong óc chúng tội lỗi và nét xấu; và sau này, hậu quả sẽ quay lại hại ngay chính chúng ta.

Sự thật đau buồn đó hiện ra không ở đâu rõ rệt hơn là trong sự ăn ở giữa đầy tớ với chủ nhà. Có ít người giàu chịu hiểu rằng: thà là mất hàng trăm hàng ngàn bạc còn hơn là để cho con cái mình cư xử hỗn láo, đều cáng với bọn đầy tớ là bọn người kém vai kém vế ở trong nhà.

Ta cứ giữ tôn ti trật tự, người nào có phận của người đó, không ai được vượt phạm vi của ai: việc đó hay lắm và tốt lắm. Nhưng không bao giờ ta nên quên rằng những kẻ hầu người hạ ta là người, như ta. Anh ra lệnh cho đầy tớ phải nói năng cử chỉ lễ phép, vâng lời. Thế chính anh có dạy con cái, và chính anh, anh có áp dụng những phương pháp để tỏ cho đầy tớ biết rằng anh kính trọng nhân phẩm của họ như anh đã muốn cho họ kính trọng anh không? Ở ngay chính trong nhà anh, bất cứ lúc nào, cũng có một cái trường để thực hành sự tương thân tương kính. Tôi e rằng chúng ta không lượm được nhiều kết quả. Anh bắt người ta phải lễ

độ. Vì thế cho nên thường là anh chỉ gặp sự giả dối, mà lại thêm một kết quả bất ngờ là gây cho con cái tự phụ. Hai yếu tố đó, phối hợp với nhau, mang lại nhiều khó khăn cho cái tương lai mà anh cần phải cứu vãn.

Ở khắp mọi nơi, trong khắp mọi tầng lớp xã hội, tôi nghiệm thấy người ta đã dung túng một tư tưởng xấu trong óc trẻ: tư tưởng khinh miệt lẫn nhau. Chỗ này người ta khinh những kẻ nào tay có chai, áo mặc bản; chỗ kia người ta miệt những kẻ nào không mặc áo nhà binh. Trẻ con được dạy dỗ trong tinh thần đó sẽ là những công dân đáng buồn. Sống như thế thì không thể nào có một tinh thần giản dị, cái thứ giản dị làm cho những người có thiện chí trong mọi tầng lớp xã hội khả dĩ cộng tác với nhau, mà không hề bị chia rẽ vì những sự ngăn cách tầm thường.

Nếu óc giai cấp làm cho người ta mất đi lễ độ thì óc đảng phái cũng làm cho người ta mất lễ độ như thế. Ở nhiều nơi, người ta nuôi trẻ để cho chúng chỉ biết tôn thờ có một quốc gia là quốc gia của chúng, phục vụ có một chính sách là chính sách của bố mẹ, gia sự của chúng, và tuân theo một đạo giáo là đạo giáo mà người ta nhồi vào óc chúng. Người ta tưởng làm như thế là người ta tạo nên những con người biết tôn kính quốc gia, đạo giáo và pháp luật đó chẳng? Lòng tôn kính chỉ liên quan đến cái gì thuộc về ta, động chạm đến ta, có phải là thứ tôn kính đáng suy tôn, cổ vũ không?

Có những học đường, chủ thuyết, chính thể rộng cả miệng cả tiếng nhận là những giáo phái dạy người ta lấy lễ làm đầu, nhưng kỳ thực thì ngoài mình ra chẳng biết đến ai, chẳng kính trọng bất cứ cái gì. Tự thâm tâm, họ nhủ: tổ quốc, tôn giáo, luật pháp, là ta!

Một nền giáo dục như thế tất sinh ra sự cuồng tín. Mà cuồng tín thì không những là chất men phản xã hội, mà còn là một độc dược có muôn nghìn ác quả.

Dù giàu dù nghèo, ta không bao giờ nên để cho con cái chúng ta tưởng là chúng hơn các trẻ con nhà khác. Dầu là tình hình tài chính của chúng ta có cho phép chúng ăn ngon mặc tốt đi nữa, ta cũng phải suy nghĩ về cái hại mà ta có thể gây ra cho chúng bằng cách khiêu khích tính hợm hĩnh xằng của chúng. Không phải cứ ăn vận lịch sự, cầu kỳ, lòe loẹt là khác người, hơn người đâu; ta phải căn dặn chúng thế, và nhất là ta không nên bao giờ để cho chúng lấy quần áo và kiểu cách ra mà đào sâu thêm cái hố xa cách giữa chúng với bạn bè chúng.

Các bậc phụ huynh chỉ nên cho con cái ăn mặc giản dị thôi. Nếu trái lại, chúng ta lại phải cố gắng ăn nhịn để dành để cho con cái ăn ngon mặc đẹp, tôi xin các bạn nên dành số tiền dành dụm đó, với cả tinh thần hy xả đó, để mà làm một việc gì cao cả hơn, có ý nghĩa hơn. Tập cho con cái đua đòi một đời sống vượt hẳn phương tiện của ta và của chúng, còn gì nguy hại bằng! Trước hết, làm thế thì hại tiền; sau nữa, làm thế tức là nuôi cái óc miệt thị, khinh khi ngay ở trong gia đình. Nếu ông cho con cái ăn vận như ông hoàng và lại để cho chúng tưởng là chúng hơn ông, một ngày kia, chúng chẳng coi ông ra gì cả, thiết tưởng không phải là chuyện lạ.

Lại cũng có một phương pháp giáo dục khá kỳ cục là dạy trẻ để đi tới cái kết quả cho trẻ khinh bố mẹ, khinh gia đình, khinh tập quán và khinh những công việc làm ăn ở chính cái nơi mà chúng sinh sống! Một nền giáo dục như vậy quả là một cái tai nạn. Nền giáo dục đó chỉ gây nên được một lớp người bất mãn, mất gốc, quên tổ, phủ nhận dòng giống. Chúng cũng như những cái lá rời những cành cây đã từng nuôi sống chúng, bay theo ngọn gió tham tàn, để rơi xuống những khoảng đất bùn nào đó rồi thối nát với nhau.

Tạo hóa tiến triển một cách chậm chạp và chắc chắn. Ta nên bắt chước tạo hóa trong công việc sửa soạn đời sống cho con cái. Chúng ta không nên dạy con cái để cho chúng miệt thị công việc làm ăn, miệt thị

những hoài bão và tinh thần giản dị trong gia đình bố mẹ chúng; ta không nên để cho chúng nhiễm cái ý định xấu xa là lấy cái nghèo làm nhục. Cái ngày mà con người nông dân chân chán ghét đồng lúa, con người chài lưới chán ghét sông hồ, con gái người thợ chán ghét bố mẹ và chỉ mơ ước lầu cao, chồng đẹp, cái ngày ấy xã hội phải suy đồi, đau ốm. Trái lại, một xã hội chỉ lành mạnh khi nào mỗi phần tử cố gắng làm được những công việc mà cha mẹ họ đã làm, tốt hơn, đẹp hơn, song không ngại nhận lấy lúc ban đầu những công tác tầm thường hơn, mà làm với nhiều tinh thần trách nhiệm hơn.

Giáo dục phải tạo ra những người tự do.

Nếu các bạn muốn dạy con cho thành những người tự do, các bạn hãy nuôi nấng chúng một cách giản dị và xin đừng làm hại đến hạnh phúc của chúng. Trái lại, một đứa trẻ càng có nhiều đồ chơi đắt tiền, càng có nhiều hội hè, thú vui tốn kém thì nó lại càng không thú.

Trong công việc giải trí thanh niên, thiếu nhi, ta chớ nên bày vẽ nhiều, và nhất là không nên nhẹ dạ tạo ra những nhu cầu giả tạo. Thức ăn, thức uống, quần áo, chỗ ở, trò chơi, nhất thiết phải tự nhiên và càng giản dị càng hay.

Muốn cho đời sống của con em dễ chịu, có nhiều bậc cha mẹ tập cho con cái thói ăn tham và thói lười biếng đáng buồn. Đáng lẽ dạy con nên người tự do, ta dạy chúng thành đồ nô lệ. Nô lệ tiền, nô lệ xa xỉ, nô lệ miếng ăn. Quen ăn sung mặc sướng rồi, đứa trẻ rồi ngày chán, nhưng nếu nó không được như thế thì nó khổ sở mà ông cũng khổ lây; đáng bi nhất là người ta ở vào trong những trường hợp lớn lao của cuộc đời, hầu hết đều sa ngã vào con đường tội lỗi; hi sinh phẩm giá, sự thật, nhiệm vụ, chỉ vì hèn dòn quá...

Vậy ta nên dạy dỗ con cái một cách giản dị, một cách nghiêm khắc, có khổ một chút cũng chẳng sao. Tập cho chúng dẻo dai chịu đựng, và quen với sự thiếu thốn đi. Người ta nắm đất được thì chúng cũng nhọc mệt, cực khổ được. Có thể chúng ta mới tạo chúng nên những con người tự lập và vững chắc, có thể tin cậy được, không dễ gì mỗi lúc vì miếng ăn, miếng uống mà bán linh hồn.

Một cuộc đời dễ dàng quá làm cho trí óc ta mù đi, trì trệ đi. Người ta thành ra một kẻ chán chường, tuyệt vọng, một ông cụ non sắp chết. Hiện nay có bao nhiêu thanh niên, thiếu niên đang sống ở trong tình trạng đó!

Hạnh phúc ở đời là sống cho ra một người sống, hoạt động, vui vẻ, hăng hái, không bợn những thú vui vật dục, những nhu cầu giả tạo, những khát vọng bệnh hoạn, biết thương yêu và cảm giác mãnh liệt tất cả cái đại lượng, đẹp đẽ và giản dị.

Đời sống giả tạo đem lại tư tưởng giả tạo và ngôn ngữ bất định. Những tính tình lạnh nhạt, những cảm giác mãnh liệt và những cuộc tiếp xúc thường xuyên với sự thật cố nhiên là phải đem lại cho ta ngôn ngữ chân thật. Cái thói ăn gian nói dối là một tật xấu của kẻ hèn đốn, nô lệ. Ta phải luyện cho trẻ thói quen nói rõ ràng, nói thẳng thắn, không ấp a ấp úng. Thường thường ta thấy gì? Ta thấy những người chung quanh ta cố giấu giếm, che đậy, bùng bít tính tình thực của mình đi, để dễ hòa mình với quần chúng, cho phù hợp với tính tình và ý muốn của mọi người. Thành thử ra người ta mất cả đặc tính đi. Chúng ta mặc nhiên thành ra một lũ người ám sát linh hồn. Thì ra bất cứ cái gì cũng nổi loạn để chống lại những tính tình độc lập.

Lúc ta còn bé, người ta muốn thấy chúng ta thành những bức tranh, những người nộm, những con búp bê; lớn lên, người ta chỉ thương được

ta, nếu chúng ta cũng như mọi người, nghĩa là nếu người ta bảo sao nghe vậy, không phản đối, không bài xích, không cãi lại: trông một người, là biết rõ hết cả các người khác rồi!

Vì thế, chúng ta bây giờ mất dần đặc tính đi, chúng ta không có sáng kiến nữa: cuộc đời như thế, tại sao không bằng phẳng và chán ngấy?

Chỉ có sự ăn ngay nói thẳng mới cứu vớt được chúng ta; chúng ta phải luyện cho con cái giữ lấy cốt cách riêng, đặc tính riêng của chúng, nói năng minh bạch, không ngượng ngịu úp mở, vắn vơ. Chúng phải trung trực, ngay thẳng, làm điều làm lẽ thì tự thú không sợ sệt gì ai.

CHƯƠNG XIV

KẾT LUẬN

Chúng tôi thiết tưởng đã bày tỏ được một phần nào tinh thần giản dị và các biểu thị của đời sống giản dị để các bạn hãy thấy một thế giới bị bỏ quên mạnh dưng bao và đẹp dưng bao. Những ai có một sức mạnh tinh thần khả dĩ ly khai được với những phù hoa vô ích mà có hại, tất phải làm chủ được thế giới đó. Những người đó chẳng bao lâu sẽ nhận thấy rằng ta chỉ cần khước từ một ít thú vui hời hợt, một ít tham vọng ngây thơ thì ta làm tăng hẳn được khả năng sung sướng và thể lực của ta đối với công lý lên rất nhiều.

Những kết quả đó không những thuộc phạm vi đời tư mà lại còn cả về đời công nữa. Trong khi ta tranh đấu chống lại cái tham vọng muốn khoa trương; trong khi ta tìm một ý nghĩa cao cả cho sự cần lao, hoạt động; trong khi ta quay lại sống giản dị, sống cho ra người, ta đã mặc nhiên kiến thiết gia đình, bảo vệ gia đình: điều đó, không ai cãi được. Một tinh thần mới sẽ bàng bạc trong gia đình chúng ta, tạo nên những phong tục tập quán mới và một hoàn cảnh mới thuận tiện hơn cho việc giáo dục con em. Dần dần, thanh niên và thiếu nữ nước ta sẽ tự thấy được hướng dẫn vào một lý tưởng cao cả hơn, mà đồng thời cũng dễ thực hiện hơn. Sự thay đổi ngấm ngấm đó, ngày một ngày hai, sẽ ảnh hưởng đến tinh thần công cộng. Một bức tường sở dĩ vững chắc là nhờ vì gạch tốt, xi măng tốt dính hòn gạch nọ vào với hòn gạch kia, thì sức mạnh của đời sống công cộng cũng do giá trị cá nhân của nhân dân cùng sức đoàn kết chặt chẽ và bền bỉ. Nguyên vọng tha thiết nhất của thời đại chúng ta đương sống đây là sự huấn luyện cá nhân. Ta mà bỏ bê điểm đó thì sự tiến bộ xã hội thiệt rất nhiều. Với những dụng cụ luôn luôn tiến bộ, mà người thợ mỗi ngày mỗi kém sút giá trị thì thử hỏi dụng cụ để làm

gì? Chỉ để tỏ rằng dụng cụ càng tốt thì cái lỗi của những công nhân làm việc không suy xét, không lương tâm, càng lớn.

Những bộ phận của cái máy tân thời không lò đặc biệt là tinh tế. Lòng hiểm độc, tính vụng dại, hay sự thối nát gây nhiều trục trặc hư hỏng cho bộ máy tân thời đó hơn là nó gây trục trặc và hư hỏng cho tổ chức thô lậu của xã hội trước kia. Vậy chúng ta phải nên đặc biệt lưu ý tới cái phẩm của cá nhân là kẻ được chỉ định ra để điều khiển bộ máy ấy, trong một phạm vi nào đó. Cá nhân đó cần phải cố kết với các phần tử khác, có một tinh thần vững chắc, và cần phải theo cái định luật chính yếu của đời người là giữ được đặc phẩm của mình và nuôi lấy một tinh thần tương thân tương ái. Biết theo định luật đó thì phạm cái gì ở trong ta và ở ngoài ta đều được giản dị hóa và được đoàn kết nhất trí. Luật đó là luật chung cho mọi người, ai cũng phải nhắm vào đó mà hành động; bởi vì quyền lợi thiết yếu của ta đều tương đồng, không có gì mâu thuẫn hết. Gây lấy tinh thần giản dị, chúng ta làm cho đời sống công cộng của chúng ta cố kết và bền chặm hơn.

Xã hội mà suy vong, tồi bại, xét ra chỉ tại một nguyên nhân; không đủ vững chắc, không đủ cố kết. Những quyền lợi ti tiểu vì bè đảng, vì giáo phái, vì cá nhân ngược hẳn với lợi ích xã hội, và do đó, tiêu diệt hạnh phúc của cá nhân đi. **Một xã hội mà người dân chỉ nghĩ sung sướng cho riêng mình tất phải đảo lộn và vô trật tự.** Những mối ích kỷ tham tàn đó chỉ có kết quả là tạo nên những cuộc chia rẽ, tranh giành, khó thể mà đàn áp.

Chúng ta giống như những hạng người hay viện gia đình ra mỗi khi cầu lợi, chứ không phải để làm danh giá cho gia đình. Bất cứ ở tầng lớp xã hội nào, chúng ta cũng yêu sách. Chúng ta tự nhận là những người cho vay nợ, chứ không nhận rằng mình vay nợ của người khác. Chúng ta ức bách, bằng cách này hay cách khác, đồng ta phải trả nợ cho ta. Với tinh thần đó, không thể nào đi tới kết quả tốt đẹp được. Bởi vì xét cho

cùng, thì đó là tinh thần đặc ân mà tinh thần đặc ân lại chính là kẻ thù của định luật chung, một chướng ngại vật ngăn cản sự đoàn kết và hiểu biết giữa đồng bào một nước.

Năm 1882, nhà học giả Renan có nói rằng một quốc gia “là một gia đình tinh thần” và nói thêm rằng: “Điều cốt yếu cho một quốc gia là mọi phần tử phải có nhiều sự kiện tương đồng mà mọi người lại còn phải quên đi nhiều sự kiện”. Chúng ta phải biết ta nên quên cái gì, ta phải ghi nhớ cái gì, mà không phải chỉ quên hay nhớ những sự kiện trong dĩ vãng mà trong cả hiện tại nữa, trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Hiện nay, chúng ta bận tâm về những mối chia rẽ chúng ta hơn là nhớ đến những mối đoàn kết chúng ta lại. Ta nhớ cái tính cách phụ rằng ta là một nông dân, một văn nghệ sĩ, một thương gia, một chính trị gia, một lãnh tụ; nhưng tính cách chính của ta thì ta quên bằng: ta không nhớ rằng, trước hết, ta là người con của đất nước, ta là người. Rút lại, ta suy nghĩ và hành động trái lại hẳn với tinh thần đoàn kết, thành ra ta với đồng bào xa nhau, chia rẽ nhau. Ngoài ra, ta lại còn hay nuôi những kỷ niệm xấu trong đầu óc đồng bào. Có những người tôn thờ chủ nghĩa cá thể, độc đoán và ngạo mạn, hàng ngày vẫn bắt bẻ, khích bác nhau. Họ gặp gỡ nhau và thù hằn, chia rẽ, xâu xé ngấm ngấm nhau. Chẳng bao lâu, giữa những người đó phát sinh ra một tinh thần nghi kỵ, thù hằn, ghen ghét, không có thiện chí.

Ta phải tiêu diệt tinh thần như bọn đó đi. Phải quên đi! Đó là điều mà chúng ta phải tâm niệm mỗi buổi sáng trong tất cả mọi nhiệm vụ. Phải nhớ lấy cái chính yếu và quên mọi khoản phụ đi! Nếu từ kẻ sang đến kẻ hèn ai cũng cố nuôi lấy tinh thần đó thì người ta làm tròn nhiệm vụ công dân biết bao nhiêu! Cố quên thù oán đi thì người ta yêu thương những người chung quanh và làm thêm được công đức biết bao nhiêu!

Tinh thần giản dị quả là một bà tiên có phép màu. Nó san phẳng những bất hòa, nghi kỵ, ghen ghét; nó nối liền tâm hồn người ta lại với nhau; nó đem yên vui, hạnh phúc và hòa bình đến cho nhân loại. Tinh thần giản dị hiện ra dưới muôn ngàn hình thức khác nhau. Nhưng vĩ đại nhất là khi nó hiện ra giữa những sự chia rẽ vì cảnh ngộ, vì giai cấp, vì quyền lợi, vì thành kiến để làm cho mọi người tưởng chừng không đoàn kết được mà lại hiểu biết nhau, yêu nhau và cộng tác chặt chẽ với nhau.

Đó mới chính là thứ xi-măng xã hội, thứ xi-măng hàn gắn dân tộc lại để xã hội thành một quốc gia hùng mạnh.

Hải Phòng, ngày 25-5-1955

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lúc cuộc tranh sống càng ngày càng ráo riết và khó khăn như lúc này, mỗi người trong chúng ta đều muốn tìm một ánh sáng để dẫn nẻo, một chỗ nương tựa để nâng đỡ mình trong việc tìm một đời sống tươi đẹp hơn, đầy đủ hơn, vững chắc hơn.

Lắm người vô phúc thay, sau những cơn bão táp không sao tránh khỏi trong một đời người, mất cả hy vọng, cả nghị lực, phó mặc cho cuộc đời lôi cuốn, v.v...

Nếu những người ấy biết phương pháp tự đào luyện, biết dùng một cách khôn khéo những năng lực tiềm tàng trong họ, thì dù họ có hèn yếu đến đâu, bạc phúc đến đâu, cũng có thể cất đầu lên để lần hồi, song cách chắc chắn, đi đến một tương lai rực rỡ.

Tất cả những phương pháp dạy ta điều khiển cuộc đời, về ba mặt: Thể chất, Trí thức, Tâm thần, những phương pháp để đào luyện triệt để phẩm cách con người, chúng tôi gọi là “Học làm người”.

Trong loại sách này, chúng tôi lựa chọn cho ra những tác phẩm có giá trị, hoặc sáng tác hoặc phiên dịch. Không thuyết lý viển vông, những sách trong loại này sẽ đề cập một cách thực tiễn những vấn đề thiết thực của đời sống các hạng người.

Không thành kiến, không chia ranh giới, chúng tôi chỉ cần thu nạp nhiều ý kiến mà chúng tôi sẵn sàng cộng tác với những bạn đồng chí hướng.